

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC ĐÀ NẴNG
KHOA KINH TẾ- BỘ MÔN KẾ TOÁN**



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đề tài:

**KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ
KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH MINH ANH ĐÀ NẴNG**

Giáo viên hướng dẫn : ThS. Nguyễn Thị Hồng Hạnh

Sinh viên thực hiện : Lê Thị Thúy Hằng

Mã số sinh viên : 2254010025

Khóa học : 2022-2026

Lớp : 22KH1

Đà Nẵng, tháng 05 năm 2026

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC ĐÀ NẴNG
KHOA KINH TẾ
BỘ MÔN KẾ TOÁN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày tháng năm 2026

GIAO NHIỆM VỤ KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Năm học: 2025 - 2026

Thông tin tác giả thực hiện

Họ và tên sinh viên	Lê Thị Thuý Hằng
Chuyên ngành	Kế toán
Trình độ đào tạo	Đại học
Khóa học	2022 – 2026

Tên đề tài Khoá luận tốt nghiệp

**“KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH
TẠI CÔNG TY TNHH MINH ANH ĐÀ NẴNG”**

Các số liệu ban đầu thực hiện Khoá luận tốt nghiệp: Số liệu thực tế tại Công ty TNHH Minh Anh Đà Nẵng”

Các bảng biểu:

Cán bộ hướng dẫn: Th.S Nguyễn Thị Hồng Hạnh

Ngày giao nhiệm vụ Khoá luận tốt nghiệp: 02/03/2026

Ngày sinh viên phải hoàn thành khoá luận: 25/05/2026

Giảng viên hướng dẫn

(ký ghi rõ họ tên)

MỤC LỤC

DANH MỤC SƠ ĐỒ, QUY TRÌNH	
DANH MỤC BẢNG VÀ HÌNH ẢNH	
DANH MỤC VIẾT TẮT	
LỜI CẢM ƠN	
LỜI MỞ ĐẦU	

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH.....	1
1.1. Khái quát chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh .	1
1.1.1. <i>Khái niệm doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh</i>	1
1.1.2. Vai trò của doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh.....	1
1.1.3 Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.....	2
1.1.4. Ý nghĩa của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.....	2
1.2. Kế toán các khoản doanh thu.....	3
1.2.1. <i>Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>	3
1.2.2. <i>Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu</i>	8
1.2.3. <i>Kế toán doanh thu hoạt động tài chính</i>	9
1.2.4. <i>Kế toán thu nhập khác</i>	12
1.3. Kế toán các khoản chi phí.....	15
1.3.1. <i>Kế toán giá vốn hàng bán</i>	15
1.3.2. <i>Kế toán chi phí tài chính</i>	19
1.3.3. <i>Kế toán chi phí quản lý kinh doanh</i>	21
1.3.4. <i>Kế toán chi phí khác</i>	24
1.3.5. <i>Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp</i>	26
1.4. <i>Kế toán xác định kết quả kinh doanh</i>	28
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH MINH ANH ĐÀ NẴNG	31
2.1. Giới thiệu khái quát về công ty TNHH Minh Anh Đà Nẵng.....	31
2.1.1. <i>Giới thiệu chung về công ty TNHH Minh Anh Đà Nẵng</i>	31

2.1.2. Quá trình hình thành và phát triển của công ty TNHH Minh Anh Đà Nẵng	31
2.1.3. Đặc điểm ngành nghề hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty TNHH Minh Anh Đà Nẵng.....	31
2.1.4. Tổ chức bộ máy quản lý công ty công ty TNHH Minh Anh Đà Nẵng.	32
2.1.5. Tổ chức bộ máy kế toán Công ty TNHH Minh Anh Đà Nẵng	33
2.1.6. Hình thức ghi sổ kế toán và phần mềm kế toán được sử dụng tại công ty.....	34
2.2. Thực trạng kế toán các khoản doanh thu tại Công ty TNHH Minh Anh Đà Nẵng	37
2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	37
2.2.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu	46
2.2.3. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính	52
2.2.4. Kế toán thu nhập khác.....	54
2.3. Thực trạng kế toán các khoản chi phí	57
2.3.1. Kế toán giá vốn hàng bán	57
2.3.2. Kế toán chi phí tài chính	61
2.3.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh	64
2.3.4. Kế toán chi phí khác	70
2.3.5. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	74
2.4. Kế toán xác định kết quả kinh doanh	80
CHƯƠNG 3 – NHẬN XÉT VÀ GIẢI PHÁP KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH MINH ANH ĐÀ NẴNG	85
3.1. Những nhận xét đánh giá về thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Công ty TNHH Minh Anh Đà Nẵng	85
3.1.1. Ưu điểm.....	85
3.1.2. Hạn chế	86
3.2. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Minh Anh Đà Nẵng.....	87
KẾT LUẬN	
TÀI LIỆU THAM KHẢO	

DANH MỤC SƠ ĐỒ, QUY TRÌNH

Sơ đồ 1.1: Sơ đồ hạch toán doanh thu theo phương thức bán hàng trực tiếp	6
Sơ đồ 1.2: Sơ đồ hạch toán doanh thu theo phương thức bán hàng qua đại lý	6
(Đối với bên nhận đại lý)	6
Sơ đồ 1.3: Sơ đồ hạch toán doanh thu theo phương thức bán hàng qua đại lý	7
(Đối với bên giao hàng đại lý)	7
Sơ đồ 1.4: Sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp	7
Sơ đồ 1.5: Sơ đồ hạch toán các tài khoản giảm trừ doanh thu	9
Sơ đồ 1.6: Sơ đồ hạch toán kế toán các chi phí liên quan	9
Sơ đồ 1.7: Sơ đồ hạch toán doanh thu hoạt động tài chính	11
Sơ đồ 1.8: Sơ đồ hạch toán thu nhập khác	14
Sơ đồ 1.9: Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán	18
Sơ đồ 1.9: Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán	18
Sơ đồ 1.10: Sơ đồ hạch toán chi phí tài chính	20
Sơ đồ 1.10: Sơ đồ hạch toán chi phí tài chính	20
Sơ đồ 1.11. Sơ đồ hạch toán chi phí quản lý kinh doanh	23
Sơ đồ 1.11. Sơ đồ hạch toán chi phí quản lý kinh doanh	23
Sơ đồ 1.12. Sơ đồ hạch toán chi phí	25
Sơ đồ 1.13: Sơ đồ hạch toán thuế TNDN	27
Sơ đồ 1.14: Sơ đồ hạch toán xác định kết quả kinh doanh	30
Sơ đồ 2.1. Sơ đồ bộ máy quản lý	32
Sơ đồ 2.2. Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán	33
Sơ đồ 2.3. Sơ đồ hình thức ghi sổ kế toán	35
Sơ đồ 2.4. Sơ đồ ghi sổ theo phần mềm kế toán MISA	36

DANH MỤC BẢNG VÀ HÌNH ẢNH

Hình 2.1. Giao diện phần mềm kế toán.....	36
Hình 2.2. Giao diện các bước hạch toán trên phần mềm MISA	39
Hình 2.3. Hoá đơn GTGT số 00003420.....	40
Hình 2.4. Giao diện chứng từ bán hàng	41
Hình 2.5. Hoá đơn GTGT số 00003769.....	43
Hình 2.6. Giao diện chứng từ bán hàng	44
Hình 2.7. Phiếu thu số KL8151.....	44
Hình 2.8. Sổ chi tiết TK 5111	45
Hình 2.9. Sổ cái TK 511.....	46
Hình 2.10. Hóa đơn GTGT số 00003890.....	49
Hình 2.11. Giao diện hạch toán trên phần mềm MISA.....	50
Hình 2.12. Phiếu thu số KL 2150.....	50
Hình 2.13. Sổ chi tiết TK 5111	51
Hình 2.14. Sổ cái TK 511.....	51
Hình 2.15. Phiếu báo Có	52
Hình 2.16. Sổ chi tiết TK 515	53
Hình 2.17. Sổ cái TK 515.....	54
Hình 2.18. Hạch toán trên phần mềm Misa	55
Hình 2.19. Thư thông báo các khoản thưởng doanh số	55
Hình 2.20. Chứng từ kế toán.....	56
Hình 2.21. Sổ chi tiết TK 711	56
Hình 2.22. Sổ cái TK 711.....	57
Hình 2.23. Phiếu xuất kho theo HĐ số 00003420	58
Hình 2.24. Giao diện hạch toán trên phần mềm Misa	59
Hình 2.25. Phiếu xuất kho theo HĐ số 00003769	59
Hình 2.26. Giao diện hạch toán trên phần mềm Misa.....	60
Hình 2.27. Sổ chi tiết TK 632	60
Hình 2.28. Sổ cái TK 632.....	61
Hình 2.29. Nhập uỷ nhiệm chi trên phần mềm Misa	62
Hình 2.30. Giấy báo Nợ UNC 175.....	62
Hình 2.31. Yêu cầu chuyển tiền.....	63
Hình 2.32. Sổ chi tiết TK 635	63
Hình 2.33. Sổ cái TK 635.....	64
Hình 2.34. Bảng chấm công nhân viên	65

Hình 2.35. Bảng thanh toán lương nhân viên	66
Hình 2.36. Giao diện hạch toán trên phần mềm Misa.....	66
Hình 2.37. Phiếu chi số PC01727	67
Hình 2.38. Sổ chi tiết TK 6421	68
Hình 2.39. Sổ chi tiết TK 6422	69
Hình 2.40. Sổ cái TK 642.....	70
Hình 2.41. Giấy báo Nợ	71
Hình 2.42. Chứng từ kế toán	71
Hình 2.43. Hạch toán trên phần mềm Misa	72
Hình 2.44. Ủy nhiệm chi.....	72
Hình 2.45. Sổ chi tiết TK 811	73
Hình 2.46. Sổ cái TK 811.....	73
Hình 2.47. Giao diện chọn tờ khai quyết toán thuế TNDN	75
Hình 2.48. Tờ khai quyết toán thuế TNDN	78
Hình 2.49. Phụ lục kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.....	79
Hình 2.50. Sổ cái TK 911.....	81
Hình 2.51. Báo cáo kết quả kinh doanh	82
Hình 2.52. Sổ nhật ký chung.....	84

DANH MỤC VIẾT TẮT

TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
TSCĐ	Tài sản cố định
GTGT	Giá trị gia tăng
CCDC	Công cụ dụng cụ
SXKD	Sản xuất kinh doanh
SXC	Sản xuất chung
BHXXH	Bảo hiểm xã hội
BHYT	Bảo hiểm y tế
KPCĐ	Kinh phí công đoàn
QLKD	Quản lý kinh doanh
HH	Hàng hóa
TS	Tài sản
TK	Tài khoản
TNDN	Thu nhập doanh nghiệp
KC	Kết chuyển
KH	Khách hàng
BCTC	Báo cáo tài chính
LNKT	Lợi nhuận kế toán
ĐVT	Đơn vị tính
VNĐ	Việt Nam đồng
DT	Doanh thu
DTT	Doanh thu thuần
TT	Thông tư
BTC	Bộ tài chính

LỜI CẢM ƠN

Khoá luận tốt nghiệp với đề tài “Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Minh Anh Đà Nẵng” là thành quả của quá trình học tập, rèn luyện và nỗ lực không ngừng của em trong suốt thời gian theo học tại Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng. Để hoàn thành được khoá luận này, em đã nhận được rất nhiều sự quan tâm, hỗ trợ và giúp đỡ quý báu từ các cá nhân và tập thể.

Trước hết, em xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đến Cô Nguyễn Thị Hồng Hạnh – giảng viên hướng dẫn, người đã tận tâm chỉ bảo, định hướng nghiên cứu và luôn theo sát, hỗ trợ em trong suốt quá trình thực hiện đề tài. Những góp ý chuyên môn sâu sắc cùng sự tận tình của cô không chỉ giúp em hoàn thiện khoá luận mà còn là hành trang quý báu cho công việc sau này.

Em xin chân thành cảm ơn quý thầy cô khoa Kế toán – Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng đã truyền đạt cho em hệ thống kiến thức chuyên môn vững chắc cũng như những bài học quý giá về tư duy và đạo đức nghề nghiệp. Đây chính là nền tảng quan trọng giúp em có thể vận dụng vào thực tiễn và hoàn thành tốt đề tài nghiên cứu.

Đồng thời, em xin gửi lời cảm ơn chân thành đến Ban lãnh đạo cùng các anh/chị tại phòng Kế toán – Công ty TNHH Minh Anh Đà Nẵng đã nhiệt tình hỗ trợ, cung cấp thông tin, số liệu thực tế và tạo mọi điều kiện thuận lợi để em có thể tiếp cận thực tiễn, phục vụ cho việc nghiên cứu và hoàn thiện khoá luận.

Cuối cùng, em xin gửi lời tri ân sâu sắc đến gia đình và bạn bè – những người luôn bên cạnh động viên, khích lệ và là chỗ dựa tinh thần vững chắc giúp em vượt qua những khó khăn trong suốt quá trình học tập và thực hiện đề tài.

Mặc dù đã nỗ lực hết mình với tinh thần nghiêm túc và trách nhiệm cao, nhưng do hạn chế về thời gian cũng như kinh nghiệm thực tiễn, khoá luận khó tránh khỏi những thiếu sót nhất định. Em rất mong nhận được sự góp ý, chỉ dẫn của quý thầy cô để đề tài được hoàn thiện hơn. Em xin chân thành cảm ơn

LỜI MỞ ĐẦU

Trong bối cảnh nền kinh tế ngày càng phát triển và hội nhập sâu rộng như hiện nay, các doanh nghiệp không chỉ phải đối mặt với sự cạnh tranh gay gắt trên thị trường mà còn cần chú trọng nâng cao hiệu quả quản lý tài chính để đảm bảo sự tồn tại và phát triển bền vững. Trong đó, công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh giữ vai trò đặc biệt quan trọng, giúp doanh nghiệp kiểm soát tốt tình hình tài chính, đánh giá hiệu quả kinh doanh và đưa ra những quyết định phù hợp.

Nhận thức được tầm quan trọng đó, em đã lựa chọn đề tài: “Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty TNHH Minh Anh Đà Nẵng” làm nội dung nghiên cứu cho khoá luận của mình. Thông qua đề tài, em mong muốn tìm hiểu và phân tích thực trạng công tác kế toán tại doanh nghiệp, từ đó đánh giá những ưu điểm, hạn chế còn tồn tại, đồng thời đề xuất một số giải pháp nhằm góp phần hoàn thiện hơn hệ thống kế toán của công ty.

Khoá luận không chỉ giúp em hệ thống hoá những kiến thức đã được học trong quá trình đào tạo mà còn là cơ hội để em vận dụng lý thuyết vào thực tiễn, qua đó nâng cao kỹ năng chuyên môn và tích lũy kinh nghiệm cho công việc trong tương lai.

Thông qua khoá luận này, em xin cảm ơn sâu sắc tới cô giáo ThS. Nguyễn Thị Hồng Hạnh- Giảng viên trường Đại học Kiến Trúc Đà Nẵng, người đã tận tình giúp đỡ, chỉ bảo em trong suốt quá trình thực hiện khoá luận. Đồng thời, em xin chân thành cảm ơn Ban giám hiệu cùng quý thầy cô trong khoa đã trang bị cho em những kiến thức quý báu trong suốt thời gian học tập.

Bên cạnh đó, em cũng xin gửi lời cảm ơn chân thành đến Ban lãnh đạo và các anh/chị trong bộ phận kế toán của Công ty TNHH Minh Anh Đà Nẵng đã tạo điều kiện thuận lợi, hỗ trợ em trong việc tìm hiểu thực tế và cung cấp số liệu cần thiết để hoàn thành khoá luận này.

Khoá luận tốt nghiệp gồm 3 phần:

Chương 1: Cơ sở lý luận về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

Chương 2: Thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của công ty TNHH Minh Anh Đà Nẵng

Chương 3: Nhận xét và giải pháp hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Minh Anh Đà Nẵng

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH

1.1. Khái quát chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

1.1.1. Khái niệm doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

a. Khái niệm doanh thu, chi phí

- Doanh thu: Là tổng giá trị các lợi ích kinh tế và doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

- Chi phí: Là các khoản chi phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, cho các hoạt động khác mà doanh nghiệp phải bỏ ra để thực hiện các hoạt động của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định

b. Khái niệm xác định kết quả kinh doanh

Theo Điều 68 Thông tư 133/2016/TT-BTC: Kết quả kinh doanh là chỉ tiêu phản ánh bằng tiền chênh lệch giữa thu nhập và chi phí, thể hiện lãi hoặc lỗ phát sinh từ các hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động tài chính và các hoạt động khác.

- Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán (gồm cả sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và dịch vụ, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư, như: chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, nâng cấp, chi phí cho thuê hoạt động, chi phí thanh lý, nhượng bán bất động sản đầu tư), chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

- Kết quả hoạt động tài chính là số chênh lệch giữa thu nhập của hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính.

- Kết quả hoạt động khác là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

1.1.2. Vai trò của doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh

Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp sản xuất giữ vai trò quan trọng trong việc phản ánh toàn diện tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong từng kỳ kế toán. Thông qua việc ghi nhận doanh thu, tập hợp và phân bổ chi phí theo đúng nguyên tắc kế toán, kế toán giúp xác định chính xác kết quả kinh doanh, làm cơ sở đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

Bên cạnh đó, thông tin do kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh cung cấp là căn cứ quan trọng để lập và trình bày báo cáo tài chính, đặc biệt là Báo

cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Đồng thời, đây cũng là cơ sở để doanh nghiệp thực hiện nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước theo quy định hiện hành.

Ngoài ra, việc tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh một cách hợp lý, khoa học sẽ góp phần đảm bảo cung cấp thông tin trung thực, hợp lý và kịp thời. Điều này không chỉ giúp nâng cao tính minh bạch tài chính mà còn hỗ trợ nhà quản lý trong việc kiểm soát chi phí, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và định hướng phát triển của doanh nghiệp.

1.1.3 Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

Kế toán có nhiệm vụ ghi chép đầy đủ và kịp thời tình hình biến động của hàng hoá trong doanh nghiệp, bao gồm cả hàng hoá mua vào, bán ra và tiêu thụ nội bộ. Việc theo dõi này giúp doanh nghiệp nắm được số lượng, giá trị hàng hoá cũng như tình hình luân chuyển trong quá trình kinh doanh. Bên cạnh đó, kế toán cần xác định chính xác giá vốn hàng bán, các khoản giảm trừ doanh thu, cùng với các chi phí phát sinh như chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp và các chi phí khác, từ đó làm cơ sở để xác định đúng kết quả kinh doanh trong kỳ.

Ngoài ra, kế toán còn có nhiệm vụ phản ánh đầy đủ các khoản doanh thu phát sinh như doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu thuần, doanh thu hoạt động tài chính và thu nhập khác. Việc ghi nhận đúng và đầy đủ các khoản doanh thu này giúp doanh nghiệp đánh giá chính xác hiệu quả hoạt động kinh doanh. Đồng thời, kế toán cũng thực hiện kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện kế hoạch bán hàng, kịp thời cung cấp thông tin cần thiết cho ban lãnh đạo về tình hình tiêu thụ sản phẩm, từ đó hỗ trợ cho việc điều hành và ra quyết định kinh doanh.

Cuối kỳ, kế toán tiến hành tổng hợp số liệu để lập báo cáo tài chính theo quy định, đồng thời thực hiện việc kê khai và tính toán các loại thuế phải nộp như thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân, thuế môn bài và các nghĩa vụ khác đối với Nhà nước. Những công việc này góp phần đảm bảo doanh nghiệp thực hiện đúng quy định pháp luật và nâng cao tính minh bạch trong hoạt động tài chính.

1.1.4. Ý nghĩa của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có ý nghĩa quan trọng trong việc phản ánh tình hình hoạt động của doanh nghiệp. Thông qua các số liệu kế toán, doanh nghiệp có thể nắm được kết quả kinh doanh trong từng kỳ.

Trước hết, đây là cơ sở để nhà quản lý đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh. Dựa vào doanh thu, chi phí và lợi nhuận, doanh nghiệp biết được mình đang hoạt động tốt hay chưa để có hướng điều chỉnh phù hợp.

Bên cạnh đó, việc theo dõi chi phí giúp doanh nghiệp kiểm soát các khoản chi tiêu, hạn chế lãng phí và sử dụng nguồn lực hợp lý hơn. Điều này góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh và tăng khả năng cạnh tranh.

Ngoài ra, các thông tin về doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh còn là căn cứ để lập báo cáo tài chính theo quy định. Những thông tin này phục vụ không chỉ cho nội bộ doanh nghiệp mà còn cho các đối tượng bên ngoài.

Cuối cùng, việc xác định đúng kết quả kinh doanh giúp doanh nghiệp thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế với Nhà nước. Đồng thời, đây cũng là cơ sở để doanh nghiệp phân tích và lập kế hoạch cho các kỳ tiếp theo

1.2. Kế toán các khoản doanh thu

1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

a. Khái niệm

Doanh thu bán hàng là tổng giá trị các lợi ích kinh tế của doanh nghiệp (chưa có thuế) thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp (không bao gồm vốn chủ sở hữu).

+ Bán hàng là bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất ra, bán hàng hoá mua vào và bán bất động sản đầu tư

+ Cung cấp dịch vụ là thực hiện công việc đã thoả thuận theo hợp đồng trong một kỳ, hoặc nhiều kỳ kế toán, như cung cấp dịch vụ vận tải, du lịch, cho thuê TSCĐ theo phương thức cho thuê hoạt động....

b. Điều kiện ghi nhận doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Theo quy định tại điều 57 trong Thông tư 133/2016/TT-BTC:

Doanh nghiệp chỉ ghi nhận doanh thu bán hàng khi đồng thời thoả mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hoá cho người mua.
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý, quyền kiểm soát hàng hoá.
- Doanh nghiệp được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá.
- Doanh nghiệp đã thu hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ bán hàng.
- Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh nghiệp chỉ ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ khi đồng thời thoả mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

c. Các phương thức bán hàng và thanh toán

❖ *Các phương thức bán hàng*

- Phương thức bán hàng trực tiếp: Là phương thức giao hàng trực tiếp cho người mua tại kho, tại phân xưởng sản xuất (không qua kho) của doanh nghiệp. Sản phẩm khi bàn giao cho khách hàng được chính thức coi là tiêu thụ và đơn vị bán mất quyền sở hữu về số hàng này.

- Bán buôn: Là phương thức bán hàng theo lô hoặc bán với số lượng lớn. Giá bán biến động tuỳ thuộc vào khối lượng hàng bán và phương thức thanh toán. Bán buôn gồm 2 phương thức: bán buôn qua kho và bán buôn vận chuyển thẳng.

+ Phương thức bán buôn hàng hoá qua kho: Là phương thức mà trong đó hàng bán được xuất ra từ kho của doanh nghiệp.

+ Phương thức bán buôn hàng hoá vận chuyển thẳng: là phương thức bán buôn mà sau khi mua hàng, doanh nghiệp không nhập kho mà chuyển thẳng cho bên mua.

- Bán lẻ: là phương thức bán hàng trực tiếp cho người tiêu dùng hoặc tổ chức kinh tế mang tính tiêu dùng. Bán lẻ thường bán đơn chiếc hoặc bán với số lượng nhỏ.

- Phương thức bán hàng đại lý, ký gửi

+ Là phương thức mà bên chủ hàng (gọi là bên giao đại lý) xuất hàng giao cho bên nhận đại lý (gọi là bên đại lý) để bán. Số hàng vẫn thuộc quyền sở hữu của bên chủ hàng cho đến khi chính thức tiêu thụ. Bên đại lý sẽ được hưởng thù lao đại lý dưới hình thức hoa hồng.

- Phương thức bán hàng trả góp, trả chậm

+ Là phương thức bán hàng thu tiền nhiều lần. Người mua sẽ thanh toán lần đầu ngay tại thời điểm mua. Số tiền còn lại người mua chấp nhận trả dần ở các kỳ tiếp theo và phải chịu một tỷ lệ lãi suất nhất định.

❖ *Các phương thức thanh toán*

- Phương thức thanh toán bằng tiền mặt:

Là hình thức người mua thanh toán trực tiếp bằng tiền mặt cho doanh nghiệp khi nhận hàng hoặc theo thỏa thuận.

- Phương thức thanh toán không bằng tiền mặt

+ Thanh toán qua ngân hàng: Người mua chuyển tiền từ tài khoản của mình sang tài khoản của doanh nghiệp. Đây là hình thức phổ biến, an toàn và dễ kiểm soát.

+ Bù trừ công nợ: Áp dụng khi hai bên vừa là khách hàng vừa là nhà cung cấp của nhau. Các khoản phải thu và phải trả sẽ được đối trừ, chỉ thanh toán phần chênh lệch (nếu có)

+ Ủy quyền thanh toán thông qua bên thứ ba: Là hình thức mà người mua hoặc người bán giấy ủy quyền cho một bên thứ ba thực hiện việc thanh toán theo thỏa thuận. Việc thanh toán phải có đầy đủ chứng từ hợp lệ.

d. Chứng từ sử dụng

- Phiếu xuất kho

- Hợp đồng kinh tế

- Hóa đơn GTGT

- Bảng kê hàng hóa dịch vụ bán ra

- Các chứng từ thanh toán: Phiếu thu, giấy báo có

e. Tài khoản sử dụng

Theo quy định tại điều 57 thông tư 133/2016/TT-BTC

Tài khoản 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” có 4 tài khoản cấp 2:

- Tài khoản 5111: Doanh thu bán hàng hoá

- Tài khoản 5112: Doanh thu bán các thành phẩm

- Tài khoản 5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ

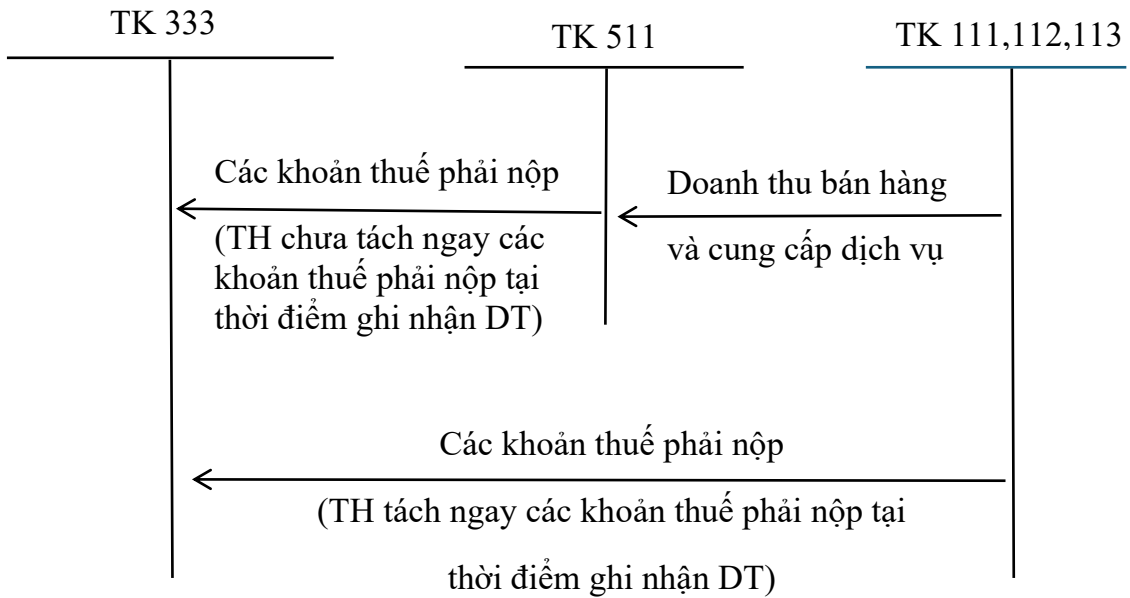
- Tài khoản 5118: Doanh thu khác

❖ Kết cấu của tài khoản:

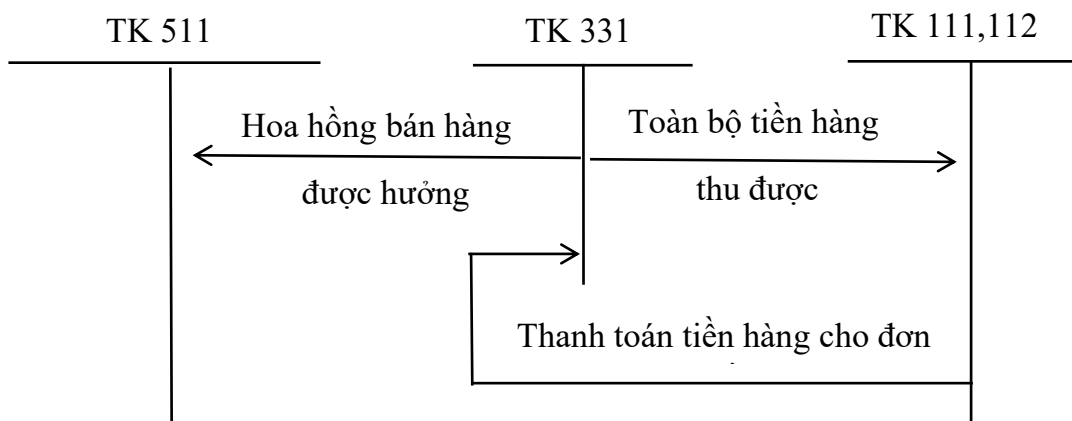
NỢ	TK 511	CÓ
- Các khoản thuế gián thu phải nộp (GTGT, TTĐB, XK, BVMT) - Các khoản giảm trừ doanh thu - Kết chuyển doanh thu thuần vào tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh".		Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.

Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ

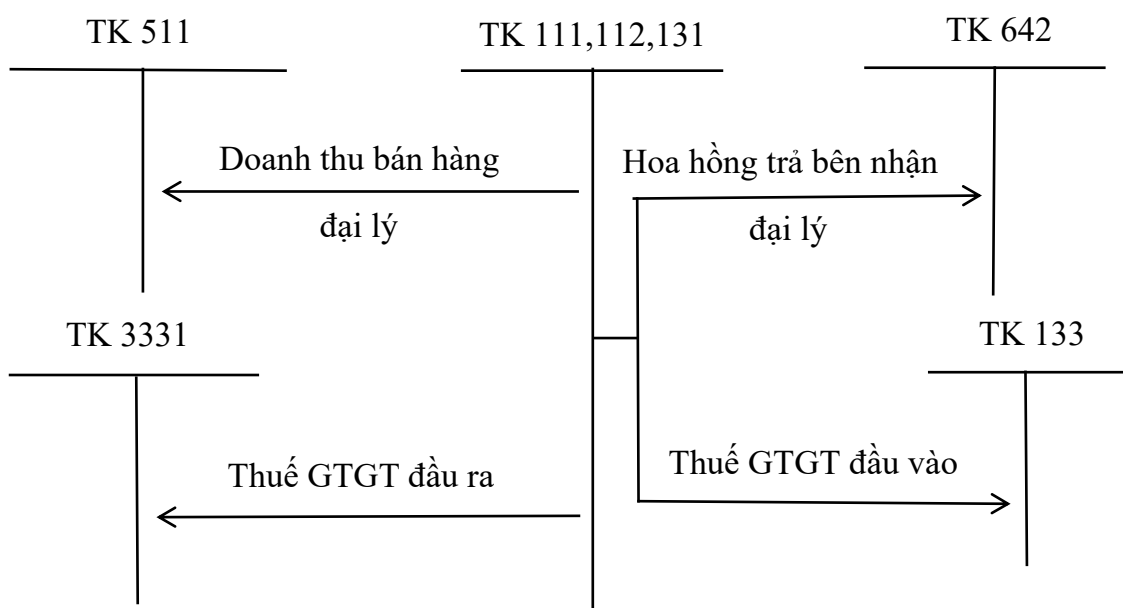
f. Phương pháp hạch toán



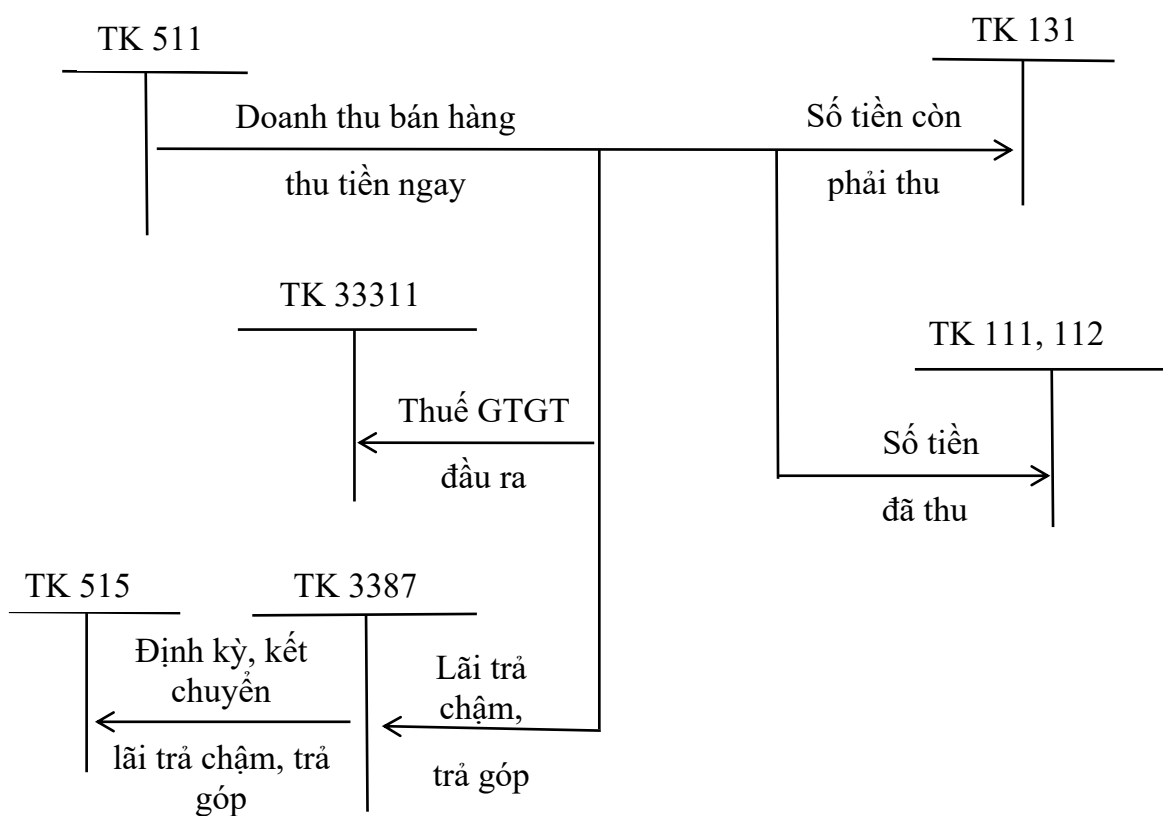
Sơ đồ 1.1: Sơ đồ hạch toán doanh thu theo phương thức bán hàng trực tiếp



Sơ đồ 1.2: Sơ đồ hạch toán doanh thu theo phương thức bán hàng qua đại lý (Đối với bên nhận đại lý)



Sơ đồ 1.3: Sơ đồ hạch toán doanh thu theo phương thức bán hàng qua đại lý
(Đối với bên giao hàng đại lý)



Sơ đồ 1.4: Sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp

1.2.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

a. Khái niệm

Các khoản giảm trừ doanh thu là những khoản phát sinh được điều chỉnh làm giảm doanh thu bán hàng, sản phẩm và cung ứng dịch vụ của doanh nghiệp trong kỳ kế toán. Bao gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

- Chiết khấu thương mại: Là số tiền doanh nghiệp đã giảm trừ hoặc đã thanh toán cho khách hàng do mua hàng hoá, dịch vụ với số lượng lớn theo thoả thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trên các hợp đồng kinh tế hoặc các cam kết về mua bán.
- Giảm giá hàng bán: Là số tiền giảm trừ cho khách hàng trên giá bán đã thoả thuận do nguyên nhân thuộc về người bán như kém phẩm chất, không đúng quy cách, lỗi thời, giao hàng không đúng thời gian, địa điểm trong hợp đồng,...
- Hàng bán bị trả lại: Là giá trị của một số thành phẩm, hàng hoá đã xác định tiêu thụ nhưng bị người mua trả lại do vi phạm các điều kiện đã cam kết trong hợp đồng kinh tế như: hàng kém phẩm chất, hàng không đúng kỹ thuật, sai chủng loại. Hàng bán bị trả lại phải có văn bản đề nghị người mua ghi rõ lý do hàng bán bị trả lại, giá trị hàng bị trả lại, đính kèm hóa đơn hoặc bản sao hóa đơn, và đính kèm chứng từ nhập lại kho của doanh nghiệp số hàng hoá nói trên.

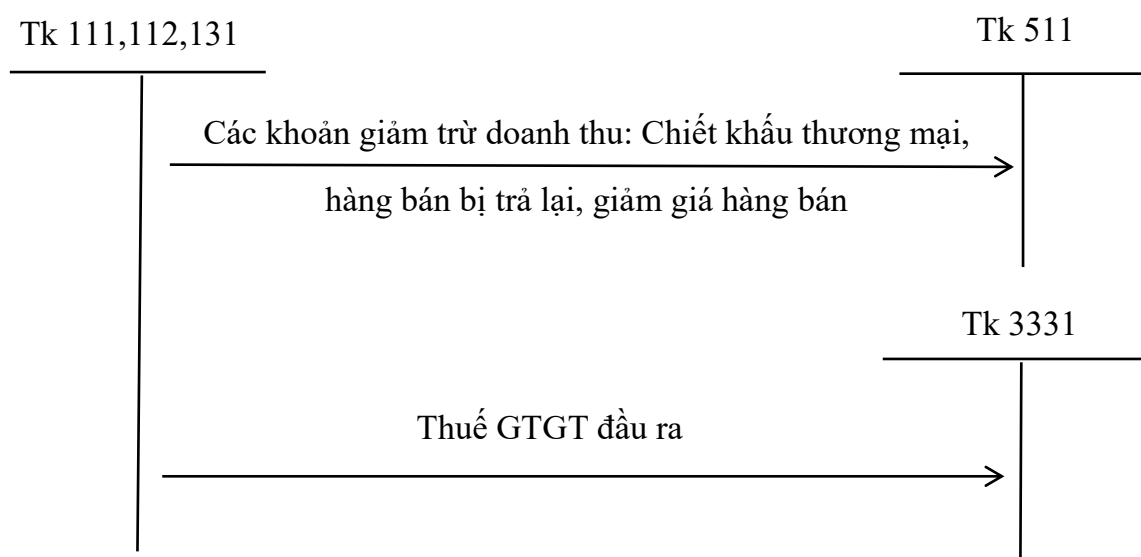
b. Chứng từ sử dụng

- Chiết khấu thương mại: Hóa đơn GTGT, biên bản điều chỉnh, hóa đơn điều chỉnh.
- Ngoài ra chứng từ kèm theo là các văn bản về chính sách chiết khấu thương mại của công ty.
- Giảm giá hàng bán: Biên bản điều chỉnh, hóa đơn điều chỉnh kèm bảng kê.
- Hàng bán bị trả lại: Hóa đơn của bên mua xuất trả lại hàng đã mua. Kèm theo các văn bản về lý do bị trả.

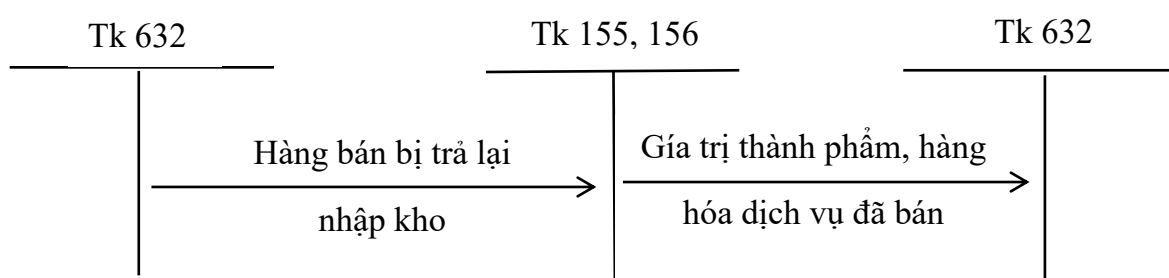
c. Tài khoản sử dụng

Theo quy định của thông tư 133/2016/TT-BTC, để hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu, kế toán hạch toán vào bên Nợ tài khoản 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”

d. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.5: Sơ đồ hạch toán các tài khoản giảm trừ doanh thu



Sơ đồ 1.6: Sơ đồ hạch toán kế toán các chi phí liên quan

1.2.3. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

a. Khái niệm

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm:

- Tiền lãi: Lãi cho vay, lãi tiền gửi, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do người mua hàng hoá, dịch vụ, lãi cho thuê tài chính, ...
- Thu nhập từ thuê tài sản, cho người khác sử dụng tài sản (bằng sáng chế, nhãn hiệu thương mại, bản quyền tác giả, phần mềm vi tính, ...)
- Chênh lệch lãi do bán ngoại tệ, khoản lãi chênh lệch tỷ giá ngoại tệ.

b. Chứng từ sử dụng

- Phiếu thu
- Giấy báo có, sao kê ngân hàng
- Hợp đồng

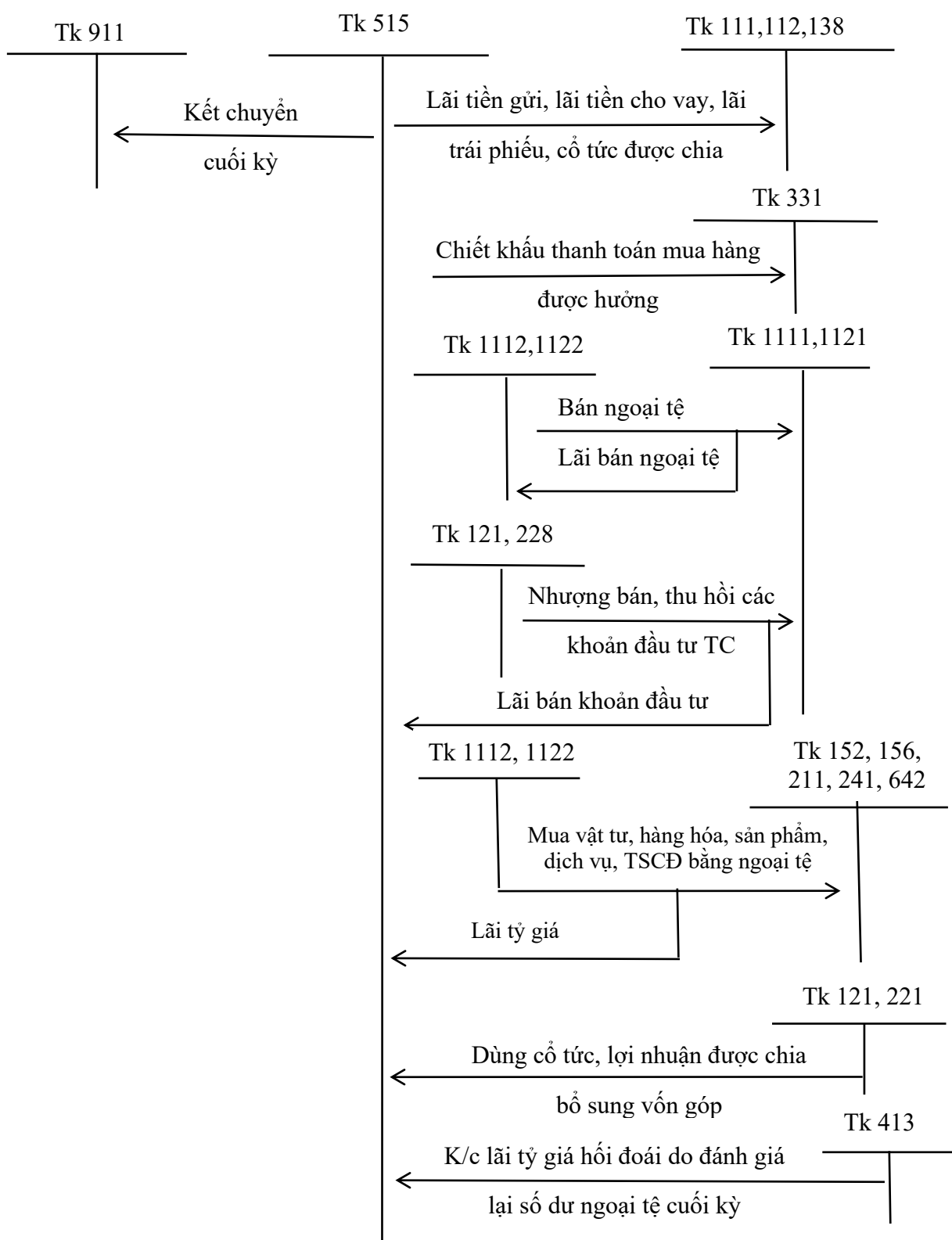
c. Tài khoản sử dụng

Tài khoản 515 – Doanh thu hoạt động tài chính, tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp

- Kết cấu tài khoản

Nợ	Tk 515	Có
- Số thuế GTGT phải nộp phương pháp trực tiếp (nếu có) - Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”		- Các khoản doanh thu hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ
Tài khoản không có số dư		

d. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.7: Sơ đồ hạch toán doanh thu hoạt động tài chính

1.2.4. Kế toán thu nhập khác

a. Khái niệm

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, gồm:

- Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ;
- Chênh lệch giữa giá trị hợp lý tài sản được chia từ BCC cao hơn chi phí đầu tư xây dựng tài sản đồng kiểm soát;
- Chênh lệch lãi do đánh giá lại vật tư, hàng hoá, tài sản cố định đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư khác;
- Các khoản thuế phải nộp khi bán hàng hoá, cung cấp dịch vụ nhưng sau đó được giảm, được hoàn (thuế xuất khẩu được hoàn, thuế GTGT, TTĐB, BVMT phải nộp nhưng sau đó được giảm);
- Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng;
- Thu tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất (ví dụ thu tiền bảo hiểm được bồi thường, tiền đền bù di dời cơ sở kinh doanh và các khoản có tính chất tương tự);
- Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xoá sổ;
- Thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ;
- Các khoản thu nhập khác ngoài các khoản nêu trên.

b. Chứng từ sử dụng

- Phiếu thu, Phiếu kế toán, Giấy báo có
- Biên bản bàn giao, thanh lý TSCĐ
- Hợp đồng, quyết định, hoá đơn thanh lý, nhượng bán TSCĐ

c. Tài khoản sử dụng

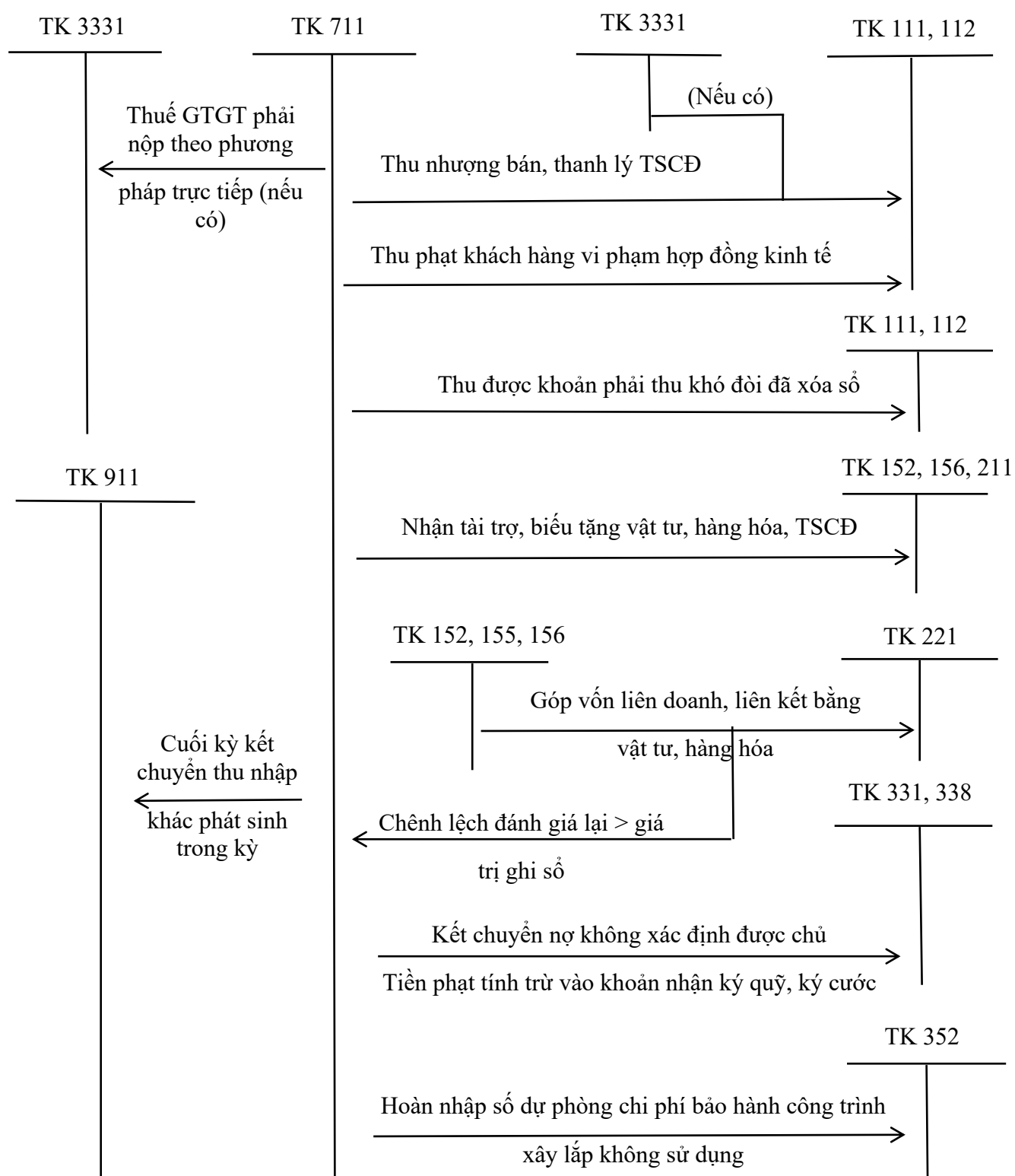
TK 711 – Thu nhập khác dùng để phản ánh các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động tạo ra doanh thu của doanh nghiệp.

- Kết cấu tài khoản

Nợ	TK 711	Có
- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp - Cuối kỳ kế toán, kết chuyển ccas khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”		- Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ

Tài khoản không có số dư

d. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.8: Sơ đồ hạch toán thu nhập khác

1.3. Kế toán các khoản chi phí

1.3.1. Kế toán giá vốn hàng bán

a. Khái niệm

(Theo Điều 63 Thông tư 133/2016/TT-BTC)

Giá vốn hàng bán là tổng giá trị của hàng hoá, dịch vụ đã được bán ra trong kỳ. Bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến, chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí thu mua, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp liên quan trực tiếp đến hàng hóa, dịch vụ đã bán ra. Khi xuất bán phải đánh theo một trong các phương pháp quy định để xác định trị giá vốn hàng xuất bán.

b. Các phương pháp xác định giá xuất kho

- Phương pháp nhập trước - xuất trước:

- Theo phương pháp này kế toán căn cứ vào đơn giá mua hàng của từng lần nhập theo thứ tự, hàng nhập trước sẽ lấy đơn giá đó làm giá xuất trước nhưng phải đảm bảo mối tương quan về lượng của hàng có đơn giá đó.

Vì vậy hàng tồn kho đầu kì giả định là xuất trước tiên, số hàng xuất thêm sau đó được xuất đúng thứ tự như được mua vào nhập kho. Như vậy giá mua của hàng xuất kho được tính theo giá của hàng mua vào nhập kho tại các thời điểm đầu, giá mua của hàng tồn kho cuối kì sẽ là giá mua của hàng mua vào nhập sau cùng. Việc tính giá mua của hàng xuất kho theo phương pháp này có ưu điểm là giá mua của hàng tồn kho trên báo cáo kế toán sát với giá thị trường tại thời điểm lập báo cáo.

- Phương pháp thực tế đích danh:

- Theo phương pháp này, doanh nghiệp phải quản lý nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ, sản phẩm, hàng hoá theo từng lô hàng. Khi xuất lô hàng nào thì lấy giá của lô hàng đó. Thường sử dụng phương pháp này trong các doanh nghiệp có ít loại nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ, sản phẩm, hàng hoá hoặc nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ, sản phẩm, hàng hoá ổn định, có tính tách biệt và nhận diện được.

- Phương pháp này đòi hỏi doanh nghiệp phải theo dõi chi tiết từng lô hàng nhập xuất. Chỉ những doanh nghiệp kinh doanh có ít mặt hàng, hàng tồn kho có giá trị lớn, hàng tồn kho theo từng lô hàng có thể nhận diện được thì mới tính giá xuất kho được theo phương pháp này.

- Phương pháp bình quân gia quyền :

- Phương pháp bình quân dựa trên giả định rằng: giá gốc của hàng tồn kho cuối kỳ và giá vốn hàng bán trong một kỳ kế toán phản ánh giá bình quân của các lần nhập và hàng tồn kho đầu kỳ kế toán. Theo phương pháp này giá gốc sản phẩm

hàng hóa xuất trong kỳ được tính theo giá đơn vị bình quân (bình quân cả kì, bình quân thời điểm).

* Phương pháp bình quân cả kỳ

Đơn giá bình quân cho từng mặt hàng được xác định theo công thức:

$$\text{Đơn giá bình quân hàng tồn kho loại } i = \frac{\text{Giá trị thực tế hàng } i \text{ tồn đầu kỳ} + \text{Giá trị thực tế hàng } i \text{ nhập kho trong kỳ}}{\text{Số lượng thực tế hàng } i \text{ tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng thực tế hàng } i \text{ nhập trong kỳ}}$$

* Phương pháp bình quân thời điểm.

- Sau mỗi lần nhập kho thì kế toán phải tiến hành xác định lại đơn giá bình quân mới nhất.

$$\text{Đơn giá bình quân hàng } i \text{ sau lần nhập } t = \frac{\text{Giá trị thực tế hàng } i \text{ tồn kho trước lần nhập } t + \text{Giá trị thực tế hàng } i \text{ mua và nhập ở lần nhập } t}{\text{Số lượng hàng } i \text{ tồn kho trước lần nhập } t + \text{Số lượng hàng } i \text{ nhập kho ở lần nhập } t}$$

- Để tính giá trị hàng hoá xuất kho, hàng hoá tồn cuối kỳ, kế toán áp dụng công thức :

$$\text{Giá thực tế mặt hàng } i \text{ xuất kho} = \text{Số lượng mặt hàng } i \text{ xuất dùng} \times \text{Đơn giá bình quân}$$

$$\text{Giá thực tế hàng } i \text{ tồn kho cuối kỳ} = \text{Giá thực tế hàng } i \text{ tồn kho đầu kỳ} + \text{Giá thực tế hàng } i \text{ nhập kho trong kỳ} - \text{Giá thực tế hàng } i \text{ xuất kho trong kỳ}$$

- Hoá đơn GTGT
- Hoá đơn bán hàng

- Phiếu xuất kho

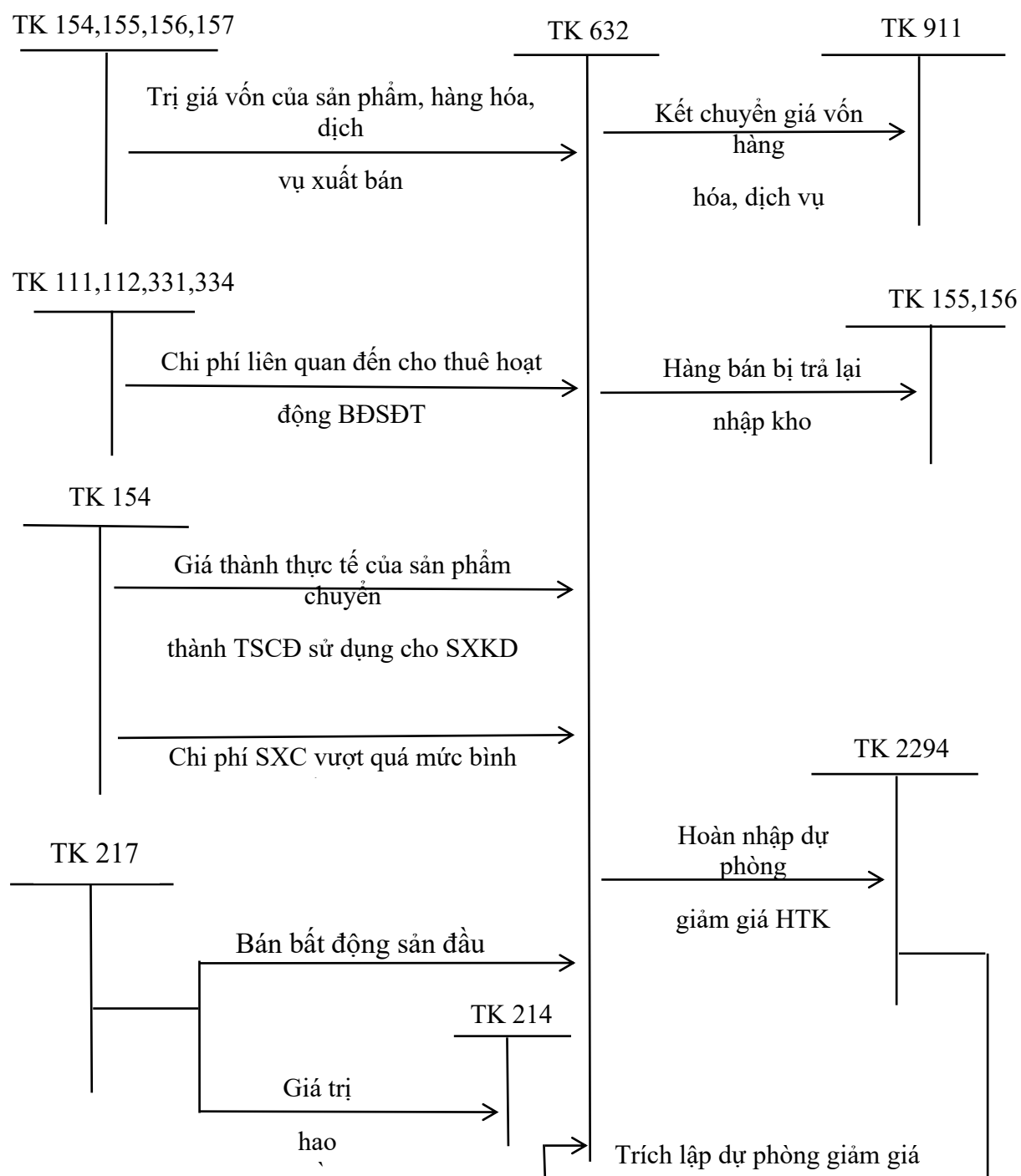
d. Tài khoản sử dụng

TK 632 - “Giá vốn hàng bán”: Dùng để phản ánh giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ tiêu thụ trong kỳ.

Nợ	TK 632	Có
- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ - Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ - Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi bù trừ đi phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra - Chi phí xây dựng tự chế tạo TSCĐ vượt trên mức bình thường không được tính vào nguyên giá TSCĐ hữu hình tự xây dựng, tự chế tạo hoàn thành. - Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn		- Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ sang TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh” - Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính - Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho

Tài khoản không có số dư

e. phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.9: Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán

1.3.2. Kế toán chi phí tài chính

a. Khái niệm

-Chi phí tài chính là chi phí liên quan đến hoạt động cho vay hoặc đi vay vốn, chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư và các khoản chi phí tài chính khác,... cụ thể:

- + Chi phí lãi tiền vay, lãi thuê tài sản thuê tài chính
- + Các khoản chi phí hoặc các khoản liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính
- + Chiết khấu thanh toán cho người mua
- + Chi phí giao dịch bán chứng khoán

b. Chứng từ sử dụng

- Ủy nhiệm chi
- Sổ phụ ngân hàng
- Giấy báo nợ
- Bảng tính lãi

c. Tài khoản sử dụng

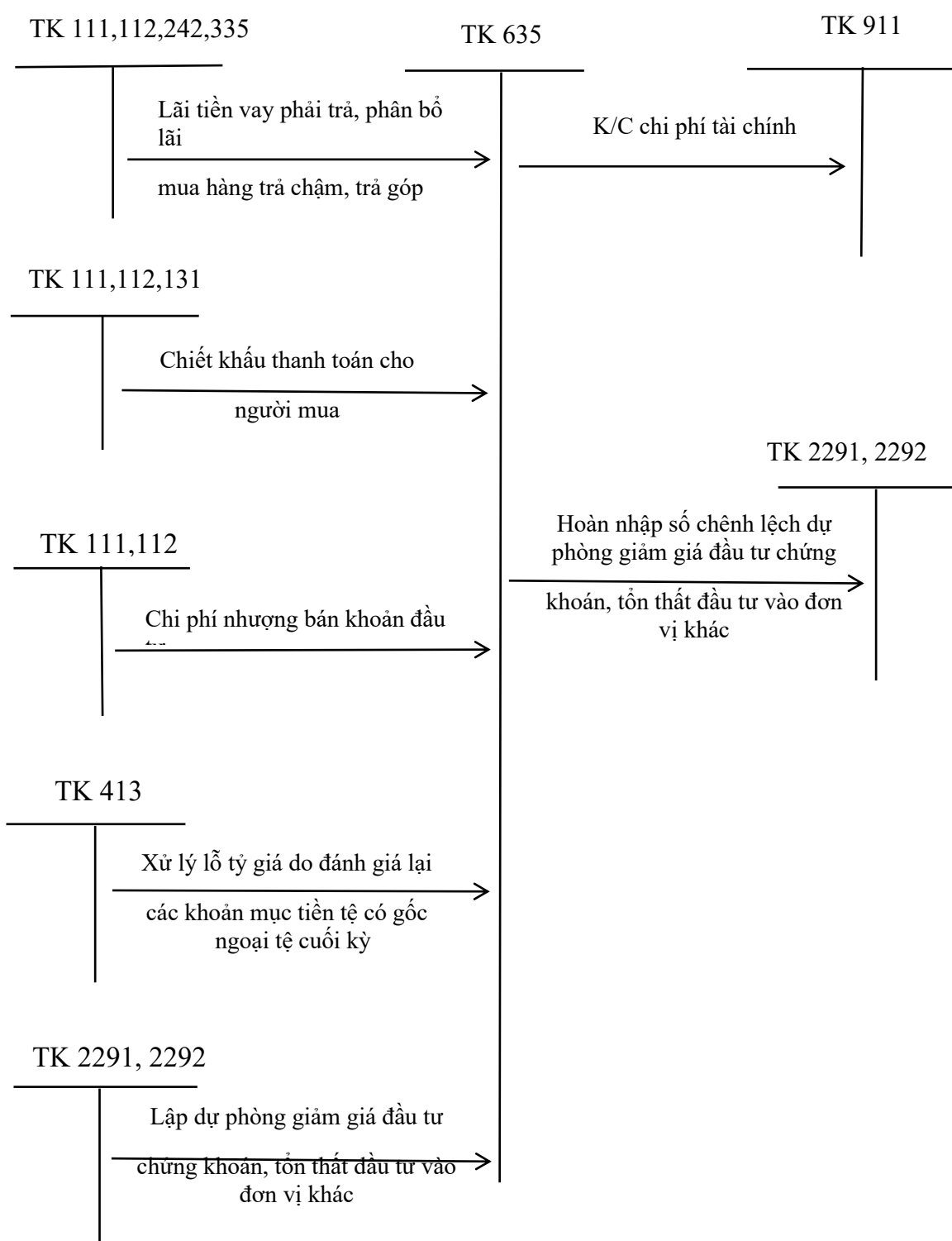
Để hạch toán chi phí tài chính, kế toán sử dụng Tài khoản 635 “Chi phí tài chính”

- Kết cấu tài khoản

NỢ	TK 635	CÓ
+ Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính.		+ Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác.
+ Lỗ bán ngoại tệ		+ Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết).
+ Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư		+ Các khoản được ghi giảm chi phí tài chính
+ Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ, lỗ tỷ giá hối đoái đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		+ Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh, trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.
+ Số trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác		

Tài khoản không có số dư

d. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.10: Sơ đồ hạch toán chi phí tài chính

1.3.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

a. Khái niệm

Chi phí quản lý kinh doanh là khoản chi phí liên quan đến hoạt động kinh tế của doanh nghiệp, là một mục quan trọng trong tờ khai thuế, khoản chi phí này làm giảm lợi nhuận của doanh nghiệp. Chi phí quản lý kinh doanh bao gồm: Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

- Chi phí bán hàng là khoản phí phát sinh liên quan đến hoạt động tiêu thụ hàng hoá. Bao gồm các khoản như: Các khoản tiền lương, phụ cấp phải trả cho nhân viên bán hàng, các khoản BHXH, BHYT, KPCĐ trên lương theo quy định, hoa hồng bán hàng, chi phí dụng cụ đồ dùng, chi phí khấu hao tài sản, ...

- Chi phí quản lý doanh nghiệp là chi phí phát sinh trong quá trình tổ chức các hoạt động doanh nghiệp mà doanh nghiệp đó phải bỏ ra để vận hành. Bao gồm các khoản như: Các khoản tiền lương, phụ cấp phải trả cho nhân viên quản lý doanh nghiệp, các khoản BHXH, BHYT, KPCĐ trên lương theo quy định, chi phí dụng cụ đồ dùng, chi phí khấu hao tài sản, tiền thuê đất, phí môn bài, khoản lập dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài, ...

b. Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT
- Bảng tính lương và các khoản trích theo lương.
- Bảng chấm công
- Bảng thanh toán tiền lương
- Phiếu Chi, giấy báo nợ

c. Tài khoản sử dụng

*Tài khoản 642 - Chi phí quản lý kinh doanh có 2 tài khoản cấp 2:

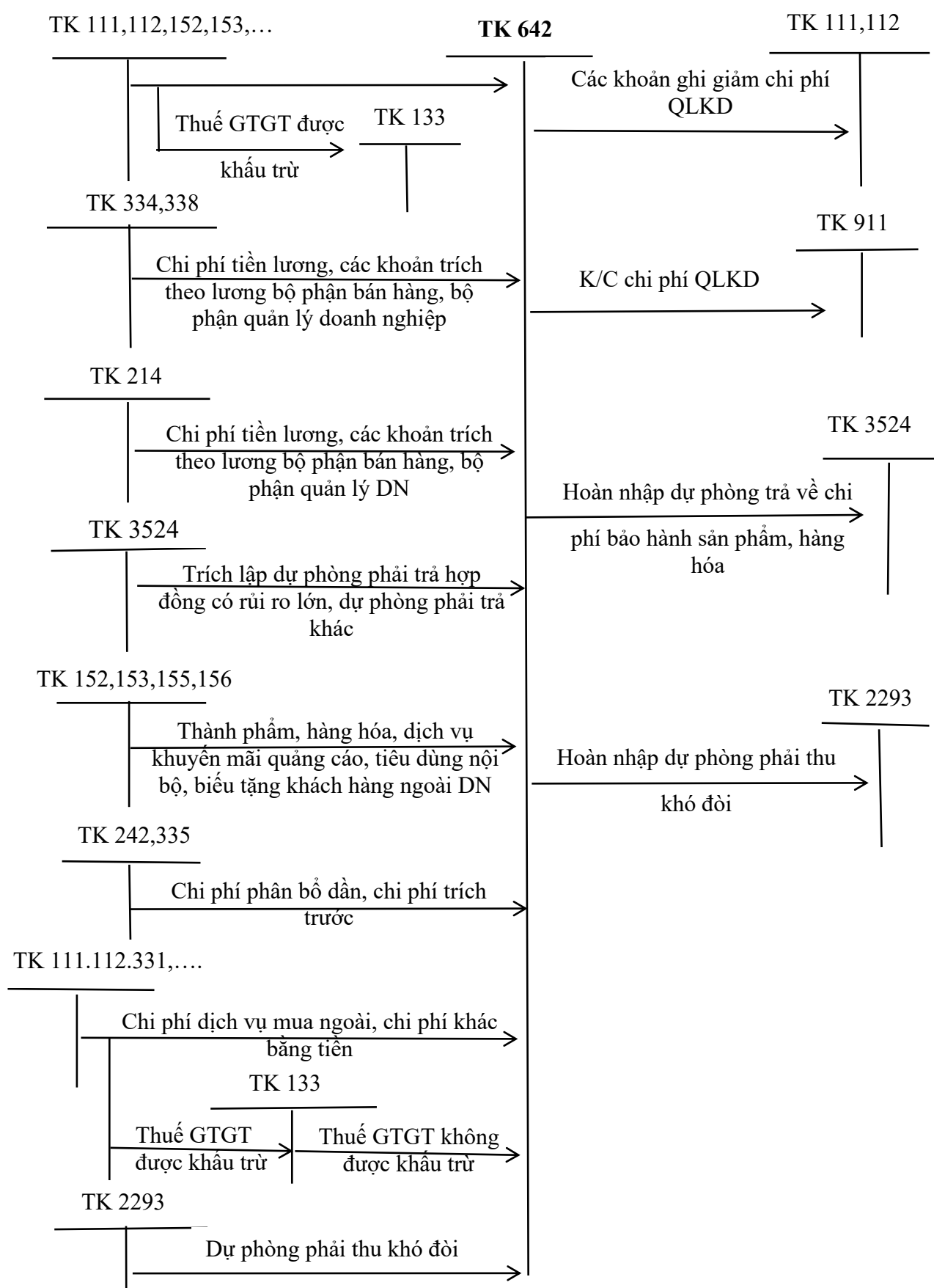
- Tài khoản 6421 - Chi phí bán hàng: Phản ánh chi phí bán hàng thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá và cung cấp dịch vụ trong kỳ của doanh nghiệp và tình hình kết chuyển chi phí bán hàng sang TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.
- Tài khoản 6422 - Chi phí quản lý doanh nghiệp: Phản ánh chi phí quản lý chung của doanh nghiệp phát sinh trong kỳ và tình hình kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp sang TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.
- Kết cấu tài khoản

- Các chi phí quản lý kinh doanh phát sinh trong kỳ;
- Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết

- Các khoản được ghi giảm chi chi quản lý kinh doanh;
- Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết);
- Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh vào tài khoản 911 “ Xác định kết quả kinh doanh”

Tài khoản này không có số dư

d. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.11. Sơ đồ hạch toán chi phí quản lý kinh doanh

1.3.4. Kế toán chi phí khác

a. Khái niệm

Chi phí khác là những chi phí phát sinh do các sự kiện hay nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp. Bao gồm các chi phí như: Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán TSCĐ; các khoản bị phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế, bị phạt khi truy nộp thuế, ...

b. Chứng từ sử dụng

- Ủy nhiệm chi
- Biên bản vi phạm hợp đồng
- Biên bản thanh lý TSCĐ
- Biên bản đánh giá lại TSCĐ
- Quyết định phạt từ cơ quan nhà nước

c. Tài khoản sử dụng

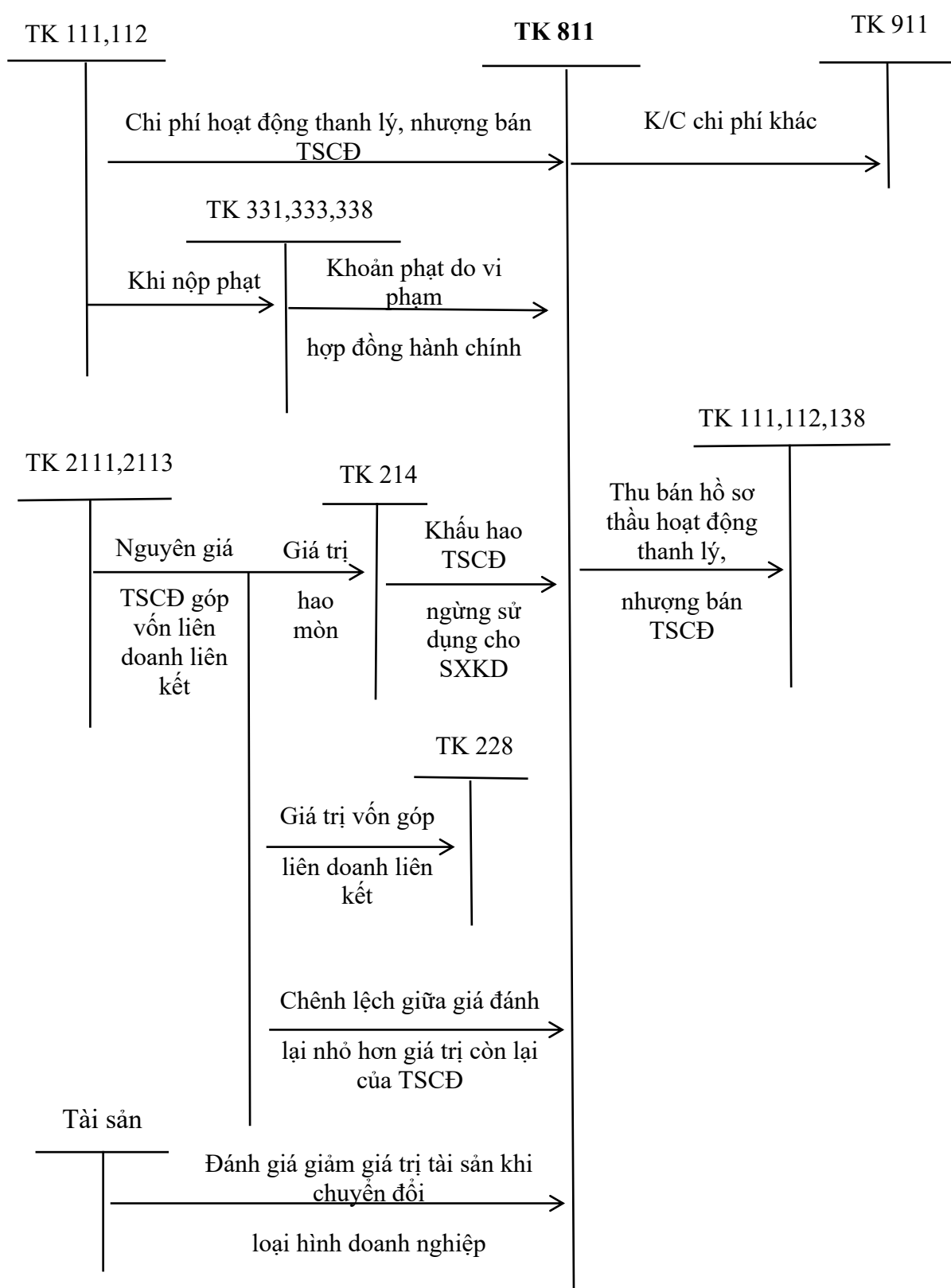
Để hạch toán chi phí khác, kế toán sử dụng Tài khoản 811 “Chi phí khác”

- Kết cấu tài khoản

Nợ	TK 811	Có
Các khoản chi phí khác phát sinh		Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ vào tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”

Tài khoản không có số dư cuối kỳ

d. Phương pháp hạch toán khác



Sơ đồ 1.12. Sơ đồ hạch toán chi phí

1.3.5. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

a. Khái niệm

Căn cứ Điều 68 thông tư 133/2016/TT-BTC: “Tài khoản chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phản ánh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.”

Công thức tính thuế thu nhập doanh nghiệp:

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	=	(Thu nhập tính thuế - Phần trích lập khoa học công nghệ (nếu có))	x	Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp
---	---	---	---	---

Thu nhập tính thuế	=	Thu nhập chịu thuế	-	(Thu nhập được miễn thuế + Các khoản lỗ được kết chuyển theo quy định)
-----------------------	---	-----------------------	---	---

Thu nhập chịu thuế	=	(Doanh thu – Chi phí được trừ)	+	Các khoản thu nhập khác
-----------------------	---	--------------------------------	---	-------------------------

b. Chứng từ sử dụng

- Tờ khai quyết toán thuế TNDN
- Thông báo thuế và biên lai nộp thuế, ...
- Biên lai nộp thuế
- Biên lai nộp thuế vào NSNN
- Giấy báo Nợ

c. Tài khoản sử dụng

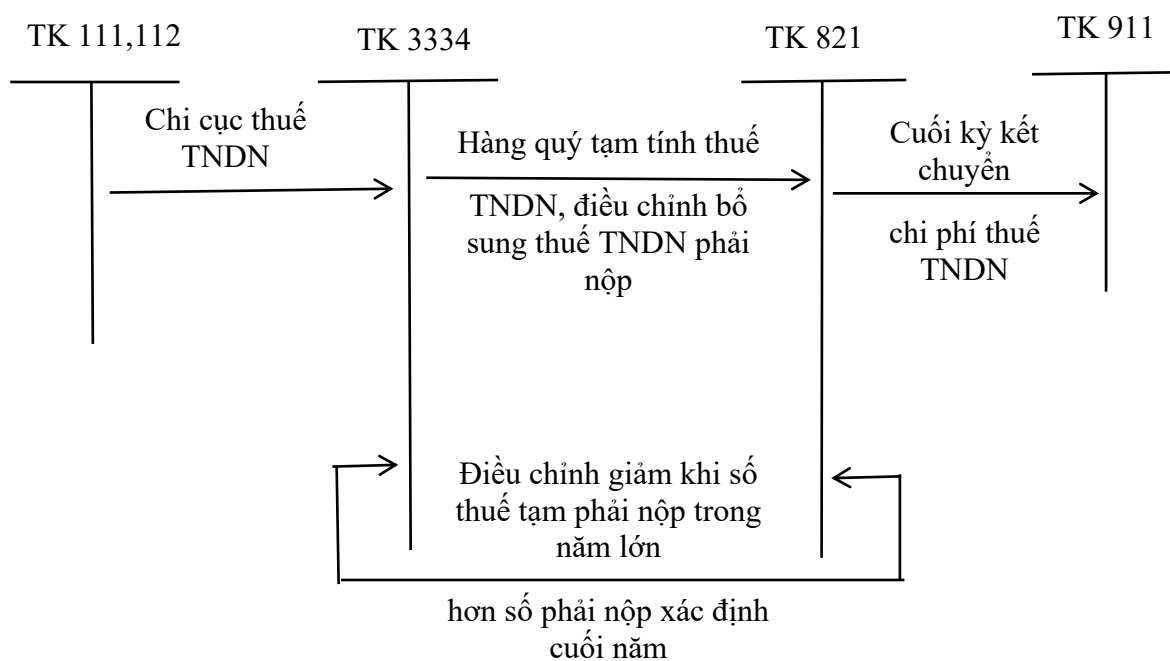
Tài khoản 821 – “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp”: Tài khoản này dùng để phản ánh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của doanh nghiệp trong năm tài chính.

- Kết cấu tài khoản

Nợ	TK 821	Có
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm. - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		- Số thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành thực tế phải đi nộp trong năm - Cuối kỳ kế toán, kết chuyển chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ sang TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”

Tài khoản này không có số dư

d. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.13: Sơ đồ hạch toán thuế TNDN

1.4. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

a. Khái niệm

Theo Điều 68 Thông tư 133/2016/TT-BTC: Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác

- Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán (gồm cả sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư, như: chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, nâng cấp, chi phí cho thuê hoạt động, chi phí thanh lý, nhượng bán bất động sản đầu tư), chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.
- Kết quả hoạt động tài chính là số chênh lệch giữa thu nhập của hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính.
- Kết quả hoạt động khác là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các công thức tính lợi nhuận:

$\text{Lợi nhuận gộp về BH và CCDV} = \text{Doanh thu thuần BH và CCDV} - \text{Giá vốn hàng bán}$
--

$\text{Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh} = \text{Lợi nhuận gộp về BH\&CCDV} + \text{Doanh thu hoạt động tài chính} - \text{Chi phí tài chính} - \text{Chi phí quản lý kinh doanh}$

$\text{Lợi nhuận khác} = \text{Thu nhập khác} - \text{Chi phí khác}$
--

$\text{Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế} = \text{Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh} + \text{Lợi nhuận khác}$

$\text{Lợi nhuận sau thuế TNDN} = \text{Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế} - \text{Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp}$

b. Chứng từ sử dụng

- Bảng tính kết quả hoạt động kinh doanh, kết quả hoạt động khác
- Phiếu kế toán
- Các chứng từ khác có liên quan

c. Tài khoản sử dụng

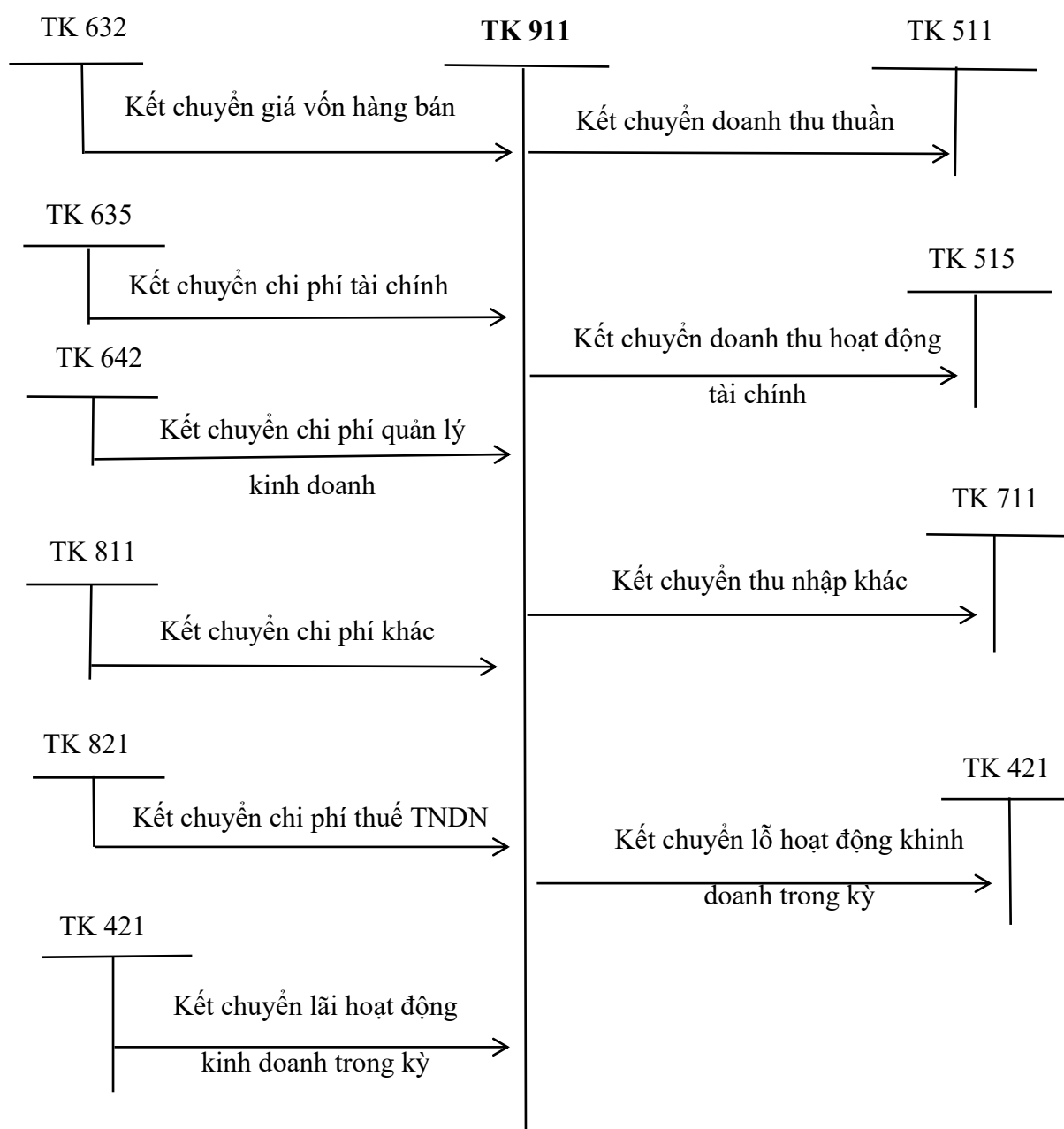
Tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh, tài khoản này dùng để xác định kết quả hoạt động kinh doanh trong các doanh nghiệp.

- Kết cấu tài khoản

Nợ	TK 911	Có
- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp - Chi phí tài chính trong kỳ - Kết chuyển số lãi từ hoạt động kinh doanh trong kỳ		- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ - Doanh thu thuần hoạt động tài chính trong kỳ - Thu nhập thuần khác trong kỳ - Kết chuyển số lỗ từ hoạt động kinh doanh trong kỳ

Tài khoản này không có số dư

d. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.14: Sơ đồ hạch toán xác định kết quả kinh doanh

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH MINH ANH ĐÀ NẴNG

2.1. Giới thiệu khái quát về công ty TNHH Minh Anh Đà Nẵng

2.1.1. Giới thiệu chung về công ty TNHH Minh Anh Đà Nẵng

- Tên công ty: TNHH Minh Anh Đà Nẵng
- Địa chỉ: 211 Nguyễn Kim, Phường Hoà Xuân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
- Mã số thuế: 0402309486
- Người đại diện: Lê Ngọc Minh
- Quản lý bởi : Thuế cơ sở 4 thành phố Đà Nẵng
- Loại hình doanh nghiệp : Công ty trách nhiệm hữu hạn ngoài NN
- Ngành nghề chính: Đại lý, môi giới, đấu giá. Chi tiết: Đại lý phân phối (sữa, nước giải khát).

2.1.2. Quá trình hình thành và phát triển của công ty TNHH Minh Anh Đà Nẵng

Công ty TNHH Minh Anh Đà Nẵng được thành lập tại thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư, cấp hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh thương mại và dịch vụ. Những năm đầu đi vào hoạt động, công ty gặp không ít khó khăn do quy mô nhỏ, nguồn vốn còn hạn chế và thị trường chưa ổn định, khách hàng chủ yếu là các đối tác nhỏ lẻ trên địa bàn. Tuy nhiên, thông qua việc từng bước hoàn thiện bộ máy tổ chức, chủ động tìm kiếm khách hàng và mở rộng mối quan hệ hợp tác, hoạt động kinh doanh của công ty dần đi vào ổn định. Trong các năm tiếp theo, công ty đã chú trọng đầu tư thêm cơ sở vật chất, nâng cao chất lượng dịch vụ và mở rộng phạm vi hoạt động, qua đó doanh thu và hiệu quả kinh doanh được cải thiện rõ rệt. Đến nay, Công ty TNHH Minh Anh Đà Nẵng đã xây dựng được lượng khách hàng tương đối ổn định, tạo dựng được uy tín trên thị trường địa phương và đang tiếp tục định hướng mở rộng quy mô cũng như nâng cao năng lực cạnh tranh trong thời gian tới.

2.1.3. Đặc điểm ngành nghề hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty TNHH Minh Anh Đà Nẵng

Công ty TNHH Minh Anh Đà Nẵng là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực thương mại và dịch vụ, với ngành nghề đăng ký kinh doanh đa dạng, bao gồm:

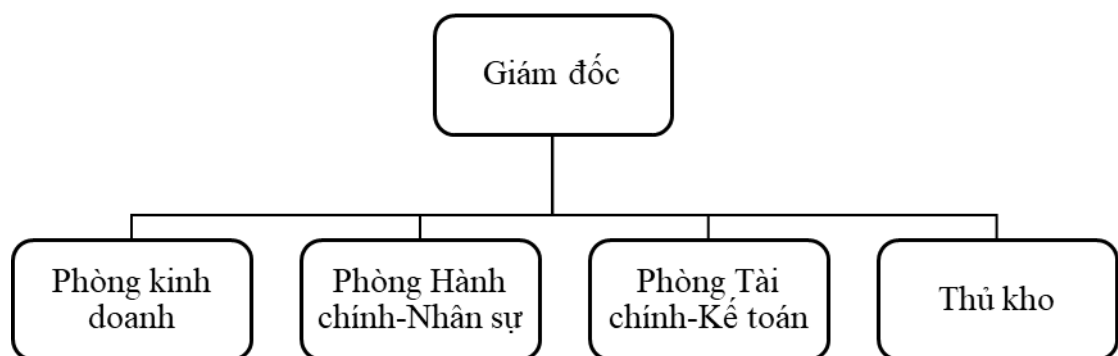
- Đại lý, môi giới, đấu giá
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình
- Bán buôn tổng hợp
- Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lá

- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)
- Vận tải hành khách đường bộ khác
- Vận tải hàng hoá bằng đường bộ

Tuy nhiên, thực tế Công ty chủ yếu tập trung vào mảng phân phối vào hàng tiêu dùng nhanh, cụ thể là bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo. Trong đó, mặt hàng đồ uống và các sản phẩm từ sữa là hai nhóm hàng chủ lực mà công ty có lợi thế cạnh tranh vượt trội nhờ mạng lưới phân phối rộng và ổn định. Đây được xem là hoạt động cốt lõi, mang lại doanh thu lớn nhất và định hình vị thế của công ty trên thị trường. Hoạt động vận tải bằng đường bộ được duy trì như một mảng hỗ trợ tích cực cho công tác giao nhận và phân phối sản phẩm đến các địa điểm bán lẻ, giúp công ty chủ động hơn trong chuỗi cung ứng. Các ngành nghề khác như môi giới, đấu giá hay vận tải hành khách hầu như không được triển khai hoặc mang tính dự phòng cho kế hoạch mở rộng trong tương lai.

2.1.4. Tổ chức bộ máy quản lý công ty công ty TNHH Minh Anh Đà Nẵng

a. Sơ đồ bộ máy quản lý



Sơ đồ 2.1. Sơ đồ bộ máy quản lý

b. Chức năng, nhiệm vụ của các bộ phận

Giám đốc: Là người đại diện theo pháp luật của Công ty. Và là người trực tiếp điều hành mọi hoạt động kinh doanh và quản lý chung toàn diện Công ty. Giám đốc là người đưa ra kế hoạch và chỉ đạo về chiến lược kinh doanh, tổ chức nhân sự, tài chính kế toán, thi đua khen thưởng, kỷ luật. Đồng thời luôn theo dõi và kiểm tra việc thực hiện công việc của các bộ phận.

Phòng kinh doanh: Xây dựng chiến lược, kế hoạch kinh doanh, tìm kiếm nguồn cung cấp sản phẩm chất lượng, tìm kiếm khách hàng, quản lý thông tin khách hàng, giữ chân nguồn khách cũ và mở rộng thị trường kinh doanh

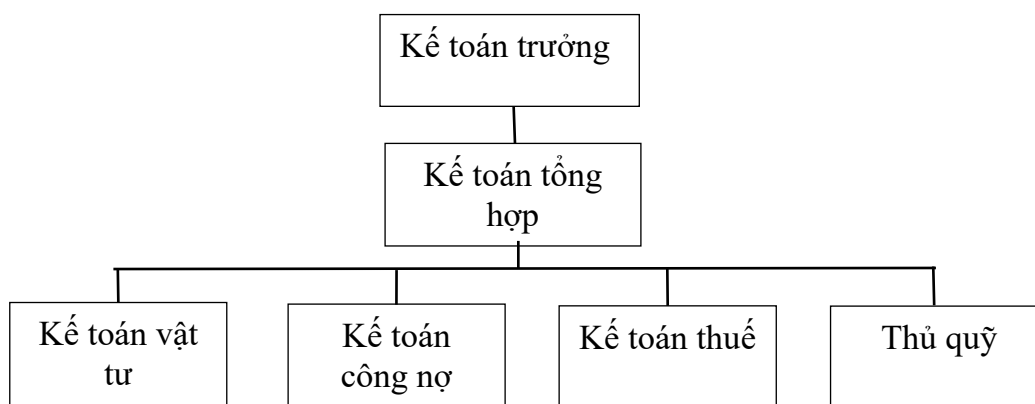
Phòng Hành chính – Nhân sự: Thực hiện công tác hành chính quản trị công ty, tuyển dụng và đào tạo nhân sự, xây dựng các chính sách lương thưởng, thay thế, thăng tiến nhân sự, tính lương. Công tác văn thư, lưu trữ và xây dựng, soạn thảo các loại văn bản liên quan. Đồng thời, mua sắm và quản lý sử dụng hợp lý tài sản cố định, công cụ làm việc, văn phòng phẩm tại Công ty.

Phòng Tài chính – Kế toán: Theo dõi, phản ánh tình hình tài chính của Công ty dưới mọi hình thái; cố vấn cho Ban lãnh đạo các vấn đề liên quan. Tham mưu cho Ban lãnh đạo về chế độ kế toán và những thay đổi của nó trong thời kỳ hoạt động kinh doanh. Kiểm tra, theo dõi các khoản thu, khoản chi tài chính, các nghiệp vụ thu, nộp, thanh toán nợ, kiểm tra việc quản lý sử dụng tài sản và nguồn hình thành tài sản, phát hiện và ngăn ngừa các hành vi vi phạm pháp luật về tài chính kế toán. Quan hệ với Ngân hàng và các tổ chức tín dụng... trong hoạt động vay vốn ngắn, trung, dài hạn và lưu chuyển tiền tệ. Tổ chức khoa học công tác kế toán phù hợp với điều kiện tổ chức sản xuất kinh doanh và bộ máy tổ chức của Công ty. Thu nhập, xử lý thông tin, số liệu kế toán theo đối tượng và nội dung công việc kế toán, thực hiện hạch toán đúng, đầy đủ các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo đúng chuẩn mực và chế độ kế toán. Lập, chấp hành chế độ nộp các báo cáo tài chính đúng và kịp thời theo quy định của Nhà nước. Phân tích thông tin, số liệu kế toán; tham mưu, đề xuất các giải pháp phục vụ các quyết định kinh tế tài chính của đơn vị.

Thủ kho: Chịu trách nhiệm kiểm tra, ghi nhận, theo dõi các thủ tục xuất - nhập hàng hoá, sắp xếp hàng hoá trong kho, quản lý hồ sơ và quản lý hàng hoá đảm bảo hàng hoá từ lúc chuyển vào cho đến lúc hàng hoá đó xuất đi khỏi kho.

2.1.5. Tổ chức bộ máy kế toán Công ty TNHH Minh Anh Đà Nẵng

a. Sơ đồ bộ máy tổ chức kế toán



Sơ đồ 2.2. Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán

b. Chức năng và nhiệm vụ của phòng kế toán

Kế toán trưởng: Phụ trách toàn bộ các công tác tài chính kế toán của công ty. Kiểm tra giám sát việc thực hiện công tác kế toán trong Công ty. Chịu trách nhiệm trước pháp luật và Giám đốc về tính chính xác – hợp pháp trong lĩnh vực tài chính kế toán của đơn vị.

Kế toán tổng hợp: Làm việc dưới sự quản lý của Kế toán trưởng. Đối chiếu và tổng hợp số liệu kế toán do các bộ phận kế toán khác chuyển đến để ghi vào sổ tổng hợp, tập hợp và lập biểu mẫu kế toán, báo cáo tài chính, báo cáo quản trị. Tính lương và các khoản trích theo lương. Theo dõi tình hình tăng giảm tài sản, đồng thời tính và trích khấu hao tài sản cố định.

Kế toán vật tư: Thu thập, xử lý, ghi chép chứng từ liên quan đến xuất – nhập – tồn của hàng hoá, công cụ dụng cụ; hạch toán và theo dõi chi phí sửa chữa từng đầu xe và bộ phận liên quan. Tham gia vào công tác kiểm kê, đánh giá hàng hoá, công cụ dụng cụ

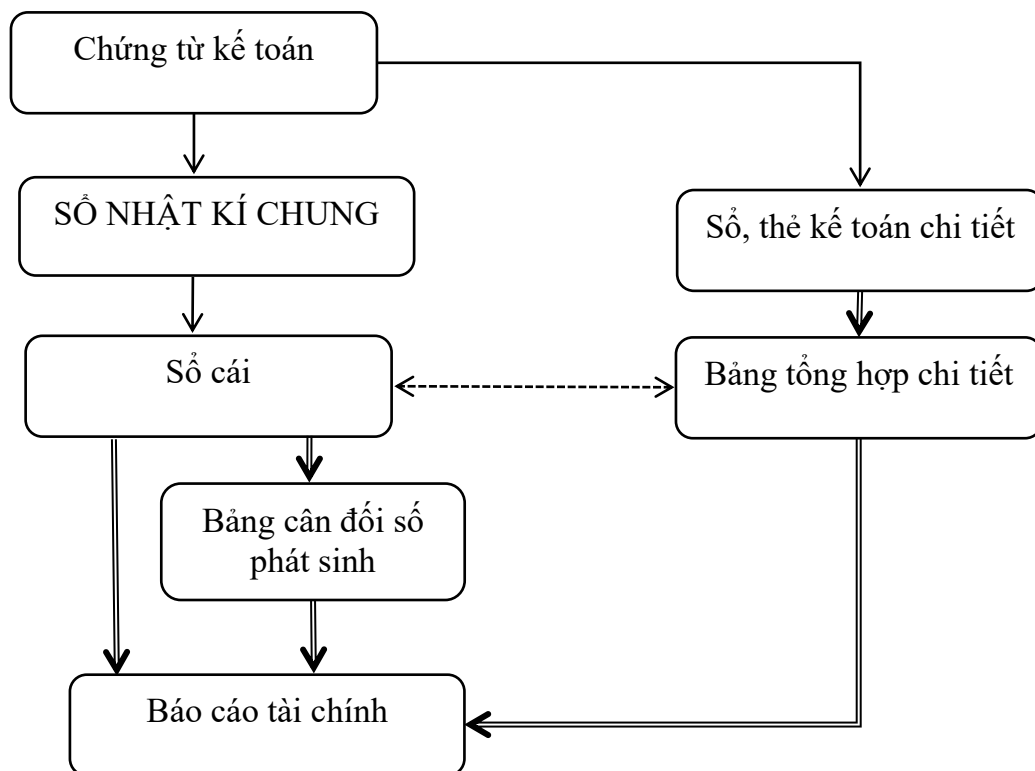
Kế toán công nợ: Theo dõi các khoản công nợ phải thu khách hàng, phải trả nhà cung cấp. Đưa ra kế hoạch thanh toán cho từng nhà cung cấp, thu hồi nợ. Đồng thời, xử lý các vấn đề phát sinh liên quan đến công nợ nếu có.

Kế toán thuế: Lập và thu thập các hoá đơn GTGT đầu ra, đầu vào làm căn cứ để kê khai thuế hàng quý, quyết toán thuế cuối năm. Báo cáo về thuế GTGT, thuế TNCN, tình hình sử dụng hoá đơn. Lập báo cáo tài chính năm.

Thủ quỹ: chịu trách nhiệm quản lý và kiểm soát tất cả các hoạt động liên quan đến tiền mặt. Thực hiện kiểm tra lần cuối về tính hợp lý của chứng từ trước khi thu – chi khỏi quỹ; bảo quản và thực hiện thu, chi tiền mặt theo quy định hiện hành của công ty và pháp luật; kiểm kê đối chiếu hàng ngày với kế toán tổng hợp; lưu trữ các chứng từ thu chi tiền liên quan; báo cáo định kỳ cho doanh nghiệp về quỹ tiền của doanh nghiệp.

2.1.6. Hình thức ghi sổ kế toán và phần mềm kế toán được sử dụng tại công ty

Để phù hợp với đặc điểm tổ chức, quy mô hoạt động và đặc điểm của ngành nghề kinh doanh, công ty đã áp dụng hình thức kế toán “ Nhật ký chung” đồng thời đã sử dụng phần mềm Misa trong tổ chức công tác kế toán của công ty



Sơ đồ 2.3. Sơ đồ hình thức ghi sổ kế toán

Ghi chú: Ghi hàng ngày: $\longrightarrow$
 Ghi cuối kỳ: $\Longrightarrow$
 Đối chiếu, kiểm tra: $\longleftrightarrow$

Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ kế toán đã được kiểm tra, kế toán thực hiện ghi chép đồng thời vào hai loại sổ:

- Ghi sổ tổng hợp: Ghi các nghiệp vụ phát sinh vào Sổ nhật ký chung. Từ số liệu trên Nhật ký chung, kế toán tiếp tục ghi vào các Sổ cái theo từng tài khoản kế toán tương ứng.

- Ghi sổ chi tiết: Căn cứ trực tiếp từ chứng từ gốc để ghi vào các Sổ chi tiết tài khoản liên quan (chi tiết vật tư, chi tiết thanh toán với người mua/người bán...).

Cuối tháng đến thời điểm cuối tháng, sau khi đã phản ánh hết các nghiệp vụ phát sinh, kế toán thực hiện các bước kiểm tra và tổng hợp:

- Đối với sổ chi tiết: Tiến hành cộng số liệu trên các Sổ chi tiết tài khoản để lập Bảng tổng hợp chi tiết.

- Đối với sổ tổng hợp: Thực hiện cộng số liệu trên các Sổ cái để lập Bảng cân đối tài khoản.

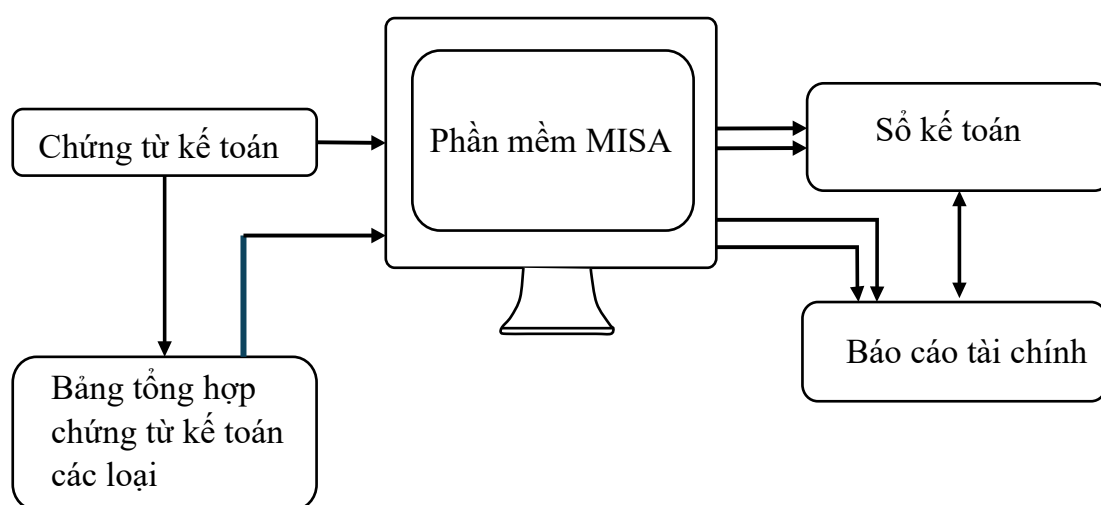
Công việc cuối năm sau khi hoàn tất việc ghi sổ và tổng hợp số liệu, kế toán thực hiện đối chiếu:

- Số liệu giữa Bảng cân đối tài khoản và Bảng tổng hợp chi tiết phải đảm bảo khớp đúng.

- Căn cứ vào số liệu đã kiểm tra trên Bảng cân đối tài khoản và Bảng tổng hợp chi tiết để lập các Báo cáo tài chính.

Kết thúc niên độ sau khi lập xong báo cáo tài chính, kế toán thực hiện in ấn , ký nhận, đóng thành quyển và lưu trữ theo quy định.

- Sơ đồ ghi sổ kế toán bằng phần mềm:



Sơ đồ 2.4. Sơ đồ ghi sổ theo phần mềm kế toán MISA

Chú thích:

- Nhập số liệu hằng ngày
- ⇒ Nhập số liệu cuối tháng hoặc định kỳ
- ↔ Đối chiếu, kiểm tra số liệu



Hình 2.1. Giao diện phần mềm kế toán

Mô tả quy trình :

(1) Hằng ngày, các kế toán trong công ty dựa vào chứng từ gốc hoặc bảng tổng hợp chứng từ gốc đã được kiểm tra tiến hành sắp xếp, phân loại theo từng phần hành. Tiếp theo sẽ nhập liệu, hạch toán vào phần mềm Misa. Dữ liệu được đưa vào, phần mềm sẽ tự động cập nhập vào các sổ kế toán tương ứng.

(2) Cuối tháng hoặc cuối mỗi kỳ kế toán, kế toán tiến hành khoá sổ và lập BCTC. Phần mềm sẽ tự động so sánh giữa số liệu chi tiết và tổng hợp. Kế toán trưởng là người kiểm tra cuối cùng số liệu về tính trung thực, hợp lý, chính xác, hợp pháp trước khi in ấn và lưu trữ dưới dạng file cứng.

2.1.7. Chế độ, chính sách kế toán áp dụng

- Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Thông tư 133/2026/TT-BTC của Bộ Tài chính

- Niên độ kế toán: bắt đầu ngày 01/01 đến 31/12 của năm dương lịch

- Phương pháp khấu hao TSCĐ: Phương pháp đường thẳng

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kế khai thường xuyên

- Phương pháp tính thuế GTGT: Phương pháp khấu trừ

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong báo cáo: Việt Nam Đồng (VNĐ)

2.2. Thực trạng kế toán các khoản doanh thu tại Công ty TNHH Minh Anh Đà Nẵng

2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

a. Nội dung doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Doanh nghiệp chủ yếu thực hiện hoạt động phân phối và kinh doanh các mặt hàng tiêu dùng thiết yếu như sữa, nước giải khát; các sản phẩm mỹ phẩm, nước hoa và chế phẩm vệ sinh. Khách hàng của doanh nghiệp bao gồm các đại lý phân phối, các doanh nghiệp, tổ chức có nhu cầu mua buôn hàng hoá, cũng như khách hàng cá nhân.

- Công ty áp dụng 2 phương thức bán hàng sau:

+ Phương thức bán buôn: Là bán sản phẩm của Công ty cho các công ty khác, cửa hàng, đại lý,.. với số lượng lớn. Và bán qua 2 hình thức: bán buôn qua kho và vận chuyển thẳng

+ Bán lẻ: Là bán hàng trực tiếp cho người tiêu dùng và không thông qua trung gian. Số lượng tiêu thụ của mỗi lần bán nhỏ vì vậy phương thức bán lẻ chủ yếu là bán lẻ thu tiền trực tiếp.

- Phương thức thanh toán: Tiền mặt hoặc chuyển khoản

- Quy trình khi phát sinh nghiệp vụ bán hàng hoá, dịch vụ, thông thường sẽ phát sinh các hoạt động sau:

+ Khách hàng đến mua hàng, nhân viên bán hàng căn cứ vào yêu cầu khách hàng đề nghị xuất kho.

+ Kế toán kho lập Phiếu xuất kho, sau đó chuyển Kế toán trưởng và Giám đốc ký duyệt

+ Căn cứ vào Phiếu xuất kho, Thủ kho xuất kho hàng hoá và ghi Sổ kho

+ Nhân viên kinh doanh nhận hàng và giao cho khách hàng

+ Kế toán bán hàng ghi nhận doanh số bán hàng

+ Nhân viên bán hàng yêu cầu kế toán bán hàng xuất hoá đơn cho khách hàng

+ Nếu khách hàng thanh toán bằng tiền mặt cho nhân viên bán hàng thì nhân viên bán hàng sẽ nhận tiền và mang về nhập quỹ, nếu thanh toán bằng tiền gửi thì khách hàng sẽ chuyển khoản vào tài khoản của công ty.

b. Chứng từ sử dụng

Chứng từ sử dụng để ghi nhận doanh thu tại Công ty TNHH Minh Anh Đà Nẵng gồm:

- Hoá đơn giá trị gia tăng

- Phiếu thu và giấy báo Có của ngân hàng

Các chứng từ này là căn cứ để xác định hàng hoá đã giao cho khách hàng và việc thanh toán đã thực hiện, đảm bảo ghi nhận doanh thu đầy đủ, chính xác theo quy định kế toán hiện hành.

c. Tài khoản sử dụng

- TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

d. Sổ sách kế toán

- Sổ chi tiết TK 5111

- Sổ nhật ký chung

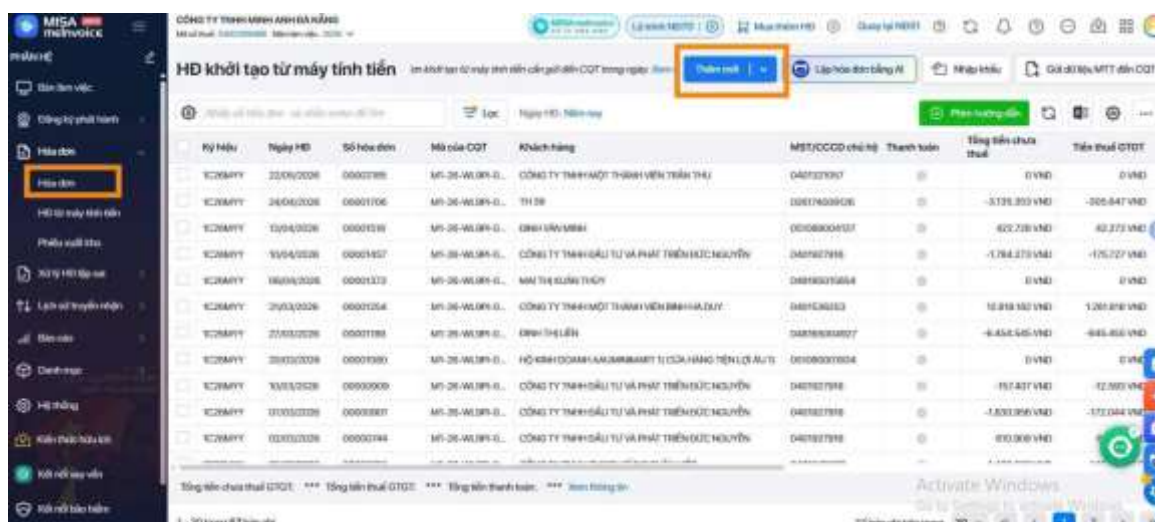
- Sổ Cái TK 511

e. Nghiệp vụ minh hoạ

Nghiệp vụ 1: Ngày 29/11/2025, công ty TNHH Minh Anh Đà Nẵng xuất hoá đơn GTGT số 00003420, kí hiệu C26MTT, bán hàng hoá cho công ty TNHH Gia Trường Phúc. Giá chưa thuế là 5.555.560 đồng, thuế GTGT 8% : 444.445 đồng, tổng tiền thanh toán: 6.000.005 đồng. Khách hàng chưa thanh toán.

Sau khi Công ty TNHH Gia Trường Phúc đồng ý mua hàng, kế toán tiến hành lập hoá đơn điện tử trên phần mềm Meinvoice. Hoá đơn số 00003420 được minh hoạ lập theo các bước sau:

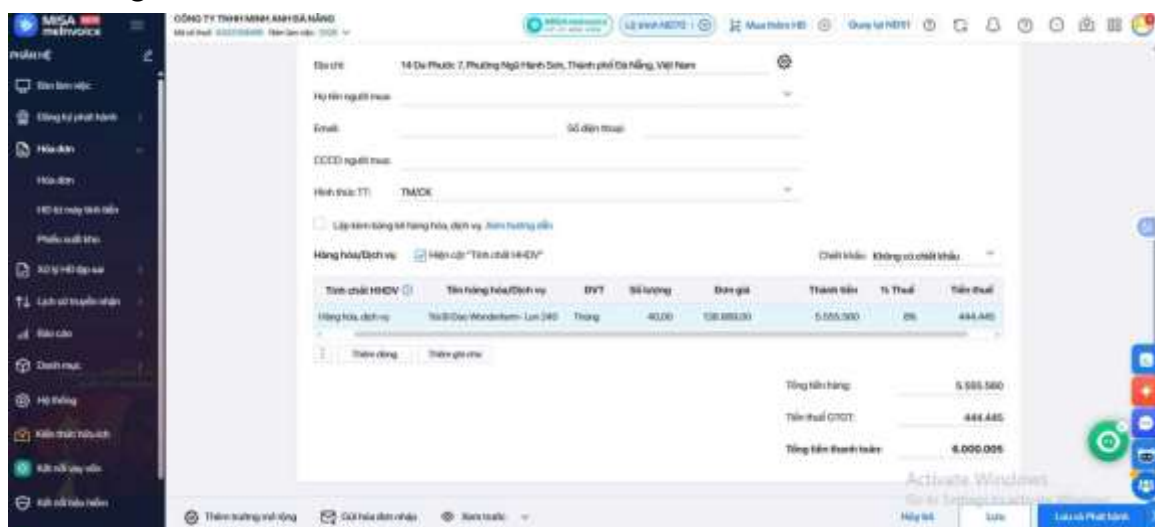
Bước 1: Tại mục Hoá đơn, chọn loại hoá đơn muốn lập (Hoá đơn bán hàng/Hoá đơn từ máy tính tiền/Phiếu xuất kho) > Chọn Thêm mới.



Bước 2: Điền thông tin khách hàng



Bước 3: Điền đầy đủ thông tin hoá đơn cần lập: Nhập tên hàng hoá, đơn vị tính, số lượng, đơn giá, thuế suất chương trình tự động tính toán như tổng tiền hàng, tiền thuế, tổng tiền thanh toán...



Hình 2.2. Giao diện các bước hạch toán trên phần mềm MISA

Bước 4: Nhấn lưu và phát hành.

Mẫu số: 1

Ký hiệu: C25MTT

Số: 00003420

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ngày 29 tháng 11 năm 2025

MCCQT: M1-25-IXAYL-00000003420

Tên người bán: CÔNG TY TNHH MINH ANH ĐÀ NẴNG

Mã số thuế: 0402309486

Mã của hàng:

Tên của hàng:

Địa chỉ: 211 Nguyễn Kim, Phường Hòa Xuân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

Điện thoại: 0905623803

Số tài khoản: 19036058658011 Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng

Tên người mua: CÔNG TY TNHH GIA TRƯỜNG PHÚC

Họ tên người mua hàng:

Mã số thuế: 0401514475

Mã ĐVCQHVNSSN:

Số hộ chiếu:

Địa chỉ: 14 Đa Phước 7, Phường Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Điện thoại:

Căn cước công dân:

Hình thức thanh toán: TM/CK

Số bảng kê: Ngày bảng kê:

STT	Tên chất	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Chiết khấu	Thuế suất	Thành tiền chưa có thuế GTGT
1	Hàng hóa, dịch vụ	Trà Bì Đuo Wonderfarm - Lon 240	Thùng	40,00	138.889,00	0	8%	5.555.560

Thuế suất	Tổng tiền chưa thuế	Tổng tiền thuế	Tổng tiền chưa thuế (Tổng cộng thành tiền chưa có thuế)	
8%	5.555.560	444.445		5.555.560
			Tổng tiền thuế (Tổng cộng tiền thuế)	444.445
			Tổng tiền chiết khấu thương mại	0
			Tổng tiền thanh toán bằng số	6.000.005
			Tổng tiền thanh toán bằng chữ	Sáu triệu không trăm linh năm đồng chẵn.

Hình 2.3. Hoá đơn GTGT số 00003420

Khi phát sinh nghiệp vụ bán hàng hoá, dịch vụ chưa thu tiền, kế toán tiến hành lập chứng từ bán hàng trên phần mềm MISA tại phân hệ Bán hàng, lựa chọn hình thức

chưa thu tiền. Sau khi nhập đầy đủ thông tin khách hàng, hàng hoá, thuế suất, phần mềm tự động hạch toán:

Sau khi ghi sổ, số liệu được phản ánh vào sổ cái và các sổ chi tiết liên quan.

The screenshot shows the 'Chứng từ bán hàng' (Sales Invoice) form in the MISA software. The form is divided into several sections:

- Thông tin chung** (General Information): Includes fields for 'Khách hàng' (Customer), 'Mã số thuế' (Tax Code), 'Địa chỉ' (Address), 'Điện thoại' (Phone), 'Họ tên người mua' (Buyer's Name), and 'Họ tên người bán' (Seller's Name).
- Thông tin chi tiết** (Detailed Information): Includes fields for 'Ngày lập hóa đơn' (Invoice Date), 'Ngày chứng từ' (Document Date), and 'Số chứng từ' (Document Number).
- Chi tiết hàng hóa** (Detailed Goods): A table with columns for 'Mã hàng' (Goods Code), 'Tên hàng' (Goods Name), 'Đơn vị tính' (Unit), 'Số lượng' (Quantity), 'Đơn giá' (Unit Price), 'Thành tiền' (Amount), and 'Thuế GTGT' (VAT).
- Tổng cộng** (Totals): A section at the bottom showing the total amount, VAT, and total payable.

Hình 2.4. Giao diện chứng từ bán hàng

Nghiệp vụ 2: Ngày 08/12/2025 Công ty TNHH Minh Anh Đà Nẵng lập hoá đơn GTGT số 00003769. Giá chưa thuế là 626.857 đồng, thuế GTGT 8%: 50.149 đồng, tổng tiền thanh toán 677.006 đồng. Khách hàng thanh toán bằng tiền mặt.

Sau khi Đại lý Anh Phước đồng ý mua hàng, kế toán tiền hàng lập hoá đơn điện tử trên phần mềm Meinvoice. Hoá đơn số 00003769 được minh hoạ như sau:

The screenshot shows the 'HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG' (Value Added Tax Invoice) form in the MISA software. The form is divided into several sections:

- Thông tin chung** (General Information): Includes fields for 'Đơn vị bán hàng' (Seller), 'Mã số thuế' (Tax Code), 'Địa chỉ' (Address), 'Điện thoại' (Phone), 'Họ tên người mua' (Buyer's Name), and 'Họ tên người bán' (Seller's Name).
- Thông tin chi tiết** (Detailed Information): Includes fields for 'Ngày lập hóa đơn' (Invoice Date), 'Ngày chứng từ' (Document Date), and 'Số chứng từ' (Document Number).
- Chi tiết hàng hóa** (Detailed Goods): A table with columns for 'Mã hàng' (Goods Code), 'Tên hàng' (Goods Name), 'Đơn vị tính' (Unit), 'Số lượng' (Quantity), 'Đơn giá' (Unit Price), 'Thành tiền' (Amount), and 'Thuế GTGT' (VAT).
- Tổng cộng** (Totals): A section at the bottom showing the total amount, VAT, and total payable.

Báo cáo việc

Công cụ phân hành

Hồ sơ đơn

Nhuận định

Hỏi và trả lời thắc mắc

Phân bổ xuất nhập

Xử lý HĐ bán ra

Lịch sử chuyển đổi

Sản phẩm

Đơn hàng

Hàng hóa

Kiểm tra hóa đơn

Kiểm soát quy trình

Kiểm soát hóa đơn

CCCC người mua: _____ Số nội chiếu: _____

Hình thức TT: **TMCK**

Tên ngân hàng: _____ Tên người bán: _____

☐ Lập biên bản kê hàng hóa, dịch vụ kèm hướng dẫn

Hàng hóa/Dịch vụ: ☒ Nhập cư "Tỉnh chất H&EV"

Choi thối: Không có choti thoit

TT	Tên chất H&EV	Tên hàng hóa/Dịch vụ	DVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	% Thối	Tiền th
1	Hàng hóa, dịch vụ	Nước C&D (C&D)	lít	10,00	36,892	368.924	0%	36.7
2	Hàng hóa, dịch vụ	Nước C&D (C&D)	lít	10,00	90,400	904.000	0%	79.1
3	Hàng hóa, dịch vụ	N&B (N&B) - Chai 30l	Thùng	1,00	775,360	775.360	0%	9.2

Thêm dòng

Thêm ghi chú

Tổng tiền hàng: **606.897**

(Số thuế GTGT): **50.140**

Tổng tiền thanh toán: **677.036**

Trên cùng mặt đồng

C&D hóa đơn điện tử

Sản phẩm

STT	Tính chất	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Chiết khấu	Thuế suất	Thành tiền chưa có thuế GTGT
	Thuế suất	Tổng tiền chưa thuế	Tổng tiền thuế	Tổng tiền chưa thuế (Tổng cộng thành tiền chưa có thuế)				626.857
	8%	626.857	50.149	Tổng tiền thuế (Tổng cộng tiền thuế)				50.149
				Tổng tiền chiết khấu thương mại				0
				Tổng tiền thanh toán bằng số				677.006
				Tổng tiền thanh toán bằng chữ				Sáu trăm bảy mươi bảy nghìn không trăm linh sáu đồng chẵn.

NGƯỜI MUA HÀNG

(Chữ ký số (nếu có))

NGƯỜI BÁN HÀNG

(Chữ ký điện tử, Chữ ký số)

Hình 2.5. Hoá đơn GTGT số 00003769

Khi phát sinh nghiệp vụ bán hàng thu tiền ngay bằng tiền mặt, kế toán lập chứng từ bán hàng trên phần mềm MISA, lựa chọn hình thức thu tiền ngay. Sau khi nhập đầy đủ thông tin, phần mềm tự động hạch toán:

Nghiệp vụ được phản ánh vào sổ quỹ tiền mặt và các sổ kế toán liên quan.

[illegible]

Hình 2.6. Giao diện chứng từ bán hàng

CÔNG TY TNHH MINH ANH ĐÀ NẴNG 211 Nguyễn Kim, Phường Hòa Xuân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam		Mẫu số 01 - TT (Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)		
PHIẾU THU Ngày 08 tháng 12 năm 2025		Quyển số: _____		
		Số: KL8151		
		Nợ: 1111		
		Có: 5111, 33311		
Họ tên người nộp tiền: Phan Thành Tài				
Địa chỉ: 45 Văn Cạn, Phường Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng, Việt Nam.				
Lý do nộp: Thu tiền bán hàng Phan Thành Tài theo hóa đơn 00003769				
Số tiền: 677.006 VND				
Viết bằng chữ: Sáu trăm bảy mươi bảy nghìn không trăm linh sáu đồng chẵn				
Kèm theo: chứng từ gốc				
Ngày..... tháng..... năm.....				
Giám đốc (Ký, họ tên, đóng dấu)	Kế toán trưởng (Ký, họ tên)	Người nộp tiền (Ký, họ tên)	Người lập phiếu (Ký, họ tên)	Thủ quỹ (Ký, họ tên)

Hình 2.7. Phiếu thu số KL8151

(Số NKC trình bày ở trang số 86,87)

SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN							
Tài khoản: 5111; Năm 2025							
Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	Tài khoản	TK đối ứng	Phát sinh Nợ	Phát sinh Có
...	...	...	...	...	...	...	...
02/10/2025	02/10/2025	PT08560	Nước Yến Cao Cấp	5111	1111	0	329.630
02/10/2025	02/10/2025	PT08560	Trà Anh Quốc Kìnn Tea Break Trà S	5111	1111	0	41.664
02/10/2025	02/10/2025	PT08560	Trà Anh Quốc Kìnn Tea Break Trà S	5111	1111	3.000	0
...	...	...	...	...	...	...	...
29/11/2025	29/11/2025	BH04147	Trà Anh Quốc Kìnn Tea Break Trà S	5111	131	0	162.037
29/11/2025	29/11/2025	BH04147	Ice+ Nho Xanh 490 vị trái cây	5111	131	0	143.519
29/11/2025	29/11/2025	BH04148	Trà Bí Đào Wonderfarm - Lon 240	5111	131	0	5.555.560
29/11/2025	29/11/2025	KL1704	Ice+ Đào 490ml	5111	1111	0	74.076
29/11/2025	29/11/2025	KL1704	Ice+ Đào 490ml	5111	1111	5.000	0
...	...	...	...	...	...	...	...
08/12/2025	08/12/2025	KL2105	Kìnn Ice+Trà_Hương vị táo	5111	1111	0	37.038
08/12/2025	08/12/2025	KL2105	Kìnn Ice+Trà_Hương vị táo	5111	1111	2.500	0
08/12/2025	08/12/2025	KL8151	Nước Cốt Dừa 400ml	5111	1111	0	322.224
08/12/2025	08/12/2025	KL8151	Nước Cốt Dừa 160ml	5111	1111	0	188.892
08/12/2025	08/12/2025	KL8151	Trà Bí Đào Wonderfarm -Chai 280	5111	1111	0	115.741
...	...	...	...	...	...	...	...
31/12/2025	31/12/2025	KL8136	Trà Bí Đào Wonderfarm 310ml	5111	1111	0	129.630
31/12/2025	31/12/2025	KL8136	Nước Me Wonderfarm	5111	1111	0	140.741
31/12/2025	31/12/2025	KL8136	Bí chai 440ml	5111	1111	0	143.519
31/12/2025	31/12/2025	NVK00375	Kết chuyển doanh thu bán hàng và c	5111	911	24.830.919.397	0
			Cộng	5111		25.560.073.460	25.560.073.460
			Số dư cuối kỳ	5111			
Số dòng = 25495						25.560.073.460	25.560.073.460

Hình 2.8. Sổ chi tiết TK 5111

CÔNG TY TNHH MINH ANH ĐÀ NẴNG 211 Nguyễn Kim, Phường Hòa Xuân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam					Mẫu số: S03b-DNN (Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC)				
SỔ CÁI (Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung) Năm 2025									
Tài khoản: 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ								Đơn vị tính: VND	
Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền		
	Số hiệu	Ngày, tháng		Trang số	STT đơn		Nợ	Có	
A	B	C	D	E	G	H	I	2	
...	...	...	...	...	...	...	...	...	
29/11/2025	BH04147	29/11/2025	Bán hàng CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐỨC			131		850.926	
29/11/2025	BH04148	29/11/2025	Bán hàng CÔNG TY TNHH GIA TRƯỞNG PHÚC theo hóa đơn 00003420			131		5.555.560	
29/11/2025	KL1704	29/11/2025	Thu tiền bán hàng TR THCS TRAN HUNG DAO			1111	22.000	316.671	
...	...	...	...	...	...	...	...	...	
08/12/2025	KL2104	08/12/2025	Thu tiền bán hàng ANA MART theo hóa đơn			1111	28.000	459.273	
08/12/2025	KL2105	08/12/2025	Thu tiền bán hàng HANG theo hóa đơn 00003839			1111	35.000	868.522	
08/12/2025	KL8151	08/12/2025	Thu tiền bán hàng Phan Thành Tài theo hóa đơn 00003769			1111		626.857	
...	...	...	...	...	...	...	...	...	
31/12/2025	NVK0037	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025			911	24.830.919.397		
			- Cộng số phát sinh				25.580.073.480	25.580.073.480	
			- Số dư cuối kỳ						
			- Cộng lũy kế từ đầu				25.580.073.480	25.580.073.480	

Hình 2.9. Sổ cái TK 511

2.2.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

a. Nội dung các khoản giảm trừ doanh thu

Qua thực tế tại Công ty TNHH Minh Anh Đà Nẵng, các khoản giảm trừ doanh thu chủ yếu phát sinh là chiết khấu thương mại được áp dụng trực tiếp trên hoá đơn bán hàng khi khách mua với số lượng lớn hoặc theo chính sách bán hàng của công ty.

Tại công ty, đối với trường hợp chiết khấu thương mại ghi ngay trên hoá đơn, kế toán không sử dụng TK 521 để phản ánh riêng khoản giảm trừ doanh thu, mà ghi nhận doanh thu theo giá đã trừ chiết khấu.

b. Chứng từ sử dụng

- Hoá đơn giá trị gia tăng
- Phiếu xuất kho
- Giấy báo Có

c. Tài khoản sử dụng

- Để hạch toán kế toán các khoản giảm trừ doanh thu theo TT133, chúng ta sử dụng tài khoản 511.

TK 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ. Phản ánh doanh thu đã trừ chiết khấu thương mại

d. Sổ sách sử dụng

- Sổ chi tiết TK 511
- Sổ cái TK 511
- Sổ nhật ký chung

e. Nghiệp vụ minh hoạ

Ngày 09/12/2025, công ty TNHH Minh Anh Đà Nẵng bán hàng hoá cho khách hàng Cherry Minimart. Giá chưa thuế là 406.593 đồng, thuế GTGT 8% tổng tiền thuế 32.527 đồng, chiết khấu 11.000 đồng. Tổng tiền thanh toán 439.120 đồng. Khách hàng thanh toán bằng tiền mặt.

Mẫu số: 1
Ký hiệu: C25MTT
Số: 00003890

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ngày 09 tháng 12 năm 2025

MCCQT: M1-25-IXAYL-00000003890

Tên người bán: CÔNG TY TNHH MINH ANH ĐÀ NẴNG

Mã số thuế: 0402309486

Mã cửa hàng:

Tên cửa hàng:

Địa chỉ: 211 Nguyễn Kim, Phường Hòa Xuân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

Điện thoại: 0905623803

Số tài khoản: 19036058658011 Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng

Tên người mua: CHERRY MINI MART

Họ tên người mua hàng:

Mã số thuế:

Mã ĐVCQH/NSNN:

Số hộ chiếu:

Địa chỉ: 06, CHU VĂN AN, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng

Điện thoại:

Căn cước công dân:

Hình thức thanh toán: Tiền mặt

Số bảng kê:

Ngày bảng kê:

STT	Tên chất	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Chiết khấu	Thuế suất	Thành tiền chưa có thuế GTGT
1	Hàng hóa, dịch vụ	Nước Me Wonderfarm	Thùng	1,00	139.815,00	3.000	8%	136.815
2	Hàng hóa, dịch vụ	Trà Bì Đào Wonderfarm 310ml	Thùng	1,00	135.185,00	2.000	8%	133.185
3	Hàng hóa, dịch vụ	Bí chái 440ml	Thùng	1,00	142.593,00	6.000	8%	136.593

STT	Tính chất	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Chiết khấu	Thuế suất	Thành tiền chưa có thuế GTGT
	Thuế suất	Tổng tiền chưa thuế	Tổng tiền thuế	Tổng tiền chưa thuế (Tổng cộng thành tiền chưa có thuế)				406.593
	8%	406.593	32.527	Tổng tiền thuế (Tổng cộng tiền thuế)				32.527
				Tổng tiền chiết khấu thương mại				11.000
				Tổng tiền thanh toán bằng số				439.120
				Tổng tiền thanh toán bằng chữ				Bốn trăm ba mươi chín nghìn một trăm hai mươi đồng chẵn.

NGƯỜI MUA HÀNG

(Chữ ký số (nếu có))

NGƯỜI BÁN HÀNG

(Chữ ký điện tử, Chữ ký số)

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, nhận hóa đơn)

Hình 2.10. Hóa đơn GTGT số 00003890

Chứng từ bán hàng

1. Bán hàng hóa, dịch vụ trong nước: ☐ **Kiểm phiếu xuất kho** ☐ **Lập bán hàng đơn** ☐

☐ Chưa thu tiền ☐ Thu tiền ngay ☐ Tiền mặt ☐ Là hóa đơn máy tính tiền

☐ KT tính trong loại Bùng DN

Thông tin chung

Khách hàng: CHERRY MINI MART
Địa chỉ: 06, CHU VĂN AN, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng
Mã số thuế: Mã số DV/CGH/HS
Số CCCD: Số hồ chiếu
Số bán hàng: TK khoản ngân hàng
Điền giá: Xuất hóa đơn cho CHERRY MINI MART theo hóa đơn 00003890
Người mua hàng: Hình thức TT: Tiền mặt
Tham chiếu: 64230

Hóa đơn

Mẫu số HĐ: 1039MTT
Họ hiệu HĐ: 00003890
Số hóa đơn: 08/12/2025

1. Hàng bán

Mã hàng	Tên hàng	TK khách ghi	TK khách thu	Mã quy cách	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Tỷ lệ CK (%)	Tiền chiết
PGD0114	Thuốc Ma Viobanfarm	1111	5111		Thùng	1.00	139.810.00	139.810		2.75
PGD0111	Thuốc Bì Bào Viobanfarm 210ml	1111	5111		Thùng	1.00	135.185.00	135.185		1.48
(B44)	Bì chài 440ml	1111	5111		Thùng	1.00	142.593.00	142.593		4.21
Số dòng = 3						3.00		417.593		

Tổng tiền hàng: 417.593
Tiền chiết khấu: 11.000
Tiền thuế GTGT: 32.927,9 VND
Tổng tiền thanh toán: 439.120 VND

Hình 2.11. Giao diện hạch toán trên phần mềm MISA

CÔNG TY TNHH MINH ANH ĐÀ NẴNG
211 Nguyễn Kim, Phường Hòa Xuân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số 01 - TT
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC
Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

PHIẾU THU
Ngày 09 tháng 12 năm 2025

Quyển số:.....
Số: KL2150
Nợ: 1111
Có: 5111, 33311

Họ tên người nộp tiền: CHERRY MINI MART
Địa chỉ: 06, CHU VĂN AN, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng
Lý do nộp: Thu tiền bán hàng CHERRY MINI MART theo hóa đơn 00003890
Số tiền: **439.120 VND**
Viết bằng chữ: **Bốn trăm ba mươi chín nghìn một trăm hai mươi đồng chẵn.**
Kèm theo: chứng từ gốc

Ngày..... tháng..... năm.....

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người nộp tiền	Người lập phiếu	Thủ quỹ
(Ký, họ tên, đóng dấu)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Hình 2.12. Phiếu thu số KL 2150

(Số NKC trình bày ở trang số 87)

SỐ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN							
Tài khoản: 5111; Năm 2025							
Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	Tài khoản	TK đối ứng	Phát sinh Nợ	Phát sinh Có
03/01/2025	03/01/2025	BH02973	Nước Cốt Dừa 400ml	5111	131	0	26.388.900
03/01/2025	03/01/2025	PT06361	Bí chai 440ml	5111	1111	0	861.114
03/01/2025	03/01/2025	PT06361	Bí chai 440ml	5111	1111	36.000	0
...	...	...	...	...	...	...	...
09/12/2025	09/12/2025	KL2149	Latte socola 440ml	5111	1111	3.000	0
09/12/2025	09/12/2025	KL2149	Bí chai 440ml	5111	1111	0	142.593
09/12/2025	09/12/2025	KL2149	Bí chai 440ml	5111	1111	6.000	0
09/12/2025	09/12/2025	KL2150	Nước Me Wonderfarm	5111	1111	0	139.815
09/12/2025	09/12/2025	KL2150	Nước Me Wonderfarm	5111	1111	3.000	0
09/12/2025	09/12/2025	KL2150	Trà Bí Đào Wonderfarm 3l	5111	1111	0	135.185
09/12/2025	09/12/2025	KL2150	Trà Bí Đào Wonderfarm 3l	5111	1111	2.000	0
09/12/2025	09/12/2025	KL2150	Bí chai 440ml	5111	1111	0	142.593
09/12/2025	09/12/2025	KL2150	Bí chai 440ml	5111	1111	6.000	0
09/12/2025	09/12/2025	KL2151	Trà Bí Đào Wonderfarm 3l	5111	1111	0	405.555
09/12/2025	09/12/2025	KL2151	Trà Bí Đào Wonderfarm 3l	5111	1111	6.000	0
09/12/2025	09/12/2025	KL2151	Nước Cốt Dừa 400ml	5111	1111	0	128.280
...	...	...	...	...	...	...	...
31/12/2025	31/12/2025	KL8136	Trà Bí Đào Wonderfarm 3l	5111	1111	0	129.630
31/12/2025	31/12/2025	KL8136	Nước Me Wonderfarm	5111	1111	0	140.741
31/12/2025	31/12/2025	KL8136	Bí chai 440ml	5111	1111	0	143.519
31/12/2025	31/12/2025	NVK00375	Kết chuyển doanh thu bán	5111	911	24.830.919.397	0
			Cộng	5111		25.560.073.460	25.560.073.460
			Số dư cuối kỳ	5111			
Số dòng = 35496						25.560.073.460	25.560.073.460

Hình 2.13. Sổ chi tiết TK 5111

CÔNG TY TNHH MINH ANH ĐÀ NẴNG

211 Nguyễn Kim, Phường Hòa Xuân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

Mẫu số: S03b-DNN

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC
Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

SỐ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm 2025

Tài

511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Đơn vị tính: VND

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
...	...	...	...	...	...	...	...	...
09/12/2025	KL2149	09/12/2025	Thu tiền bán hàng TRẦN theo hóa đơn 00003889			1111	17.000	300.933
09/12/2025	KL2150	09/12/2025	Thu tiền bán hàng CHERRY MINI MART theo hóa đơn 00003890			1111	11.000	417.593
09/12/2025	KL2151	09/12/2025	Thu tiền bán hàng trang theo hóa đơn 00003891			1111	6.000	533.835
09/12/2025	KL2152	09/12/2025	Thu tiền bán hàng Tạp hoá thu theo hóa đơn 00003892			1111	28.000	459.273
...	...	...	...	...	...	...	...	...
31/12/2025	KL8136	31/12/2025	Thu tiền bán hàng Võ Thị Phương theo hóa đơn 00005301			1111	0	413.890
31/12/2025	NVK00375	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025			911	24.830.919.397	0
			- Cộng số phát sinh				25.560.073.460	25.560.073.460
			- Số dư cuối kỳ				0	0
			- Cộng lũy kế từ đầu năm				25.560.073.460	25.560.073.460

Hình 2.14. Sổ cái TK 511

2.2.3. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

a. Nội dung doanh thu hoạt động tài chính

- Doanh thu hoạt động tài chính của Công ty phát sinh chủ yếu từ lãi tiền gửi ngân hàng.

b. Chứng từ sử dụng

- Giấy báo Có ngân hàng.

c. Tài khoản sử dụng

- Tài khoản 515: Doanh thu hoạt động tài chính

d. Sổ sách sử dụng

- Sổ chi tiết TK 515

- Sổ Cái TK 515

- Sổ nhật ký chung

e. Nghiệp vụ minh họa

Ngày 20/12/2025 Công ty nhận Giấy báo Có nhận được lãi tiền gửi của ngân hàng TMCP Quân đội (MB). Số tiền lãi công ty nhận được là 40 đồng



PHIẾU BÁO CÓ/ CREDIT NOTE
Ngày/Transaction Date: 20/12/2025

Tên Khách hàng/Customer Name:
Địa chỉ/Address:
MST KH/Tax code:
Mã khách hàng/Customer ID:
Số tài khoản/Account No.:

41631384 - CÔNG TY TNHH MINH ANH ĐÀ NẴNG
211 NGUYỄN KIM - PHƯỜNG HOA XUÂN - THỊNH PHỐ ĐÀ NẴNG - VIỆT NAM
0402309436
41631384
339333933

Tên ngân hàng/Bank's Name:
Chi nhánh/Branch:
Địa chỉ/Address:
Mã GDV/Teller : 27228338_COBUSER

Ngân hàng thương mại cổ phần Quân đội
VN0010301 - CN ĐÀ NẴNG
Số 174 Lê Đình Lý, P. Hòa Thuận Tây, Q. Hải Châu - TP Đà Nẵng

Chúng tôi xin thông báo đã ghi có tài khoản của Quý khách số tiền theo chi tiết sau/ We hereby notify to you that we credited your account as the following information:

MÃ GIAO DỊCH/ Transaction Code: 339333933			LOẠI TIỀN/ Currency: VND		
Tài khoản có/ Credit Account:	Số tài khoản/ Acct No.	339333933	Số tiền/ Amount:	Bảng số/ In number:	40.00
	Tên tài khoản/ Acct Name:	CÔNG TY TNHH MINH ANH ĐÀ NẴNG		Bảng chữ/ In word:	Bốn mươi đồng
Tài khoản nợ/ Debit Account:	Số tài khoản/ Acct No.		Điền giao/ Details:	BUT TOAN TRA LAI	
	Tên tài khoản/ Acct Name:				

Hình 2.15. Phiếu báo Có

SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN							
Tài khoản: 515; Năm 2025							
Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	Tài khoản	TK đối ứng	Phát sinh Nợ	Phát sinh Có
...	...	...	...	...	...	...	...
01/05/2025	01/05/2025	h1	Lãi tiền gửi	515	1121	0	1.802
31/05/2025	31/05/2025	h64	Lãi tiền gửi	515	1121	0	11
31/05/2025	31/05/2025	h72	Lãi tiền gửi	515	1121	0	768
01/06/2025	01/06/2025	l1	Lãi tiền gửi	515	1121	0	928
30/06/2025	30/06/2025	a173	Lãi tiền gửi	515	1121	0	11
30/06/2025	30/06/2025	l63	Lãi tiền gửi	515	1121	0	2.127
01/07/2025	01/07/2025	a49	BUT TOÁN TRẢ LẠI	515	1121	0	3.653
31/07/2025	31/07/2025	a174	Lãi tiền gửi	515	1121	0	11
31/07/2025	31/07/2025	l111	lãi tiền gửi	515	1121	0	2.715
01/08/2025	01/08/2025	a1	BUT TOÁN TRẢ LẠI	515	1121	0	2.273
30/08/2025	30/08/2025	a172	lãi tiền gửi	515	1121	0	2.271
31/08/2025	31/08/2025	a175	Lãi tiền gửi	515	1121	0	11
01/09/2025	01/09/2025	a104	Bút toán trả lãi	515	1121	0	2.249
30/09/2025	30/09/2025	m70	lãi tiền gửi	515	1121	0	422
30/09/2025	30/09/2025	n21	Lãi tiền gửi	515	1121	0	11
01/10/2025	01/10/2025	n1	BUT TOÁN TRẢ LẠI	515	1121	0	1.591
31/10/2025	31/10/2025	b29	Lãi tiền gửi	515	1121	0	11
31/10/2025	31/10/2025	b45	lãi tiền gửi	515	1121	0	121
01/11/2025	01/11/2025	b1	Lãi tiền gửi	515	1121	0	268
29/11/2025	29/11/2025	65	Trả tiền lãi	515	1121	0	851
30/11/2025	30/11/2025	102	Lãi tiền gửi	515	1121	0	11
20/12/2025	20/12/2025	67	Lãi tiền gửi	515	1121	0	40
31/12/2025	31/12/2025	103	Lãi tiền gửi	515	1121	0	11
31/12/2025	31/12/2025	34	Lãi tiền gửi	515	1121	0	636
31/12/2025	31/12/2025	95	BUT TOÁN TRẢ LẠI	515	1121	0	251
31/12/2025	31/12/2025	NVK00375	Kết chuyển doanh thu hợp	515	911	28.308	0
			Cộng	515		28.308	28.308
			Số dư cuối kỳ	515			
Số dòng = 39						28.308	28.308

Hình 2.16. Sổ chi tiết TK 515

CÔNG TY TNHH MINH ANH ĐÀ NẴNG

211 Nguyễn Kim, Phường Hòa Xuân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

Mẫu số: S03b-DNN

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC

Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm 2025

Tài khoản: 515 - Doanh thu hoạt động tài chính

Đơn vị tính:

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng		Tran g số	STT dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
01/07/2025	a49	01/07/2025	BUT TOÁN TRẢ LẠI			1121		3.653
31/07/2025	a174	31/07/2025	Lãi tiền gửi			1121		11
31/07/2025	1111	31/07/2025	lãi tiền gửi			1121		2.715
01/08/2025	a1	01/08/2025	BUT TOÁN TRẢ LẠI			1121		2.273
30/08/2025	a172	30/08/2025	lãi tiền gửi			1121		2.271
31/08/2025	a175	31/08/2025	Lãi tiền gửi			1121		11
31/08/2025	a104	01/09/2025	Bút toán trả lại			1121		2.249
30/09/2025	a70	30/09/2025	lãi tiền gửi			1121		422
30/09/2025	n21	30/09/2025	Lãi tiền gửi			1121		11
01/10/2025	n1	01/10/2025	BUT TOÁN TRẢ LẠI			1121		1.591
31/10/2025	b29	31/10/2025	Lãi tiền gửi			1121		11
31/10/2025	b45	31/10/2025	lãi tiền gửi			1121		121
01/11/2025	b1	01/11/2025	Lãi tiền gửi			1121		286
29/11/2025	65	29/11/2025	Trả tiền lãi			1121		851
30/11/2025	102	30/11/2025	Lãi tiền gửi			1121		11
20/12/2025	67	20/12/2025	Lãi tiền gửi			1121		40
31/12/2025	103	31/12/2025	Lãi tiền gửi			1121		11
31/12/2025	54	31/12/2025	Lãi tiền gửi			1121		636
31/12/2025	95	31/12/2025	BUT TOÁN TRẢ LẠI			1121		251
31/12/2025	NVK0037 5	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025			911	28.308	
			- Cộng số phát sinh				28.308	28.308
			- Số dư cuối kỳ					
			- Cộng lũy kế từ đầu năm				28.308	28.308

Hình 2.17. Sổ cái TK 515

2.2.4. Kế toán thu nhập khác

a. Nội dung kế toán thu nhập khác

Trong quá trình hoạt động công ty có các khoản thu nhập phát sinh không thường xuyên trong quá trình hoạt động, không liên quan trực tiếp đến hoạt động sản xuất, kinh doanh chính. Các khoản thu nhập khác bao gồm: khoản chiết khấu thương mại được hưởng do mua hàng hoá với số lượng lớn, ...

b. Chứng từ sử dụng

- Phiếu kế toán
- Hóa đơn GTGT
- Biên bản thỏa thuận chiết khấu

c. Tài khoản sử dụng

Đề hạch toán thu nhập khác, kế toán sử dụng Tài khoản 711 “Thu nhập khác”. Tài khoản này cuối kỳ kết chuyển hết sang TK 911 nên không có số dư cuối kỳ

d. Sổ sách sử dụng

- Sổ chi tiết tài khoản 711
- Sổ nhật kí chung
- Sổ cái 711

e. Nghiệp vụ minh họa

Ngày 31/01/2025, công ty TNHH Minh Anh Đà Nẵng nhận được khoản thưởng doanh số và hỗ trợ bán hàng từ nhà cung cấp WONDERFARM theo chính sách bán hàng đã thỏa thuận. Trong đó, thưởng doanh số là 18.283.600 đồng và hỗ trợ bán hàng là 1.686.600 đồng.

The screenshot shows a software interface for recording a business transaction. It includes fields for document type, date, and amount. The main table lists the transaction details, including the reward amount and sales support amount.

Thông tin chung		Diễn giải		Hạn thanh toán		Tham chiếu	
Chứng từ nghiệp vụ khác		Thưởng doanh số tháng 01.2025 và hỗ trợ sale					
Ngày hạch toán: 31/01/2025							
Ngày chứng từ: 31/01/2025							
Số chứng từ: NVKD0360							

1. Hạch toán		T. H. Tài		T. H. Có		Số tiền		Tích hợp vào		Kế toán		T. H. Tài		T. H. Có		Số tiền	
Thưởng doanh số tháng 01.2025		331		711		18.283.600						WONDERFARM		CÔNG		18.283.600	
Hỗ trợ sale tháng 01.2025		331		3366		1.686.600						WONDERFARM		CÔNG		1.686.600	

Hình 2.18. Hạch toán trên phần mềm Misa

THƯ THÔNG BÁO

V/v: Tiến thưởng hoa hồng tháng 01.2025 & DMS tháng 01.2025

Kính gửi: Quý Nhà Phân Phối

Công ty Interfood kính gửi đến Quý Nhà Phân Phối thông báo các khoản thưởng hoa hồng chi tiết trong tháng như sau:

Code - Mã NPP	Distributor name - Tên NPP	Monthly Incentive - Thưởng doanh số tháng						Order Sales Schedule Incentive - Thưởng đơn hàng						Delivery Subsidies Incentive - Thưởng doanh số giao hàng						Total Payment - Tổng tiền thưởng (VND)	Support Fee DMS - Hỗ trợ DMS tháng (VND)
		Target - Chỉ tiêu (order/tháng)		Achievement - Thực đạt (order/tháng)		Amount - Tiền thưởng (VND)	Phase - Tiến độ	Target - Chỉ tiêu (order/tháng)		Achievement - Thực đạt (order/tháng)		Amount - Tiền thưởng (VND)	Target với số chủ tiêu (order/tháng)		Actual - Thực đạt (order/tháng)		Amount - Tiền thưởng (VND)				
				Actual	% (Follow policy)			Actual	%	Actual	%		Actual	%							
COT3878	CÔNG TY TNHH MINH ANH (ĐÀ NẴNG)	Inter food products	1,200	420	100.00%	1,815,000	Tồn kho 1	7,300	2,940	40.36%	1,752,000	7,300	7,306	101.3%	6,021,000	18,283,600	1,686,600				
		Inter Products (C/ Inter food)	800			1,758,000															
		WMT 44000 products	700	310		44%					381,000										
		Sản phẩm WMT 44000	5,500	6,150		100%					2,271,100										
		Total - Tổng tiền (VND)									6,862,600							Total - Tổng tiền (VND)			

Nếu Nhà phân phối có thắc mắc, xin vui lòng liên hệ lại với công ty chúng tôi. Trân trọng

Act

Hình 2.19. Thư thông báo các khoản thưởng doanh số

CÔNG TY TNHH MINH ANH ĐÀ NẴNG
211 Nguyễn Kim, Phường Hòa Xuân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

CHỨNG TỪ KẾ TOÁN

Tên: CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM QUỐC TẾ Số: NVK00360
Địa chỉ: Lô 13, KCN Tam Phước, Phường Tam Phước, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam Ngày: 31/01/2025
Diễn giải: Thường doanh số tháng 01.2025 và hỗ trợ sale

STT	Diễn giải	Ghi Nợ	Ghi Có	Thành tiền
1	Thường doanh số tháng 01.2025	331	711	18.283.600
2	Hỗ trợ sale Tháng 01.2025	331	3388	1.686.600
Cộng				19.970.200

Thành tiền bằng chữ: *Mười chín triệu chín trăm bảy mươi nghìn hai trăm đồng chẵn.*

Ghi chú:

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Hình 2.20. Chứng từ kế toán

(Số NKC trình bày ở trang số 86)

SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN									
Tài khoản: 711; Năm 2025									
Ngày hạch	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	Tài khoản	TK đối ứng	Phát sinh Nợ	Phát sinh Có	Dư Nợ	Dư Có
23/01/2025	23/01/2025	NTTK5	VITA TT KHOAN 5PTRAM CHO SH	711	1121	0	465.852	0	465.852
31/01/2025	31/01/2025	NVK00360	Thường doanh số tháng 01.2025	711	331	0	18.283.600	0	18.749.452
11/04/2025	11/04/2025	NVK00242	Chiết khấu Tháng 03 - 2025	711	331	0	18.171.072	0	103.611.681
30/04/2025	30/04/2025	NVK00363	Thường doanh số tháng 04.2025	711	331	0	11.761.850	0	115.373.531
12/05/2025	12/05/2025	NVK00255	Chiết khấu Tháng 04 - 2025	711	331	0	5.329.456	0	120.702.987
29/05/2025	29/05/2025	NVK00259	Khoản hỗ trợ thị trường bán hàng 0	711	331	0	105.699.100	0	226.402.087
31/05/2025	31/05/2025	NVK00364	Thường doanh số tháng 05.2025	711	331	0	16.515.250	0	242.917.337
11/06/2025	11/06/2025	NVK00260	Khoản hỗ trợ chi phí quản lý hàng l	711	331	0	82.966.885	0	325.884.222
11/06/2025	11/06/2025	NVK00265	Khoản hỗ trợ thị trường bán hàng. (	711	331	0	424.200	0	326.308.422
30/06/2025	30/06/2025	NVK00365	Thường doanh số tháng 06.2025	711	331	0	21.105.750	0	347.414.172
31/07/2025	31/07/2025	NVK00366	Thường doanh số tháng 07.2025	711	331	0	12.440.250	0	359.854.422
30/08/2025	30/08/2025	NVK00367	Thường doanh số tháng 08.2025	711	331	0	13.727.100	0	373.581.522
29/09/2025	29/09/2025	NVK00368	Thường doanh số tháng 09.2025	711	331	0	20.043.250	0	393.624.772
30/10/2025	30/10/2025	NVK00370	Thường doanh số tháng 10.2025	711	331	0	4.270.350	0	397.895.122
31/12/2025	31/12/2025	NVK00375	Kết chuyển thu nhập khác phát sin	711	911	397.895.122	0	0	0
			Cộng	711		397.895.122	397.895.122		
			Số dư cuối kỳ	711				0	0
Số dòng = 24						397.895.122	397.895.122		

Hình 2.21. Sổ chi tiết TK 711

CÔNG TY TNHH MINH ANH ĐÀ NẴNG 211 Nguyễn Kim, Phường Hòa Xuân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	Mẫu số: S03b-DNN (Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC Ngày 26/03/2016 của Bộ Tài chính)
---	---

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm 2025

Tài		711 - Thu nhập khác				Đơn vị tính: VND		
Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			- Số dư đầu kỳ					
			- Số phát sinh trong kỳ					
23/01/2025	NTTKS	23/01/2025	VITA TT KHOAN 5PTRAM CHO SHOP THANG12.2024 CHINH SACH CK VUNG GT			1121		465.852
31/01/2025	NVK00360	31/01/2025	Thưởng doanh số tháng 01.2025 và hỗ trợ sale			331		18.283.600
20/02/2025	NVK00233	20/02/2025	Chiết khấu Tháng 01 - 2025 theo hd 6868			331		21.014.519
...	...	...	...	...	...	...	...	...
31/07/2025	NVK00366	31/07/2025	Thưởng doanh số tháng 07.2025 và hỗ trợ sale			331		12.440.250
30/08/2025	NVK00367	30/08/2025	Thưởng doanh số tháng 08.2025 và hỗ trợ sale			331		13.727.100
29/09/2025	NVK00368	29/09/2025	Thưởng doanh số tháng 09.2025 và hỗ trợ sale			331		20.043.250
30/10/2025	NVK00370	30/10/2025	Thưởng doanh số tháng 10.2025 và hỗ trợ sale			331		4.270.350
31/12/2025	NVK00375	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025			911	397.895.122	
			- Cộng số phát sinh				397.895.122	397.895.122
			- Số dư cuối kỳ					
			- Cộng lũy kế từ đầu năm				397.895.122	397.895.122

Hình 2.22. Sổ cái TK 711

2.3. Thực trạng kế toán các khoản chi phí

2.3.1. Kế toán giá vốn hàng bán

a. Nội dung kế toán giá vốn hàng bán

Việc theo dõi và ghi nhận toàn bộ các chi phí tạo ra sản phẩm hoặc mua hàng hoá đã tiêu thụ trong kỳ.

b. Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu xuất kho

c. Tài khoản sử dụng

Công ty sử dụng tài khoản 632- Giá vốn hàng bán để phản ánh giá vốn của hàng hoá đã xuất trong kỳ. Tài khoản này cuối kỳ kết chuyển hết sang tài khoản 911 nên

không có số dư cuối kỳ.

d. Sổ sách sử dụng

- Sổ chi tiết TK 632
- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái 632

e. Nghiệp vụ minh họa

- **Nghiệp vụ 1:** Căn cứ vào nghiệp vụ bán hàng đã trình bày tại TK 511: Ngày 29/11/2025, Công ty TNHH Minh Anh Đà Nẵng xuất bán hàng hoá cho Công ty TNHH Gia Trường Phúc theo HĐ số 00003420, giá bán chưa thuế là 5.555.560 đồng, thuế GTGT 8%, khách hàng chưa thanh toán.

CÔNG TY TNHH MINH ANH ĐÀ NẴNG 211 Nguyễn Kim, Phường Hòa Xuân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.				Mẫu số: 02 - VT (Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)			
PHIẾU XUẤT KHO							
Ngày 29 tháng 11 năm 2025				Số: 632			
Số: XK07224				Có: 156			
- Họ tên người nhận hàng: CÔNG TY TNHH GIA TRƯỜNG PHÚC							
- Địa chỉ (bộ phận): 14 Đa Phước 7, Phường Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam							
- Lý do xuất kho: Xuất kho bán hàng CÔNG TY TNHH GIA TRƯỜNG PHÚC theo hóa đơn 00003420							
- Xuất tại kho (ngân lô): KHO WONDERFARM				Địa điểm:			
STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Trà Bì Đào Wonderfarm - Lon 240	FGD0111	Thùng	40,00		129.767,16	5.190.686
	Cộng						5.190.686
- Tổng số tiền (Viết bằng chữ) Năm triệu một trăm chín mươi nghìn sáu trăm tám mươi sáu đồng chẵn.							
- Số chứng từ gốc kèm theo							
Ngày tháng năm							
Người lập phiếu (Ký, họ tên)	Người nhận hàng (Ký, họ tên)	Thủ kho (Ký, họ tên)	Kế toán trưởng (Hoặc bộ phận có nhu cầu nhập) (Ký, họ tên)	Giám đốc (Ký, họ tên, đóng dấu)			

Hình 2.23. Phiếu xuất kho theo HĐ số 00003420

Chứng từ bán hàng

1. Bán hàng hóa, dịch vụ trong nước

Thông tin chung

Khách hàng: GÍA TRƯỜNG PHÚC
Mã số thuế: 0407514475
Địa chỉ: 14 Đ. Phước 7, Phường Mỹ Hạnh Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
Điện thoại: 0903 00003769
Mã bán hàng: 00003769

Thông tin chứng từ

Ngày hạch toán: 29/11/2025
Ngày chứng từ: 29/11/2025
Số chứng từ: 00003769

Chi tiết hàng hóa

STT	Mã hàng	Tên hàng	Đơn vị	Đơn giá	Số lượng	Đơn giá	Tổng tiền
1	PG00111	Trà Bì Đào Wonderfarm - Lọc 240	lon	632	156	40.00	529.76
						40.00	5.190.636
Tổng tiền hàng							3.500.000
Tổng tiền thuế GTGT							0
Tổng tiền thanh toán							3.500.000

Hình 2.24. Giao diện hạch toán trên phần mềm Misa

- **Nghiệp vụ 2:** Căn cứ vào nghiệp vụ bán hàng đã trình bày tại TK 511: Ngày 08/12/2025 Công ty TNHH Minh Anh Đà Nẵng đã xuất bán hàng hoá cho khách hàng Phan Thành Tài theo HĐ số 00003769, giá bán chưa thuế là 626.857 đồng, thuế GTGT 8%: 50.149 đồng, tổng tiền thanh toán 677.006 đồng. Khách hàng thanh toán bằng tiền mặt.

CÔNG TY TNHH MINH ANH ĐÀ NẴNG
211 Nguyễn Kim, Phường Hòa Xuân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

Mẫu số: 02 - VT
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC
Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

PHIẾU XUẤT KHO
Ngày 08 tháng 12 năm 2025
Số: XK07578

Nợ: 632
Có: 156

Họ tên người nhận hàng: Phan Thành Tài
Địa chỉ (bộ phận): 45 Văn Cẩn, Phường Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng, Việt Nam.
Lý do xuất kho: Xuất kho bán hàng Phan Thành Tài theo hóa đơn 00003769
Xuất tại kho (ngân lô): KHO WONDERFARM Địa điểm:

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Nước Cốt Dừa 400ml	FGT0002	lon	12,00		23.550,86	282.610
2	Nước Cốt Dừa 160ml	FGT0003	lon	12,00		12.040,74	144.489
3	Trà Bì Đào Wonderfarm -Chai 280	FGP0049	Thùng	1,00		108.950,53	108.951
Cộng							536.060

Tổng số tiền (Viết bằng chữ) Năm trăm ba mươi sáu nghìn không trăm sáu mươi đồng chẵn.
Số chứng từ gốc kèm theo

Ngày tháng năm

Người lập phiếu (Ký, họ tên) Người nhận hàng (Ký, họ tên) Thủ kho (Ký, họ tên) Kế toán trưởng (Hoặc bộ phận có nhu cầu nhập) (Ký, họ tên, đóng dấu) Giám đốc (Ký, họ tên, đóng dấu)

Hình 2.25. Phiếu xuất kho theo HĐ số 00003769

Chứng từ bán hàng

1. Bán hàng hóa, dịch vụ trong nước 2. Kiểm phiếu xuất kho 3. Lập biên bản hàng hóa

Chưa thu tiền Thu tiền ngay Tiền mặt Là hóa đơn máy tính tiền

Thông tin chung

Khoản hàng: THABHTAI Phân Thành Tài

Nguồn gốc:

Địa chỉ: 45 Văn Cấn, Phường Cầu Lộ, TP Đà Nẵng, Việt Nam

Lý do nộp: Thủ tục bán hàng Phân Thành Tài theo hóa đơn 00003765

Mã bán hàng: Năm tạo: Nhập từ gốc

Thêm chuỗi: 12345678901234567890

Chứng từ

Ngày hạch toán: 08/12/2025

Ngày chứng từ: 08/12/2025

Số phiếu thu: 43.8151

NẤP CẤP MÃ

Mã hàng	Tên hàng	Kho	TK gốc vốn	TK kho	ĐVT	Số lượng	Đơn giá vốn	Tiền vốn	Số %	Hạn sử dụng
PQ70002	Nước Cốt Dừa 400ml	KH1	632	156	lưu	12.00	23.590.98	282.810		
PQ70003	Nước Cốt Dừa 160ml	KH1	632	156	lưu	12.00	12.940.74	144.489		
PQ70048	Trà Bí Đào Wonderfarm -Chai 280	KH1	632	156	Thùng	1.00	108.960.55	108.961		
Số dòng = 3						25.00		536.360		

Tổng tiền hàng: 536.360

Tổng chiết khấu: 0

Tổng tiền thanh toán: 536.360

Tổng tiền thành tiền: 536.360

Hình 2.26. Giao diện hạch toán trên phần mềm Misa
(Sổ NKC trình bày ở trang số 86,87)

SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN							
Tài khoản: 632; Năm 2025							
Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	Tài khoản	TK đối ứng	Phát sinh Nợ	Phát sinh Có
...	...	...	...	...	...	...	...
29/11/2025	29/11/2025	XK07223	Nước Chanh Dây Wonderfarm	632	156	129.333	0
29/11/2025	29/11/2025	XK07223	Trà Anh Quốc Kirin Tea Break Trà St	632	156	160.801	0
29/11/2025	29/11/2025	XK07223	Ice+ Nho Xanh 490 vị trái cây	632	156	142.295	0
29/11/2025	29/11/2025	XK07224	Trà Bí Đào Wonderfarm - Lon 240	632	156	5.190.686	0
29/11/2025	29/11/2025	XK07225	Trà Bí Đào Wonderfarm 310ml	632	156	129.767	0
29/11/2025	29/11/2025	XK07225	Bí chai 440ml	632	156	131.414	0
...	...	...	...	...	...	...	...
08/12/2025	08/12/2025	XK07577	Ice+ Dừa lười 490ml	632	156	139.511	0
08/12/2025	08/12/2025	XK07577	Kirin Ice+Trà_Hương vị táo	632	156	141.605	0
08/12/2025	08/12/2025	XK07577	Ice+ Đào 490ml (Hàng khuyến mãi)	632	156	53.532	0
08/12/2025	08/12/2025	XK07578	Nước Cốt Dừa 400ml	632	156	282.610	0
08/12/2025	08/12/2025	XK07578	Nước Cốt Dừa 160ml	632	156	144.489	0
08/12/2025	08/12/2025	XK07578	Trà Bí Đào Wonderfarm -Chai 280	632	156	108.961	0
08/12/2025	08/12/2025	XK07579	Ice+ Đào 490ml	632	156	111.526	0
08/12/2025	08/12/2025	XK07579	Latte Mãng cầu 440ml	632	156	314.682	0
...	...	...	...	...	...	...	...
31/12/2025	31/12/2025	XK09214	Nước Cốt Dừa 400ml	632	156	118.696	0
31/12/2025	31/12/2025	XK10268	Nước Cốt Dừa 400ml	632	156	2.260.882	0
			Cộng	632		23.765.845.135	23.765.845.135
			Số dư cuối kỳ	632			
Số dòng = 14600						23.765.845.135	23.765.845.135

Hình 2.27. Sổ chi tiết TK 632

CÔNG TY TNHH MINH ANH ĐÀ NẴNG 211 Nguyễn Kim, Phường Hòa Xuân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam				Mẫu số: S03b-DNN (Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC)				
SỔ CÁI (Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)								
Năm 2025								
Tài khoản: 632 - Giá vốn hàng bán							Đơn vị tính: VND	
Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
...	...	...	...	...	...	...	...	...
29/11/2025	XK07223	29/11/2025	Xuất kho bán hàng CÔNG TY TNHH MINH ANH ĐÀ NẴNG			156	825.926	
29/11/2025	XK07224	29/11/2025	Xuất kho bán hàng CÔNG TY TNHH GIA TRƯỞNG PHÚC theo hóa đơn 00003420			156	5.190.686	
29/11/2025	XK07225	29/11/2025	Xuất kho bán hàng CHERRY MINI MART			156	819.944	
...	...	...	...	...	...	...	...	...
08/12/2025	XK07577	08/12/2025	Xuất kho bán hàng TH THANH TÀI			156	446.174	
08/12/2025	XK07578	08/12/2025	Xuất kho bán hàng Phan Thanh Tài theo hóa đơn 00003769			156	536.060	
08/12/2025	XK07579	08/12/2025	Xuất kho bán hàng TH LONG theo hóa đơn 00003771			156	820.944	
...	...	...	...	...	...	...	...	...
			- Cộng số phát sinh				23.765.845.135	23.765.845.135
			- Số dư cuối kỳ					
			- Cộng lũy kế từ đầu năm				23.765.845.135	23.765.845.135

Hình 2.28. Sổ cái TK 632

2.3.2. Kế toán chi phí tài chính

a. Nội dung kế toán chi phí tài chính

Chi phí tài chính của công ty chủ yếu phát sinh từ khoản lãi vay ngắn hạn phục vụ nhu cầu vốn lưu động trong hoạt động kinh doanh.

b. Chứng từ sử dụng

- Ủy nhiệm chi
- Sổ phụ ngân hàng
- Giấy báo nợ

c. Tài khoản sử dụng

Để hạch toán chi phí tài chính, kế toán sử dụng Tài khoản 635 “Chi phí tài chính”

d. Sổ sách sử dụng

- Sổ chi tiết tài khoản 635
- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái tài khoản 635

e. Nghiệp vụ minh họa

Ngày 15/02/2025, Công ty TNHH Minh Anh Đà Nẵng thực hiện chi trả tiền lãi vay ngân hàng bằng chuyển khoản, số tiền 545.753 đồng.

- Trên phần mềm kế toán MISA, khi nhận được Giấy báo nợ từ Ngân hàng về khoản tiền lãi vay phát sinh, kế toán thực hiện thao tác tại phân hệ Tiền gửi ngân hàng -> chọn chức năng Chi tiền (Ủy nhiệm chi). Quy trình xử lý luồng dữ liệu kế toán được thực hiện như sau:

Điền giải	TK Nợ	TK Có	Số tiền	Ngày	Điền giải	Tên đối tượng	Khoản
Trả lãi vay	635	1121	545.753				

Hình 2.29. Nhập ủy nhiệm chi trên phần mềm Misa

CÔNG TY TNHH MINH ANH ĐÀ NẴNG

211 Nguyễn Kim, Phường Hòa Xuân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

GIẤY BÁO NỢ

Người nhận tiền:	Số: unc175			
Địa chỉ:	Ngày: 15/02/2025			
Lý do thanh toán: Trả lãi vay	Tài khoản: 1121			
Số tài khoản đơn vị trả tiền: 043531970001				
Tại ngân hàng: Ngân hàng Bưu điện Liên Việt				
Số tiền: 545.753	Loại tiền: VND			
Số tiền bằng chữ: Năm trăm bốn mươi lăm nghìn bảy trăm năm mươi ba đồng chẵn.				
Diễn giải	Số tiền nguyên tệ (VND)	Số tiền (VND)	Ghi Nợ	Ghi Có
Trả lãi vay	545.753	545.753	635	1121

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người lập phiếu	Thủ quỹ	Người nhận tiền
(Ký, họ tên, đóng dấu)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Hình 2.30. Giấy báo Nợ UNC 175

LienVietPostBank
NGÂN HÀNG ĐẦU TIÊN VIỆT

YÊU CẦU CHUYỂN TIỀN
REMITTANCE APPLICATION FORM

CT/2017-03/MBGD
Liên 1 (For Bank)

Bên chuyển
(Account Name)

Số tài khoản
(Account No.)

Tại LiênVietPostBank
CN/PGD (With bank)

Bên nhận
(Receiver)

☐ **Số tài khoản**
(Account No.)

☐ **CMND/HC/CCCD**
(ID PP/C2 No.)

Cấp ngày
(Date of issue)

Tại Ngân hàng
(With bank)

Chi nhánh
(Branch)

Nội dung (Details): Trả lãi vay

Đơn vị trả tiền (Payer)
Kế toán trưởng
(Chief Accountant)

Ngày lập (Date of issue):

Chủ tài khoản (A/C holder's signature)/
Người đại diện hợp pháp
(Legal Rep's signature & stamp)

Giao dịch viên
(Teller)

Kiểm soát
(Supervisor)

Phê duyệt
(Approver)

CÔNG TY TNHH MINH ANH ĐÀ NẴNG
*Lưu ý: Chỉ điền "Ngày lập" trong trường hợp "Ngày lập" khác "Ngày GD".

Loại tiền (Currency)
☒ VND ☐ EUR
☐ USD ☐ Khác (Other)

☐ **Phi trong** (Including) ☐ **Phi ngoài** (Excluding)

Số tiền bằng số (Amount in numbers)
545.753 VND

Số tiền bằng chữ (Amount in words)
Năm trăm bốn mươi lăm nghìn bảy trăm năm mươi ba đồng chẵn.

Hình 2.31. Yêu cầu chuyển tiền

(Số NKC trình bày ở trang số 86)

SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN									
Tài khoản: 635; Năm 2025									
Ngày hạch	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	Tài khoản	TK đối ứng	Phát sinh Nợ	Phát sinh Có	Dư Nợ	Dư Có
06/01/2025	06/01/2025	unc97	Trả lãi vay	635	1121	891.986	0	891.986	0
09/01/2025	09/01/2025	unc88	Trả lãi vay	635	1121	2.390.202	0	3.282.188	0
13/01/2025	13/01/2025	unc82	Trả lãi vay	635	1121	1.025.709	0	4.307.897	0
...	...	...	...	...	...	...	...	...	...
15/02/2025	15/02/2025	unc174	Trả lãi vay	635	1121	179.130	0	57.454.726	0
15/02/2025	15/02/2025	unc175	Trả lãi vay	635	1121	545.753	0	58.000.479	0
16/02/2025	16/02/2025	unc120	Trả nợ vay	635	1121	131.127	0	58.131.606	0
16/02/2025	16/02/2025	unc121	Trả lãi vay	635	1121	36	0	58.131.642	0
...	...	...	...	...	...	...	...	...	...
03/09/2025	03/09/2025	b51	Trả lãi	635	1121	138.837	0	462.872.306	0
05/09/2025	05/09/2025	b50	CHUYỂN NỢ QUÁ HẠN	635	1121	8.717.003	0	471.589.309	0
08/09/2025	08/09/2025	b44	CHUYỂN NỢ QUÁ HẠN	635	1121	175.396	0	471.764.665	0
08/09/2025	08/09/2025	b45	CHUYỂN NỢ QUÁ HẠN	635	1121	948.505	0	472.713.170	0
08/09/2025	08/09/2025	b46	CHUYỂN NỢ QUÁ HẠN	635	1121	1.299	0	472.714.469	0
...	...	...	...	...	...	...	...	...	...
25/11/2025	25/11/2025	146	Trả lãi vay	635	1121	278.128	0	738.736.941	0
26/11/2025	26/11/2025	147	Trả lãi vay	635	1121	9.667.077	0	748.404.018	0
26/11/2025	26/11/2025	147	Trả lãi vay	635	1121	2.649	0	748.406.667	0
18/12/2025	18/12/2025	12	Trả tiền vay và lãi mua xe	635	1121	1.870.476	0	750.277.143	0
25/12/2025	25/12/2025	158	Trả lãi vay	635	1121	407.840	0	750.684.983	0
26/12/2025	26/12/2025	159	Trả lãi vay	635	1121	26.715.448	0	777.400.431	0
26/12/2025	26/12/2025	159	Trả lãi vay	635	1121	7.319	0	777.407.750	0
31/12/2025	31/12/2025	NVK00375	Kết chuyển chi phí hoạt động tài chính	635	911	0	777.407.750	0	0
			Cộng	635		777.407.750	777.407.750		
			Số dư cuối kỳ	635				0	0
Số dòng = 613						777.407.750	777.407.750		

Hình 2.32. Sổ chi tiết TK 635

CÔNG TY TNHH MINH ANH ĐÀ NẴNG

211 Nguyễn Kim, Phường Hòa Xuân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

Mẫu số: S03b-DNN

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC
Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm 2025

Tài

635 - Chi phí tài chính

Đơn vị tính: VND

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng		Trang số	STT đơn vị		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			- Số dư đầu kỳ					
			- Số phát sinh trong kỳ					
45663,00	unc97	45663,00	Trả lãi vay			1121	891.986	
45666,00	unc88	45666,00	Trả lãi vay			1121	2.390.202	
...	...	...	...	...	...	...	...	...
45703,00	unc174	45703,00	Trả lãi vay			1121	179.130	
45703,00	unc175	45703,00	Trả lãi vay			1121	545.753	
45704,00	unc120	45704,00	Trả nợ vay			1121	131.127	
45704,00	unc121	45704,00	Trả lãi vay			1121	36	
45704,00	unc122	45704,00	Trả nợ vay			1121	163.726	
...	...	...	...	...	...	...	...	...
45854,00	j23	45854,00	Trả tiền vay			1121	118	
45854,00	j24	45854,00	Trả tiền vay			1121	739.041	
...	...	...	...	...	...	...	...	...
46009,00	12	46009,00	Trả tiền vay và lãi mua xe			1121	1.870.476	
46016,00	158	46016,00	Trả lãi vay			1121	407.840	
46017,00	159	46017,00	Trả lãi vay			1121	26.722.767	
46022,00	NVK00375	46022,00	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày			911		777.407.750
			Số trang trước chuyển				777.407.750	777.407.750
			- Cộng số phát sinh				777.407.750	777.407.750
			- Số dư cuối kỳ					
			- Cộng lũy kế từ đầu năm				777.407.750	777.407.750

Hình 2.33. Sổ cái TK 635

2.3.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

a. Nội dung kế toán chi phí quản lý kinh doanh

Chi phí quản lý kinh doanh tại Công ty bao gồm hai bộ phận chính là chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

-Chi phí quản lý doanh nghiệp chủ yếu phát sinh từ các khoản liên quan đến nhân sự như tiền lương, các khoản trích theo lương và chi phí hỗ trợ ăn ca cho cán bộ, nhân viên.

- Chi phí bán hàng của Công ty tập trung vào các khoản phục vụ trực tiếp cho hoạt động tiêu thụ như chi phí điện, xăng dầu và các khoản phí dịch vụ ngân hàng.

Việc phân loại chi phí như trên giúp doanh nghiệp theo dõi và kiểm soát hiệu quả các khoản chi trong quá trình hoạt động kinh doanh.

b. Chứng từ sử dụng

- Bảng chấm công, bảng lương.

- Phiếu chi

c. Tài khoản sử dụng

- Tài khoản 6421 – Chi phí bán hàng

- Tài khoản 6422 – Chi phí quản lý doanh nghiệp

d. Sổ sách sử dụng

- Sổ chi tiết TK 6421

- Sổ chi tiết TK 6422

- Sổ Cái TK 642

- Sổ nhật ký chung

e. Nghiệp vụ minh họa

-Nghiệp vụ 1: Ngày 30/6/2025 Công ty TNHH Minh Anh Đà Nẵng tiến hành tính lương tháng 6 cho nhân viên với tổng số tiền tính lương là 52.500.000 VND

CÔNG TY TNHH MINH ANH ĐÀ NẴNG

MST : 0402309486

211 Nguyễn Kim, Phường Hòa Xuân, TP Đà Nẵng, Việt Nam

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập - Tự do - Hạnh Phúc

<

Hình 2.34. Bảng chấm công nhân viên

BẢNG THANH TOÁN LƯƠNG NHÂN VIÊN

Tháng 06/2025

STT	HỌ VÀ TÊN	Chức vụ	Lương cơ bản	Số ngày công	Lương theo ngày	PHỤ CẤP		TC	CP bảo hiểm			Khấu trừ lương			Thực nhận	Ký nhận	Ghi số họ tên	
						Ăn trưa	Xăng xe Điện thoại		BHXH	BHYT	BHNS	BHXH	BHYT	BHNS				
									17,5%	3%	1%	1%	1,5%	1%				
1	Nguyễn Xuân Nam	Giám đốc	5.000.000	25	4.807.692	625.000	2.000.000	7.432.692	875.000	150.000	50.000	400.000	75.000	50.000	5.907.692			
2	Trần Thủy Linh	Phó GD	5.000.000	25	4.807.692	625.000	2.000.000	7.432.692	875.000	150.000	50.000	400.000	75.000	50.000	5.907.692			
3	Lê Ngọc Minh	Quản lý	5.000.000	25	4.807.692	625.000	1.000.000	6.432.692	875.000	150.000	50.000	400.000	75.000	50.000	5.907.692			
7	Hoàng Phúc Minh Thư	Thư giãn	4.750.000	25	4.567.500	625.000	1.000.000	6.192.500							6.192.500	-		
8	Lê Tài Tài	Kho	4.750.000	25	4.567.500	625.000	1.000.000	6.192.500							6.192.500	-		
6	Trương Lợi	NV giao hàng	4.750.000	25	4.567.500	625.000	1.000.000	6.192.500	833.250	142.500	47.500	380.000	73.250	47.500	5.693.550			
4	Nguyễn Thị Hằng	Kế toán kho	4.750.000	25	4.567.500	625.000	1.000.000	6.192.500							6.192.500	-		
5	Võ Thị Kim Sang	Kế toán	5.000.000	25	4.807.692	625.000	1.000.000	6.432.692	875.000	150.000	50.000	400.000	75.000	50.000	5.907.692			
TỔNG CỘNG						37.500.000	5.000.000	10.000.000	52.500.000	4.331.250	742.500	247.500	1.980.000	371.250	247.500	49.881.250		

Hình 2.35. Bảng thanh toán lương nhân viên

Ví dụ minh họa: Tính lương nhân viên kế toán Võ Thị Kim Sang

Lương cơ bản: 5.000.000 VND

Tổng ngày công : 25 ngày

$$\Rightarrow \text{Lương thực tế} = \frac{5.000.000}{26} \times 25 = 4.807.692 \text{ VND}$$

$$\begin{aligned} \text{Tổng lương} &= \text{Lương theo ngày} + \text{Phụ cấp (ăn trưa + xăng xe điện thoại)} \\ &= 4.807.692 + 625.000 + 1.000.000 = 6.432.692 \text{ VND} \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} \text{Thực nhận} &= \text{Tổng lương} - \text{Khoản khấu trừ lương} \\ &= 6.432.692 - 525.000 = 5.907.692 \text{ VND} \end{aligned}$$

- **Nghiệp vụ 2:** Ngày 03/07/2025 Công ty TNHH Minh Anh Đà Nẵng phát sinh chi phí mua dầu DO 0.05S-II phục vụ cho hoạt động bán hàng. Công ty thanh toán tiền mặt cho Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Nam Phúc- Đà Nẵng.

The screenshot shows the 'Chứng từ mua hàng' (Purchase Invoice) form in MISA software. The form is for a purchase of oil (Dầu DO 0.05S-II) from the company 'NAM PHÚC'. The total amount is 1,111,000 VND. The form includes fields for company name, address, and a table of items. The item table shows a purchase of 1000L of DO 0.05S-II oil at a unit price of 1111 VND, totaling 1,111,000 VND. The total amount payable is 1,111,000 VND.

Hình 2.36. Giao diện hạch toán trên phần mềm Misa

CÔNG TY TNHH MINH ANH ĐÀ NẴNG 211 Nguyễn Kim, Phường Hòa Xuân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam		Mẫu số 02 - TT (Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)	
PHIẾU CHI Ngày 03 tháng 7 năm 2025		Quyển số:	
		Số: PC01727	
		Nợ: 6421, 1331	
		Có: 1111	
Họ và tên người nhận tiền: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NAM PHÚC - ĐÀ NẴNG			
Địa chỉ: 20 Yết Kiêu, Khu Tái định cư Thọ Quang 2, Phường Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam			
Lý do chi: Chi tiền mua hàng CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NAM PHÚC - ĐÀ NẴNG theo hóa đơn 194439			
Số tiền: 900.000 VND			
Viết bằng chữ: Chín trăm nghìn đồng chẵn.			
Kèm theo: chứng từ gốc			
Ngày.....tháng.....năm.....			
Giám đốc (Ký, họ tên, đóng dấu)	Kế toán trưởng (Ký, họ tên)	Thủ quỹ (Ký, họ tên)	Người lập phiếu (Ký, họ tên)
			Người nhận tiền (Ký, họ tên)

Hình 2.37. Phiếu chi số PC01727

(Sổ NKC trình bày ở trang số 86)

SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN							
Tài khoản: 6421; Năm 2025							
Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	Tài khoản	TK đối ứng	Phát sinh Nợ	Phát sinh Có
...	...	...	...	...	...	...	...
05/02/2025	05/02/2025	PC01693	Dầu DO 0.05S-II	6421	1111	818.182	0
12/02/2025	12/02/2025	PC01694	Dầu DO 0.05S-II	6421	1111	818.182	0
13/02/2025	13/02/2025	PC01729	Túi PP	6421	1111	2.650.000	0
26/02/2025	26/02/2025	PC01695	Dầu DO 0.05S-II	6421	1111	818.182	0
05/03/2025	05/03/2025	PC01696	Dầu DO 0.05S-II	6421	1111	818.182	0
11/03/2025	11/03/2025	PC01700	Dầu DO 0.05S-II	6421	1111	818.182	0
25/03/2025	25/03/2025	PC01702	Dầu DO 0.05S-II	6421	1111	818.182	0
02/04/2025	02/04/2025	PC01705	Dầu DO 0.05S-II	6421	1111	818.176	0
18/04/2025	18/04/2025	PC01708	Xăng RON95-III	6421	1111	409.091	0
18/04/2025	18/04/2025	PC01709	Dầu DO 0.05S-II	6421	1111	818.182	0
25/04/2025	25/04/2025	PC01712	Dầu DO 0.05S-II	6421	1111	727.273	0
02/05/2025	02/05/2025	PC01711	Dầu DO 0.05S-II	6421	1111	818.182	0
08/05/2025	08/05/2025	PC01713	Dầu DO 0.05S-II	6421	1111	818.182	0
16/05/2025	16/05/2025	PC01714	Dầu DO 0.05S-II	6421	1111	818.182	0
16/05/2025	16/05/2025	PC01715	Xăng RON95-III	6421	1111	454.545	0
23/05/2025	23/05/2025	PC01716	Dầu DO 0.05S-II	6421	1111	454.545	0
03/07/2025	03/07/2025	PC01727	Dầu DO 0.05S-II	6421	1111	833.333	0
07/07/2025	07/07/2025	PC01728	Xăng RON95-III	6421	1111	712.963	0
02/09/2025	02/09/2025	PC01730	Xăng Ron 95 mức 3	6421	1111	564.840	0
21/09/2025	21/09/2025	PC01770	Chi phí tư vấn doanh nghiệp lựa chọn	6421	1111	4.629.630	0
31/12/2025	31/12/2025	NVK00375	Kết chuyển chi phí bán hàng	6421	911	0	25.258.072
			Cộng	6421		25.258.072	25.258.072
			Số dư cuối kỳ	6421			

Hình 2.38. Sổ chi tiết TK 6421

SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN									
Tài khoản: 6422; Năm 2025									
Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	Tài khoản	TK đối ứng	Phát sinh Nợ	Phát sinh Có	Dư Nợ	Dư Có
01/01/2025	01/01/2025	NVK00251	chi phí môn bài	6422	3339	2.000.000	0	2.000.000	0
05/01/2025	05/01/2025	H1	Phí ngân hàng	6422	331	30.000	0	2.030.000	0
06/01/2025	06/01/2025	H2	Phí ngân hàng	6422	331	50.400	0	2.080.400	0
06/01/2025	06/01/2025	PC01685	Dầu DO 0.05S-II	6422	1111	818.182	0	2.898.582	0
...	...	...	...	...	...	...	...	...	...
08/06/2025	08/06/2025	H35	Phí ngân hàng	6422	331	30.000	0	425.679.678	0
09/06/2025	09/06/2025	PC01725	Xăng dầu	6422	1111	454.545	0	426.134.223	0
09/06/2025	09/06/2025	PC01726	Xăng dầu	6422	1111	454.545	0	426.588.768	0
30/06/2025	30/06/2025	KH00030	Khấu hao TSCĐ tháng 6 năm 2025	6422	2141	6.023.333	0	432.612.101	0
30/06/2025	30/06/2025	NVK00271	Chi phí bảo hiểm T6.2025	6422	3383	4.331.250	0	436.943.351	0
30/06/2025	30/06/2025	NVK00271	Chi phí bảo hiểm T6.2025	6422	3384	742.500	0	437.685.851	0
30/06/2025	30/06/2025	NVK00271	Chi phí bảo hiểm T6.2025	6422	3385	247.500	0	437.933.351	0
30/06/2025	30/06/2025	NVK00320	Chi phí lương 6.2025	6422	334	52.500.000	0	490.433.351	0
30/06/2025	30/06/2025	PBCC00040	Phân bổ chi phí CCDC tháng 6 năm 2025	6422	242	11.217.771	0	501.651.122	0
...	...	...	...	...	...	...	...	...	...
07/12/2025	07/12/2025	g26	THU PHI BDSĐ THANG 11/2025 (GOI: SM S STAND	6422	331	30.000	0	874.964.394	0
10/12/2025	10/12/2025	PC01753	(Dịch vụ bảo dưỡng và sửa chữa xe)	6422	1111	4.121.860	0	879.086.254	0
11/12/2025	11/12/2025	PC01754	Sửa chữa xe (Phân khấu trừ bảo hiểm)	6422	1111	462.963	0	879.549.217	0
24/12/2025	24/12/2025	g25	Gói cước dịch vụ VNPT-BHXX VAN100 18 tháng	6422	331	500.000	0	880.049.217	0
27/12/2025	27/12/2025	PC01755	Kiểm tra xe báo lỗi ABS	6422	1111	300.000	0	880.349.217	0
30/12/2025	30/12/2025	PC01760	PHI T11/2025-0402049767-GOI ESME-ADVANCED	6422	1111	149.000	0	880.498.217	0
30/12/2025	30/12/2025	PC01761	PHI T12/2025-0402049767-ALERT(25)	6422	1111	40.000	0	880.538.217	0
31/12/2025	31/12/2025	161	Phí ngân hàng	6422	1121	44.000	0	880.582.217	0
31/12/2025	31/12/2025	161	Phí ngân hàng	6422	1121	163.900	0	880.746.117	0
31/12/2025	31/12/2025	KH00036	Khấu hao TSCĐ tháng 12 năm 2025	6422	2141	6.023.333	0	886.769.450	0
31/12/2025	31/12/2025	NVK00356	Chi phí lương 12.2025	6422	334	49.292.308	0	936.061.758	0
31/12/2025	31/12/2025	NVK00357	Chi phí bảo hiểm T12.2025	6422	3383	3.500.000	0	939.561.758	0
31/12/2025	31/12/2025	NVK00357	Chi phí bảo hiểm T12.2025	6422	3384	600.000	0	940.161.758	0
31/12/2025	31/12/2025	NVK00357	Chi phí bảo hiểm T12.2025	6422	3385	200.000	0	940.361.758	0
31/12/2025	31/12/2025	NVK00375	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	6422	911	0	950.181.971	0	9.820.213
31/12/2025	31/12/2025	PBCC00046	Phân bổ chi phí CCDC tháng 12 năm 2025	6422	242	9.820.213	0	0	0
			Cộng	6422		950.181.971	950.181.971		

Hình 2.39. Sổ chi tiết TK 6422

CÔNG TY TNHH MINH ANH ĐÀ NẴNG 211 Nguyễn Kim, Phường Hòa Xuân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam					Mẫu số: S03b-DNN (Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC Ngày 26/03/2016 của Bộ Tài chính)			
SỔ CÁI (Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung) Năm 2025								
Tài		642 - Chi phí quản lý kinh doanh					Đơn vị tính: VND	
Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng		Tran g số	STT đồng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
---	---	---	---	---	---	---	---	---
30/06/2025	NVK00271	30/06/2025	Chi phí bảo hiểm T6 2025			3384	742.500	
30/06/2025	NVK0027	30/06/2025	Chi phí bảo hiểm T6 2025			3385	247.500	
30/06/2025	NVK00320	30/06/2025	Chi phí lương 6 2025			334	52.500.000	
30/06/2025	PBCC00040	30/06/2025	Phân bổ chi phí CCDC tháng 6 năm 2025			242	11.217.771	
02/07/2025	g1	02/07/2025	Phi ngân hàng			331	58.176	
03/07/2025	g2	03/07/2025	Phi ngân hàng			331	44.234	
03/07/2025	PC01727	03/07/2025	Chi tiền mua hàng CHI NHANH CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NAM PHÚC - ĐÀ NẴNG theo hóa đơn 194439			1111	833.333	
04/07/2025	g3	04/07/2025	Phi ngân hàng			331	49.232	
06/07/2025	g4	06/07/2025	Phi ngân hàng			331	30.000	
---	---	---	---	---	---	---	---	---
31/12/2025	NVK00357	31/12/2025	Chi phí bảo hiểm T12 2025			3385	200.000	
31/12/2025	NVK00375	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025			911		975.440.043
31/12/2025	PBCC000	31/12/2025	Phân bổ chi phí CCDC			242	9.820.213	
			- Cộng số phát sinh				975.440.043	975.440.043
			- Số dư cuối kỳ					
			- Cộng lũy kế từ đầu năm				975.440.043	975.440.043

Hình 2.40. Sổ cái TK 642

2.3.4. Kế toán chi phí khác

a. Nội dung kế toán chi phí khác

Trong quá trình hoạt động, doanh nghiệp có thể phát sinh một số khoản chi phí không liên quan trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường, nhưng vẫn ảnh hưởng đến kết quả tài chính.

b. Chứng từ sử dụng

- Giấy báo nợ
- Phiếu kế toán
- Hoá đơn giá trị gia tăng

c. Tài khoản sử dụng

Đề hạch toán chi phí khác, kế toán sử dụng Tài khoản 811 “Chi phí khác”. Tài khoản này cuối kỳ kết chuyển hết sang TK 911 nên không có số dư cuối kỳ.

d. Sổ sách sử dụng

- Sổ chi tiết tài khoản 811
- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái 811

e. Nghiệp vụ minh họa

Ngày 25/06/2025, Công ty TNHH Minh Anh Đà Nẵng thực hiện nộp tiền phạt vi phạm hành chính (phạt nộp chậm tiền thuế) bằng chuyển khoản qua ngân hàng, số tiền 5.366.443 đồng theo chứng từ MISA số J181.

CÔNG TY TNHH MINH ANH ĐÀ NẴNG

211 Nguyễn Kim, Phường Hòa Xuân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

GIẤY BÁO NỢ

Người nhận tiền:		Số: j181		
Địa chỉ:		Ngày: 25/06/2025		
Lý do thanh toán: Phạt nộp chậm		Tài khoản: 1121		
Số tài khoản đơn vị trả tiền: 19036058658011				
Tại ngân hàng: Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Đà Nẵng				
Số tiền: 5.366.443		Loại tiền: VND		
Số tiền bằng chữ: Năm triệu ba trăm sáu mươi sáu nghìn bốn trăm bốn mươi ba đồng chẵn.				
Diễn giải	Số tiền nguyên tệ (VND)	Số tiền (VND)	Ghi Nợ	Ghi Có
Phạt nộp chậm	5.366.443	5.366.443	811	1121
Giám đốc (Ký, họ tên, đóng dấu)	Kế toán trưởng (Ký, họ tên)	Người lập phiếu (Ký, họ tên)	Thủ quỹ (Ký, họ tên)	Người nhận tiền (Ký, họ tên)

Hình 2.41. Giấy báo Nợ

CÔNG TY TNHH MINH ANH ĐÀ NẴNG				
211 Nguyễn Kim, Phường Hòa Xuân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.				
CHỨNG TỪ KẾ TOÁN				
Tên:		Số: j181		
Địa chỉ:		Ngày: 25/06/2025		
Diễn giải: Phạt nộp chậm				
STT	Diễn giải	Ghi Nợ	Ghi Có	Thành tiền
1	Phạt nộp chậm	811	1121	5.366.443
Cộng				5.366.443
Thành tiền bằng chữ: Năm triệu ba trăm sáu mươi sáu nghìn bốn trăm bốn mươi ba đồng chẵn.				
Ghi chú:				
Kế toán trưởng (Ký, họ tên)		Giám đốc (Ký, họ tên, đóng dấu)		

Hình 2.42. Chứng từ kế toán

Ủy nhiệm chi Phương thức thanh toán: Ủy nhiệm chi

Thông tin chung

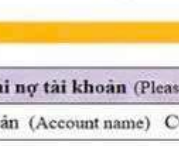
Tài khoản chi	Tài khoản nhận	Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam - Đà Nẵng
Đã hưởng		
Địa chỉ		
Tên người nhận		
Nội dung TT	Chi khác	Phạt nộp chậm
Nhận tiền		Thanh chiếu

Chứng từ

Ngày hạch toán	25/06/2025
Ngày chứng từ	25/06/2025
Số chứng từ	1181

Chuyển tiền trực tuyến

Hình 2.43. Hạch toán trên phần mềm Misa



TPBank
Vì chúng tôi hiểu bạn

ỦY NHIỆM CHI
PAYMENT ORDER

Liên 1: Ngân hàng giữ (For bank)

Đề nghị ghi nợ tài khoản (Please debit account)		Ngày (Date) 25/06/2025		Số tiền (With amount)	
Tên tài khoản (Account name) CÔNG TY TNHH MINH ANH ĐÀ NẴNG		Loại tiền (Currency) ☐ VND ☐ EUR ☐ USD ☐ Khác (Other)		Số tiền bằng số (Amount in figures) 5.366.443 VND	
Số tài khoản (Account number) 1 9 0 3 6 0 5 8 6 5 8					
Ngân hàng Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Tỉnh/ TP (With bank) Đà Nẵng		Số tiền bằng chữ (Amount in words) Năm triệu ba trăm sáu mươi sáu nghìn bốn trăm bốn mươi ba đồng chẵn.			
Người hưởng (Beneficiary)		Phí ngân hàng (Charges) ☐ Người chuyển chịu (Sender) ☐ Người hưởng chịu (Beneficiary)			
Tên tài khoản (Account name)		Số tiền phí (Amount charge)			
Số tài khoản (Account number)					
Ngân hàng Tỉnh/ TP (With bank) (Provinces/City)					
Nội dung (Details) Phạt nộp chậm		Chú tài khoản (ký và đóng dấu) (Holder's signature and stamp)			
Kế toán trưởng (Chief accountant)					
Dành cho Ngân hàng (For bank use only)					
Giao dịch viên (Teller)		Người duyệt (Approver)		Số bút toán: Nợ TK: _____ Có TK: _____ Có TK: _____	

Hình 2.44. Ủy nhiệm chi

(Số NKC trình bày ở trang số 86)

SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN									
Tài khoản: 811; Năm 2025									
Ngày hạch	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	Tài khoản	TK đối ứng	Phát sinh Nợ	Phát sinh Có	Dư Nợ	Dư Có
10/06/2025	10/06/2025	j172	BHXX THÁNG 5.2025	811	1121	213.750	0	213.750	0
25/06/2025	25/06/2025	j181	Phạt nộp chậm	811	1121	5.366.443	0	5.580.193	0
06/08/2025	06/08/2025	j292	Nộp thuế TNDN 2022	811	1121	118.047.607	0	123.627.800	0
06/08/2025	06/08/2025	j293	Phạt chậm nộp	811	1121	2.430.000	0	126.057.800	0
06/08/2025	06/08/2025	j294	Phạt chậm nộp	811	1121	30.172.969	0	156.230.769	0
06/08/2025	06/08/2025	j295	Phạt vi phạm hành chính	811	1121	35.609.521	0	191.840.290	0
17/09/2025	17/09/2025	j316	Phạt chậm nộp tndn	811	1121	4.372.007	0	196.212.297	0
17/09/2025	17/09/2025	j317	Phạt chậm nộp phạt hành chính	811	1121	712.190	0	196.924.487	0
19/09/2025	19/09/2025	j330	chậm nộp bảo hiểm	811	1121	164.443	0	197.088.930	0
31/12/2025	31/12/2025	NVK00375	Kết chuyển chi phí khác phát	811	911	0	197.088.930	0	0
			Cộng	811		197.088.930	197.088.930		
			Số dư cuối kỳ	811				0	0
Số dòng = 12						197.088.930	197.088.930		

Hình 2.45. Sổ chi tiết TK 811

CÔNG TY TNHH MINH ANH ĐÀ NẴNG	Mẫu số: S03b-DNN
211 Nguyễn Kim, Phường Hòa Xuân, Thành phố Đà Nẵng, Việt	(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm 2025

Tài	811 - Chi phí khác						Đơn vị tính: VND	
Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			- Số dư đầu kỳ					
			- Số phát sinh trong kỳ					
10/06/2025	j172	10/06/2025	BHXX THÁNG 5.2025			1121	213.750	
25/06/2025	j181	25/06/2025	Phạt nộp chậm			1121	5.366.443	
06/08/2025	j292	06/08/2025	Nộp thuế TNDN 2022			1121	118.047.607	
06/08/2025	j293	06/08/2025	Phạt chậm nộp			1121	2.430.000	
06/08/2025	j294	06/08/2025	Phạt chậm nộp			1121	30.172.969	
06/08/2025	j295	06/08/2025	Phạt vi phạm hành chính			1121	35.609.521	
17/09/2025	j316	17/09/2025	Phạt chậm nộp tndn			1121	4.372.007	
17/09/2025	j317	17/09/2025	Phạt chậm nộp phạt hành chính			1121	712.190	
19/09/2025	j330	19/09/2025	Nộp bảo hiểm			1121	164.443	
31/12/2025	NVK00375	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025			911		197.088.930
			- Cộng số phát sinh				197.088.930	197.088.930
			- Số dư cuối kỳ					
			- Cộng lũy kế từ đầu năm				197.088.930	197.088.930
- Sổ này có 01 trang, đánh số từ trang số 01 đến trang								
- Ngày mở sổ:								
Ngày tháng năm								
Người ghi sổ			Kế toán trưởng			Giám đốc		
(Ký, họ tên)			(Ký, họ tên)			(Ký, họ tên, đóng dấu)		

Hình 2.46. Sổ cái TK 811

2.3.5. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

a. Nội dung kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập hiện hành, làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

Cuối năm, căn cứ vào tổng kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, kế toán trưởng tiến hành lập tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp và nộp cho nhà nước, sau đó lưu lại các chứng từ liên quan.

b. Chứng từ sử dụng

- Tờ khai quyết toán thuế TNDN

c. Tài khoản sử dụng

- Tài khoản 821 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

d. Sổ sách sử dụng

- Sổ chi tiết TK 821

- Sổ Cái TK 821

e. Nghiệp vụ minh họa

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty vào năm 2025 là -486939031 VNĐ

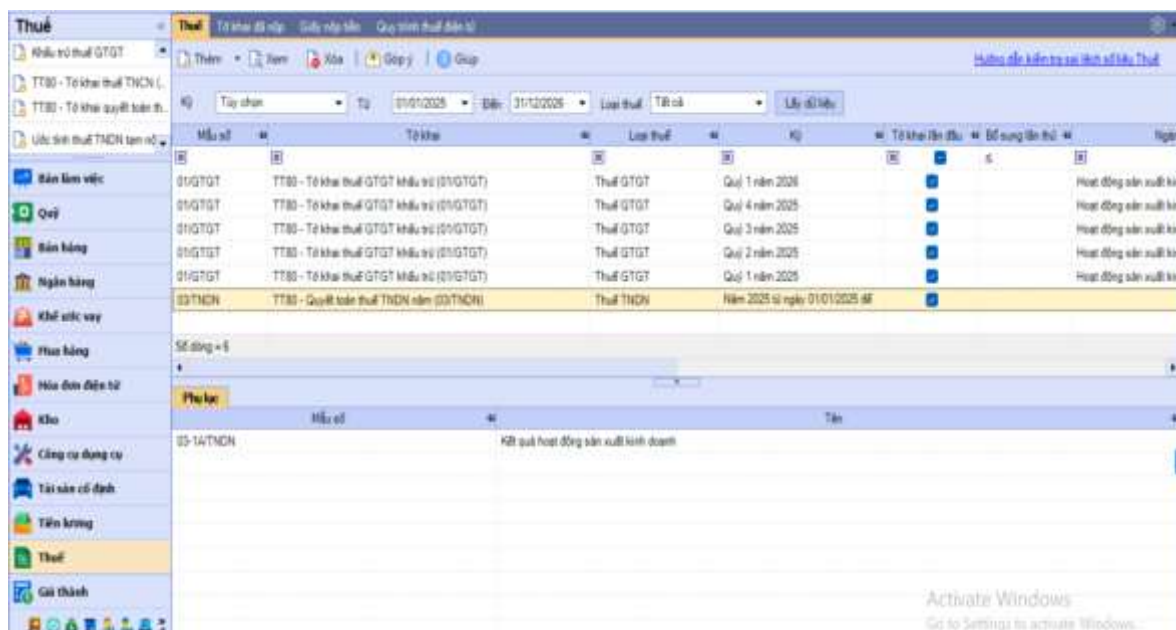
- Thu nhập chịu thuế = Tổng LNKT trước thuế TNDN + Điều chỉnh tăng tổng lợi nhuận trước thuế TNDN - Điều chỉnh giảm tổng lợi nhuận trước thuế TNDN

$$= -486.939.031 + 433.139.804 - 0$$

$$= -53.799.227$$

- Thu nhập tính thuế = Thu nhập chịu thuế - (Thu nhập được miễn thuế + các khoản lỗ được kết chuyển theo quy định (

$$= -53.799.227 - (0+0)$$



Hình 2.47. Giao diện chọn tờ khai quyết toán thuế TNDN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (MẪU SỐ 03/TNDN)

(Áp dụng đối với phương pháp doanh thu - chi phí)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2025 Từ 01/01/2025 đến 31/12/2025)

[02] Lần đầu: [X] [03] Bổ sung lần thứ: []

Mẫu số: 03/TNDN
Được hình thành theo Thông tư
số 80/2017/TT-BTC ngày 29
tháng 9 năm 2017 của Bộ
tư pháp Tài chính)

[04] Ngành nghề có tỷ lệ doanh thu cao nhất: G46 - Bán buôn

[05] Tỷ lệ (%): 100,00 %

[06] Tên người nộp thuế: CÔNG TY TNHH MINH ANH ĐÀ NANG

[07] Mã số thuế: 0402309486

[08] Tên đại lý thuế (nếu có):

[09] Mã số thuế:

[10] Hợp đồng đại lý thuế: Số

Ngày:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chi tiêu	Mã chi tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
A	Kết quả kinh doanh ghi nhận theo báo cáo tài chính	A	
1	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	A1	(486.939.031)
B	Xác định thu nhập chịu thuế theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp	B	
1	Điều chỉnh tăng tổng lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp ($B1 = B2 + B3 + B4 + B5 + B6 + B7$)	B1	433.139.804
1.1	Các khoản điều chỉnh tăng doanh thu	B2	0
1.2	Chi phí của phần doanh thu điều chỉnh giảm	B3	0
1.3	Các khoản chi không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế	B4	433.139.804
1.4	Thuế thu nhập đã nộp cho phần thu nhập nhận được ở nước ngoài	B5	0
1.5	Điều chỉnh tăng lợi nhuận do xác định giá thị trường đối với giao dịch liên kết	B6	0
1.6	Các khoản điều chỉnh làm tăng lợi nhuận trước thuế khác	B7	0
2	Điều chỉnh giảm tổng lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp ($B8 = B9 + B10 + B11 + B12$)	B8	0
2.1	Giảm trừ các khoản doanh thu đã tính thuế năm trước	B9	0
2.2	Chi phí của phần doanh thu điều chỉnh tăng	B10	0
2.3	Chi phí lãi vay không được trừ kỳ trước được chuyển sang kỳ này của doanh nghiệp có giao dịch liên kết	B11	0
2.4	Các khoản điều chỉnh làm giảm lợi nhuận trước thuế khác	B12	0
3	Tổng thu nhập chịu thuế ($B13 = A1 + B1 - B8$)	B13	(53.799.227)
3.1	Thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh	B14	(53.799.227)
3.2	Thu nhập chịu thuế từ hoạt động chuyển nhượng BĐS	B15	0
C	Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) phải nộp từ hoạt động sản xuất kinh doanh		
1	Thu nhập chịu thuế ($C1 = B14$)	C1	(53.799.227)
2	Thu nhập miễn thuế	C2	0
	Loại thu nhập miễn thuế		0
3	Chuyển lỗ và bù trừ lãi, lỗ ($C3 = C3a + C3b$)	C3	0
	Trong đó:		
3.1	+ Lỗ từ hoạt động SXKD được chuyển trong kỳ	C3a	0
3.2	+ Lỗ từ chuyển nhượng BĐS được bù trừ với lãi của hoạt động SXKD	C3b	0

4	Thu nhập tính thuế (TNTT) ($C4 = C1 - C2 - C3$)	C4	0
5	Trích lập quỹ khoa học công nghệ (nếu có)	C5	0
6	TNTT sau khi đã trích lập quỹ khoa học công nghệ ($C6 = C4 - C5 = C7 + C8$)	C6	0
	Trong đó:		
6.1	+ Thu nhập tính thuế áp dụng thuế suất 17%	C7	0
6.2	+ Thu nhập tính thuế tính theo thuế suất không ưu đãi khác	C8	0
6.3	+ Thuế suất không ưu đãi khác (%)	C8a	0
7	Thuế TNDN từ hoạt động SXKD tính theo thuế suất không ưu đãi ($C9 = (C7 \times 17\%) + (C8 \times C8a)$)	C9	0
8	Thuế TNDN được ưu đãi theo Luật thuế TNDN ($C10 = C11 + C12 + C13$)	C10	0
	Trong đó:		
8.1	+ Thuế TNDN chính lệch do áp dụng mức thuế suất ưu đãi	C11	0
8.2	+ Thuế TNDN được miễn trong kỳ	C12	0
8.3	+ Thuế TNDN được giảm trong kỳ	C13	0
9	Thuế TNDN được miễn, giảm theo Hiệp định thuế	C14	0
10	Thuế TNDN được miễn, giảm theo từng thời kỳ	C15	0
11	Thuế thu nhập đã nộp ở nước ngoài được trừ trong kỳ tính thuế	C16	0
12	Thuế TNDN phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh ($C17 = C9 - C10 - C14 - C15 - C16$)	C17	0
D	Thuế TNDN phải nộp từ hoạt động chuyển nhượng BDS	D	
1	Thu nhập chịu thuế ($D1 = B15$)	D1	0
2	Lỗ từ hoạt động chuyển nhượng BDS được chuyển trong kỳ	D2	0
3	Thu nhập tính thuế ($D3 = D1 - D2$)	D3	0
4	Trích lập quỹ khoa học công nghệ (nếu có)	D4	0
5	TNTT sau khi đã trích lập quỹ khoa học công nghệ ($D5 = D3 - D4$)	D5	0
6	Thuế TNDN phải nộp của hoạt động chuyển nhượng BDS trong kỳ	D6	0
7	Thuế TNDN chênh lệch do áp dụng mức thuế suất ưu đãi đối với thu nhập từ thực hiện dự án đầu tư • kinh doanh nhà ở xã hội để bán, cho thuê, cho thuê mua	D7	0
8	Thuế TNDN của hoạt động chuyển nhượng BDS còn phải nộp kỳ này ($D8 = D6 - D7$)	D8	0
E	Số thuế TNDN phải nộp quyết toán trong kỳ ($E = E1 + E2 + E5$)	E	0
1	Thuế TNDN của hoạt động sản xuất kinh doanh	E1	0
2	Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản ($E2 = E3 + E4$)	E2	0
2.1	Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	E3	0
2.2	Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiến độ	E4	0
3	Thuế TNDN phải nộp khác (nếu có)	E5	0
3.1	Trong đó thuế TNDN từ xử lý Quỹ phát triển khoa học công nghệ	E6	0
G	Số thuế TNDN đã tạm nộp ($G = G1 + G2 + G3 + G4 + G5$)	G	0
1	Thuế TNDN đã tạm nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh		0
1.1	Thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang kỳ này	G1	0
1.2	Thuế TNDN đã tạm nộp trong năm	G2	0
2	Thuế TNDN đã tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng BDS		0
2.1	Thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang kỳ này của hoạt động chuyển nhượng BDS	G3	0
2.2	Thuế TNDN đã tạm nộp trong năm của hoạt động chuyển nhượng BDS	G4	0
2.3	Thuế TNDN đã tạm nộp các kỳ trước và trong năm quyết toán của hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiến độ	G5	0

II	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp	II	
1	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp trong năm của hoạt động sản xuất kinh doanh ($H1=E1+E5-G2$)	H1	0
2	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp trong năm của hoạt động chuyển nhượng BĐS ($H2=E2-G4$)	H2	0
3	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà ở thu tiền thuê đất ($H3=E3-G5$)	H3	0
I	Số thuế TNDN còn phải nộp đến thời hạn nộp hồ sơ khai quyết toán thuế ($I=E-G=H1+H2$)	I	0
1	Thuế TNDN còn phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh	$I1=E1+E5-G1-G2$	0
2	Thuế TNDN còn phải nộp của hoạt động chuyển nhượng BĐS	$I2=E2-G3-G4-G5$	0

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có))

Lê Ngọc Minh

Ghi chú:

1. TNDN: Thu nhập doanh nghiệp; BĐS: Bất động sản;
2. Chỉ tiêu G1, G3: NNT kê khai số thuế TNDN nộp trước kỳ trước chuyển sang bù trừ với số thuế TNDN phải nộp kỳ này
3. Chỉ tiêu D1, G2, G4, G5: NNT kê khai số thuế TNDN đã tạm nộp vào NSNN tính đến thời hạn nộp hồ sơ khai quyết toán. Ví dụ: NNT có kỳ tính thuế từ 01/01/2021 đến 31/12/2021 thì số thuế TNDN đã tạm nộp trong năm là số thuế TNDN đã tạm nộp cho kỳ tính thuế năm 2021 tính từ ngày 01/01/2021 đến hết ngày 31/8/2022.
4. Trường hợp NNT là doanh nghiệp có sở hữu hoạt động sản xuất kinh doanh khác hoạt động kinh doanh có số chỉ tiêu NNT kê khai số thuế TNDN phải nộp của hoạt động kinh doanh có sở hữu vào chỉ tiêu E1, số thuế TNDN phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh khác vào chỉ tiêu E2, E3.
5. Các chỉ tiêu E, G: NNT không kê khai số thuế TNDN phải nộp, đã tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà được kinh.
6. Chỉ tiêu E4, G3, H3: NNT kê khai số thuế TNDN phải nộp, đã tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà được bàn giao kỳ này và có thu tiền ứng trước của khách hàng theo tiến độ (bao gồm số tiền đã thu của các kỳ trước và kỳ này).
7. Hạch toán số tiền 0 vào tiểu mục 1052: Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động sản xuất kinh doanh (gồm cả dự trừ trong lĩnh vực dầu khí).
8. Hạch toán số tiền 0 vào tiểu mục 1056: Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động nhượng, phát triển mỏ và khai thác dầu, khí thiên nhiên (không kê khai thu nhập doanh nghiệp lũy kế theo hiệp định, hợp đồng thăm dò, khai thác dầu khí)
9. Hạch toán số tiền 0 vào tiểu mục 1057: Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động xử lý số liệu thiết
10. Hạch toán số tiền 0 vào tiểu mục 1053: Thuế thu nhập doanh nghiệp từ chuyển nhượng bất động sản



Ký điện tử bởi: CÔNG TY TNHH MINH ANH ĐÀ NẴNG
Ngày ký: 24/03/2026 13:33:58.

Hình 2.48. Tờ khai quyết toán thuế TNDN

Mẫu số: 03-1A/TNDN
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

[02] Tên người nộp thuế: CÔNG TY TNHH MINH ANH ĐÀ NẴNG
[03] Mã số thuế: 0402309486

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
	Kết quả kinh doanh ghi nhận theo báo cáo tài chính:		
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	[04]	25.560.073.460
	Trong đó: Doanh thu bán hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu	[05]	0
2	Các khoản giảm trừ doanh thu ([06]=[07]+[08]+[09])	[06]	729.154.063
a	Chiết khấu thương mại	[07]	728.848.507
b	Giảm giá hàng bán	[08]	0
c	Giá trị hàng bán bị trả lại	[09]	305.556
3	Doanh thu hoạt động tài chính	[10]	28.308
	Trong đó: Doanh thu từ lãi tiền gửi	[11]	0
4	Chi phí sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ ([12]=[13]+[14]+[15])	[12]	24.741.285.178
a	Giá vốn hàng bán	[13]	23.765.845.135
b	Chi phí bán hàng	[14]	25.258.072
c	Chi phí quản lý doanh nghiệp	[15]	950.181.971
5	Chi phí tài chính	[16]	777.407.750
	Trong đó: Chi phí lãi tiền vay	[17]	0
6	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh([18]=[04]-[06]+[10]-[12]-[16])	[18]	(687.745.223)
7	Thu nhập khác	[19]	397.895.122
8	Chi phí khác	[20]	197.088.930
9	Lợi nhuận khác ([21]=[19]-[20])	[21]	200.806.192
10	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp ([22]=[18]+[21])	[22]	(486.939.031)

Ký điện tử bởi: CÔNG TY TNHH MINH ANH ĐÀ NẴNG
Ngày ký: 24/03/2026 13:33:58.

Hình 2.49. Phụ lục kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

2.4. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

2.4.1. Nội dung kế toán xác định kết quả kinh doanh

- Cuối kỳ, kết chuyển tất cả các tài khoản từ TK 511, 515, 632, 6421, 6422, 711, 811 sang tài khoản 911 để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ của công ty TNHH Minh Anh Đà Nẵng
- Công ty sử dụng phần mềm kế toán nên việc xác định kết quả kinh doanh được kế toán thực hiện vào cuối năm bằng bút toán khóa sổ trên phần mềm. Sau đó, các bút toán được kết chuyển tự động trên phần mềm, tiếp theo các dữ liệu được kết chuyển sang sổ cái TK 911

2.4.2. Chứng từ sử dụng

- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

2.4.3. Tài khoản sử dụng

- Tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh

2.4.4. Sổ sách sử dụng

- Sổ Cái TK 911

2.4.5. Nghiệp vụ minh họa

Cuối kỳ, sau khi kiểm tra các số liệu đã khớp, căn cứ vào sổ cái và sổ chi tiết tài khoản, Công ty tiến hành xác định kết quả kinh doanh. Kế toán thực hiện kết chuyển tài khoản doanh thu và chi phí trên phần mềm để xác định kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

CÔNG TY TNHH MINH ANH ĐÀ NẴNG
211 Nguyễn Kim, Phường Hòa Xuân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số: S03b-DNN
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC
Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI
(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)
Năm 2025

Tài khoản: 911 - Xác định kết quả kinh doanh

Đơn vị tính: VND

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	I	2
			- Số dư đầu kỳ					
			- Số phát sinh trong kỳ					
31/12/2025	NVK00375	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025			4212		486.939.031
31/12/2025	NVK00375	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025			5111		24.830.919.397
31/12/2025	NVK00375	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025			515		28.308
31/12/2025	NVK00375	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025			632	23.765.845.135	
31/12/2025	NVK00375	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025			635	777.407.750	
31/12/2025	NVK00375	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025			6421	25.258.072	
31/12/2025	NVK00375	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025			6422	950.181.971	
31/12/2025	NVK00375	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025			711		397.895.122
31/12/2025	NVK00375	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025			811	197.088.930	
			- Cộng số phát sinh				25.715.781.858	25.715.781.858
			- Số dư cuối kỳ					
			- Cộng lũy kế từ đầu năm				25.715.781.858	25.715.781.858

- Sổ này có 01 trang, đánh số từ trang số 01 đến trang 01

- Ngày mở sổ:

Ngày tháng năm

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Hình 2.50. Sổ cái TK 911

CÔNG TY TNHH MINH ANH ĐÀ NẴNG

211 Nguyễn Kim, Phường Hòa Xuân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số: B02-DNN

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Kỳ kế toán Năm 2025

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	25.560.073.460	46.354.997.869
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	729.154.063	2.345.799.850
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		24.830.919.397	44.009.198.019
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	23.765.845.135	42.650.760.351
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		1.065.074.262	1.358.437.668
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	28.308	42.631
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	777.407.750	327.383.824
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23			
8. Chi phí quản lý kinh doanh	24	VI.6	975.440.043	1.348.742.035
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 24)	30		(587.745.223)	(317.645.560)
10. Thu nhập khác	31	VI.7	397.895.122	815.432.419
11. Chi phí khác	32	VI.8	197.088.930	21.475.241
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		200.806.192	793.957.178
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 12)	50		(486.939.031)	476.311.618
14. Chi phí thuế TNDN	51	VI.9		99.557.372
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		(486.939.031)	376.754.246

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Ngày tháng năm

Người đại diện theo pháp luật

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Hình 2.51. Báo cáo kết quả kinh doanh

SỔ NHẬT KÝ CHUNG							
Năm 2025							
Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	Tài khoản	TK đối ứng	Phát sinh Nợ	Phát sinh Có
01/01/2025	01/01/2025	NVK00251	chi phí môn bài	6422	3339	2.000.000	0
01/01/2025	01/01/2025	NVK00251	chi phí môn bài	3339	6422	0	2.000.000
01/01/2025	01/01/2025	NVK00332	Kết chuyển đầu năm	4211	4212	243.830.882	0
...	...	...	...	...	...	...	...
31/01/2025	31/01/2025	NVK00248	Chi phí bảo hiểm t1.2025	6422	3385	295.000	0
31/01/2025	31/01/2025	NVK00248	Chi phí bảo hiểm t1.2025	3385	6422	0	295.000
31/01/2025	31/01/2025	NVK00248	Chi phí bảo hiểm t1.2025	334	3385	295.000	0
31/01/2025	31/01/2025	NVK00248	Chi phí bảo hiểm t1.2025	3385	334	0	295.000
31/01/2025	31/01/2025	NVK00360	Thưởng doanh số tháng 01.2025	331	711	18.283.600	0
31/01/2025	31/01/2025	NVK00360	Thưởng doanh số tháng 01.2025	711	331	0	18.283.600
31/01/2025	31/01/2025	NVK00360	Hỗ trợ sale Tháng 01.2025	331	3388	1.686.600	0
31/01/2025	31/01/2025	NVK00360	Hỗ trợ sale Tháng 01.2025	3388	331	0	1.686.600
31/01/2025	31/01/2025	PBCC00035	Phân bổ chi phí CCDC tháng 1 năm 2025	6422	242	11.512.614	0
31/01/2025	31/01/2025	PBCC00035	Phân bổ chi phí CCDC tháng 1 năm 2025	242	6422	0	11.512.614
31/01/2025	31/01/2025	PC01731	Chi lương T1.2025	334	1111	58.352.500	0
...	...	...	...	...	...	...	...
15/02/2025	15/02/2025	NVK00232	Chương trình KM bằng tiền theo HD 7204 ngày 12/02/2025	331	3388	600.000	0
15/02/2025	15/02/2025	NVK00232	Chương trình KM bằng tiền theo HD 7204 ngày 12/02/2025	3388	331	0	600.000
15/02/2025	15/02/2025	unc174	Trả lãi vay	635	1121	179.130	0
15/02/2025	15/02/2025	unc174	Trả lãi vay	1121	635	0	179.130
15/02/2025	15/02/2025	unc175	Trả lãi vay	635	1121	545.753	0
15/02/2025	15/02/2025	unc175	Trả lãi vay	1121	635	0	545.753
16/02/2025	16/02/2025	NTTK92	Nộp tiền	1121	1111	67.000.000	0
16/02/2025	16/02/2025	NTTK92	Nộp tiền	1111	1121	0	67.000.000
16/02/2025	16/02/2025	unc120	Trả nợ vay	635	1121	131.127	0
16/02/2025	16/02/2025	unc120	Trả nợ vay	1121	635	0	131.127
...	...	...	...	...	...	...	...
25/06/2025	25/06/2025	a52	Nộp tiền mặt	1121	1111	2.000.000	0
25/06/2025	25/06/2025	a52	Nộp tiền mặt	1111	1121	0	2.000.000
25/06/2025	25/06/2025	j181	Phạt nộp chậm	811	1121	5.366.443	0
25/06/2025	25/06/2025	j181	Phạt nộp chậm	1121	811	0	5.366.443
25/06/2025	25/06/2025	l60	Nộp tiền tài khoản	1121	1111	5.500.000	0
25/06/2025	25/06/2025	l60	Nộp tiền tài khoản	1111	1121	0	5.500.000
25/06/2025	25/06/2025	m17	Nộp tiền	1121	1111	1.240.000	0
...	...	...	...	...	...	...	...
30/06/2025	30/06/2025	NVK00271	Chi phí bảo hiểm T6.2025	6422	247.500	0	
30/06/2025	30/06/2025	NVK00271	Chi phí bảo hiểm T6.2025	3385	0	247.500	
30/06/2025	30/06/2025	NVK00271	Chi phí bảo hiểm T6.2025	334	247.500	0	
30/06/2025	30/06/2025	NVK00271	Chi phí bảo hiểm T6.2025	3385	0	247.500	
30/06/2025	30/06/2025	NVK00320	Chi phí lương 6.2025	6422	52.500.000	0	
30/06/2025	30/06/2025	NVK00320	Chi phí lương 6.2025	334	0	52.500.000	
30/06/2025	30/06/2025	NVK00365	Thưởng doanh số tháng 06.2025	331	21.105.750	0	
30/06/2025	30/06/2025	NVK00365	Thưởng doanh số tháng 06.2025	711	0	21.105.750	
30/06/2025	30/06/2025	NVK00365	Hỗ trợ sale Tháng 06.2025	331	1.842.500	0	
...	...	...	...	...	...	...	...
03/07/2025	03/07/2025	NK00971	Nước vị trái cây Kirin Ice+ Đào 490ml(Nhân)	331	0	7.683.984	
03/07/2025	03/07/2025	NVK00302	Vay Liên Việt thanh toán tiền hàng cho CÔP	331	147.445.630	0	
03/07/2025	03/07/2025	NVK00302	Vay Liên Việt thanh toán tiền hàng cho CÔP	3411	0	147.445.630	
03/07/2025	03/07/2025	PC01727	Dầu DO 0.05S-II	6421	833.333	0	
03/07/2025	03/07/2025	PC01727	Thuế GTGT - Dầu DO 0.05S-II	1331	66.667	0	
03/07/2025	03/07/2025	PC01727	Dầu DO 0.05S-II	1111	0	900.000	
03/07/2025	03/07/2025	PT07557	Trà Bì Đào Wonderfarm 310ml	1111	140.000	0	
03/07/2025	03/07/2025	PT07557	Trà Bì Đào Wonderfarm 310ml	5111	0	129.630	
...	...	...	...	...	...	...	...
29/11/2025	29/11/2025	XK07223	Ice+ Nho Xanh 490 vị trái cây	632	142.295	0	
29/11/2025	29/11/2025	XK07223	Ice+ Nho Xanh 490 vị trái cây	156	0	142.295	
29/11/2025	29/11/2025	BH04148	Trà Bì Đào Wonderfarm - Lon 240	131	6.000.005	0	
29/11/2025	29/11/2025	BH04148	Trà Bì Đào Wonderfarm - Lon 240	5111	0	5.555.560	
29/11/2025	29/11/2025	BH04148	Thuế GTGT - Trà Bì Đào Wonderfarm - Lon	33311	0	444.445	
29/11/2025	29/11/2025	XK07224	Trà Bì Đào Wonderfarm - Lon 240	632	5.190.686	0	
29/11/2025	29/11/2025	XK07224	Trà Bì Đào Wonderfarm - Lon 240	156	0	5.190.686	

...	...	...	...	...	...	...
08/12/2025	08/12/2025	XK07651	Kirin Ioe+Trà_ Hương vị táo	632	35.401	0
08/12/2025	08/12/2025	XK07651	Kirin Ioe+Trà_ Hương vị táo	156	0	35.401
08/12/2025	08/12/2025	KL8151	Nước Cốt Dừa 400ml	1111	348.003	0
08/12/2025	08/12/2025	KL8151	Nước Cốt Dừa 400ml	5111	0	322.224
08/12/2025	08/12/2025	KL8151	Thuế GTGT - Nước Cốt Dừa 400ml	33311	0	25.779
08/12/2025	08/12/2025	KL8151	Nước Cốt Dừa 160ml	1111	204.003	0
08/12/2025	08/12/2025	KL8151	Nước Cốt Dừa 160ml	5111	0	188.892
08/12/2025	08/12/2025	KL8151	Thuế GTGT - Nước Cốt Dừa 160ml	33311	0	15.111
08/12/2025	08/12/2025	KL8151	Trà Bí Đào Wonderfarm -Chai 280	1111	125.000	0
08/12/2025	08/12/2025	KL8151	Trà Bí Đào Wonderfarm -Chai 280	5111	0	115.741
08/12/2025	08/12/2025	KL8151	Thuế GTGT - Trà Bí Đào Wonderfarm	33311	0	9.259
08/12/2025	08/12/2025	XK07578	Nước Cốt Dừa 400ml	632	282.610	0
08/12/2025	08/12/2025	XK07578	Nước Cốt Dừa 400ml	156	0	282.610
08/12/2025	08/12/2025	XK07578	Nước Cốt Dừa 160ml	632	144.489	0
...	...	...	...	...	...	...
09/12/2025	09/12/2025	XK07695	Bí chai 440ml	632	132.320	0
09/12/2025	09/12/2025	XK07695	Bí chai 440ml	156	0	132.320
09/12/2025	09/12/2025	KL2150	Nước Me Wonderfarm	1111	150.760	0
09/12/2025	09/12/2025	KL2150	Nước Me Wonderfarm	5111	3.000	0
09/12/2025	09/12/2025	KL2150	Nước Me Wonderfarm	5111	0	139.815
09/12/2025	09/12/2025	KL2150	Nước Me Wonderfarm	1111	0	3.000
09/12/2025	09/12/2025	KL2150	Thuế GTGT - Nước Me Wonderfarm	33311	0	10.945
09/12/2025	09/12/2025	KL2150	Trà Bí Đào Wonderfarm 310ml	1111	145.840	0
09/12/2025	09/12/2025	KL2150	Trà Bí Đào Wonderfarm 310ml	5111	2.000	0
09/12/2025	09/12/2025	KL2150	Trà Bí Đào Wonderfarm 310ml	5111	0	135.185
09/12/2025	09/12/2025	KL2150	Trà Bí Đào Wonderfarm 310ml	1111	0	2.000
09/12/2025	09/12/2025	KL2150	Thuế GTGT - Trà Bí Đào Wonderfarm	33311	0	10.655
09/12/2025	09/12/2025	KL2150	Bí chai 440ml	1111	153.520	0
09/12/2025	09/12/2025	KL2150	Bí chai 440ml	5111	6.000	0
09/12/2025	09/12/2025	KL2150	Bí chai 440ml	5111	0	142.593
09/12/2025	09/12/2025	KL2150	Bí chai 440ml	1111	0	6.000
09/12/2025	09/12/2025	KL2150	Thuế GTGT - Bí chai 440ml	33311	0	10.927
09/12/2025	09/12/2025	XK07697	Nước Me Wonderfarm	632	133.963	0
09/12/2025	09/12/2025	XK07697	Nước Me Wonderfarm	156	0	133.963
...	...	...	...	...	...	...
31/12/2025	31/12/2025	NVK00375	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung c	5111	24.830.919.397	0
31/12/2025	31/12/2025	NVK00375	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung c	911	0	24.830.919.397
31/12/2025	31/12/2025	NVK00375	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515	28.308	0
31/12/2025	31/12/2025	NVK00375	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	911	0	28.308
31/12/2025	31/12/2025	NVK00375	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	23.765.845.135	0
31/12/2025	31/12/2025	NVK00375	Kết chuyển giá vốn hàng bán	632	0	23.765.845.135
31/12/2025	31/12/2025	NVK00375	Kết chuyển chi phí hoạt động tài chính	911	777.407.750	0
31/12/2025	31/12/2025	NVK00375	Kết chuyển chi phí hoạt động tài chính	635	0	777.407.750
31/12/2025	31/12/2025	NVK00375	Kết chuyển chi phí bán hàng	911	25.258.072	0
31/12/2025	31/12/2025	NVK00375	Kết chuyển chi phí bán hàng	6421	0	25.258.072
31/12/2025	31/12/2025	NVK00375	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	911	950.181.971	0
31/12/2025	31/12/2025	NVK00375	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	6422	0	950.181.971
31/12/2025	31/12/2025	NVK00375	Kết chuyển thu nhập khác phát sinh trong k	711	397.895.122	0
31/12/2025	31/12/2025	NVK00375	Kết chuyển thu nhập khác phát sinh trong k	911	0	397.895.122
31/12/2025	31/12/2025	NVK00375	Kết chuyển chi phí khác phát sinh trong kỳ	911	197.088.930	0
31/12/2025	31/12/2025	NVK00375	Kết chuyển chi phí khác phát sinh trong kỳ	811	0	197.088.930
31/12/2025	31/12/2025	NVK00375	Kết chuyển kết quả hoạt động kinh doanh	4212	486.939.031	0
31/12/2025	31/12/2025	NVK00375	Kết chuyển kết quả hoạt động kinh doanh	911	0	486.939.031
Số dòng = 146099					225.851.193.591	225.851.193.591

Hình 2.52. Sổ nhật ký chung

CHƯƠNG 3 – NHẬN XÉT VÀ GIẢI PHÁP KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH MINH ANH ĐÀ NẴNG

3.1. Những nhận xét đánh giá về thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Minh Anh Đà Nẵng

3.1.1. Ưu điểm

❖ Về bộ máy kế toán

Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức tương đối gọn nhẹ, phù hợp với quy mô hoạt động của doanh nghiệp. Các nhân viên kế toán được phân công công việc cụ thể như kế toán bán hàng, kế toán công nợ, kế toán kho,... giúp quá trình xử lý nghiệp vụ được thực hiện nhanh chóng và hạn chế chồng chéo công việc.

Ngoài ra, kế toán trưởng thường xuyên kiểm tra và đối chiếu số liệu giữa các bộ phận nhằm đảm bảo tính chính xác của thông tin kế toán trước khi lập báo cáo tài chính.

❖ Về tổ chức công tác kế toán

Để bắt kịp xu thế chung, với yêu cầu của nền kinh tế thị trường đòi hỏi kế toán phải thu nhập, xử lý cung cấp các thông tin kinh tế tài chính một cách nhanh chóng, kịp thời và chính xác. Đồng thời đảm bảo lưu trữ bảo quản số liệu kế toán an toàn, nâng cao năng suất, chất lượng công tác kế toán, giảm được chi phí hạch toán.

❖ Về hệ thống chứng từ và sổ sách kế toán

Công ty sử dụng đầy đủ các chứng từ kế toán theo quy định như:

- Hóa đơn GTGT;
- Phiếu thu, phiếu chi;
- Phiếu nhập kho, phiếu xuất kho;
- Giấy báo Có, giấy báo Nợ ngân hàng.

Các chứng từ phát sinh được kiểm tra trước khi hạch toán và lưu trữ theo từng tháng nên thuận tiện cho việc kiểm tra và đối chiếu số liệu.

Hệ thống sổ sách kế toán được thực hiện theo hình thức Nhật ký chung phù hợp với doanh nghiệp thương mại. Các sổ chi tiết và sổ tổng hợp được cập nhật tương đối đầy đủ, giúp phản ánh kịp thời tình hình doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của công ty.

❖ Về công tác hạch toán ban đầu

Từ công việc hạch toán ban đầu đến việc kiểm tra tính hợp lý, hợp lệ của các chứng từ được kế toán doanh nghiệp tiến hành khá cẩn thận, đảm bảo cho số liệu hạch toán có căn cứ pháp lý, đầy đủ chính xác theo yêu cầu của nhà nước.

Doanh nghiệp đã chấp hành đầy đủ các chế độ chính sách do Nhà nước quy định, ghi chép đầy đủ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh lên hệ thống sổ sách.

Bên cạnh những ưu điểm mà công tác kế toán đã làm được thì quá trình tổ chức kế toán còn tồn tại một số vướng mắc, hạn chế cần khắc phục.

3.1.2. Hạn chế

Qua quá trình tìm hiểu thực tế tại Công ty TNHH Minh Anh Đà Nẵng còn một số hạn chế như:

- ❖ Hạn chế 1: Công tác quản lý số hiệu chứng từ kế toán
 - Việc đánh số chứng từ chưa thống nhất, đôi khi còn thực hiện thủ công
 - Dễ xảy ra tình trạng:
 - + Trùng số chứng từ
 - + Thiếu số chứng từ
 - Một số chứng từ chưa được đánh số liên tục theo thời gian phát sinh gây khó khăn trong việc kiểm tra, đối chiếu và tra cứu
 - Chưa có quy định cụ thể về cách đánh số sao cho từng loại chứng từ:
 - + Phiếu thu
 - + Phiếu chi
 - + Phiếu nhập kho, xuất kho
 - Công tác lưu trữ chứng từ:
 - + Chưa sắp xếp theo số hiệu khoa học
 - + Khó tìm kiếm khi cần thiết
- ❖ Hạn chế 2: Công tác kế toán chi phí quản lý kinh doanh (TK 642) chưa chi tiết hoá, gây khó khăn cho việc bóc tách và kiểm soát chi phí bán hàng

Do công ty áp dụng Thông tư 133/2016/TT-BTC, hệ thống tài khoản chi phí chỉ được theo dõi đến tài khoản cấp hai là TK 6421 (Chi phí bán hàng) và TK 6422 (Chi phí quản lý doanh nghiệp). Với đặc thù của một doanh nghiệp thương mại phân phối sữa và nước giải khát, các khoản chi phí liên quan đến vận hành đội xe tải giao hàng, định mức xăng dầu, lương tài xế bốc xếp chiếm tỷ trọng rất lớn trong cơ cấu chi phí.

Việc tập hợp chung chung vào tài khoản cấp hai khiến Ban Giám đốc gặp khó khăn trong việc bóc tách, theo dõi biến động của từng yếu tố chi phí nhằm đánh giá hiệu quả hoạt động của đội xe tự có.

- ❖ Hạn chế 3: Rủi ro lớn về quản lý chứng từ chi phí dẫn đến khoảng chi phí bị loại khi quyết toán thuế TNDN chiếm tỷ trọng quá cao.

Qua số liệu thực tế năm 2025, mặc dù lợi nhuận kế toán trước thuế của công ty bị lỗ -486.939.031 đồng, nhưng kế toán đã phải điều chỉnh tăng thu nhập chịu

thuế tại chỉ tiêu B4 trên Tờ khai quyết toán thuế TNDN với số tiền lên tới 433.139.804 đồng. Đây là các khoản chi phí thực tế doanh nghiệp đã chi ra (như chi phí thuê ngoài bốc dỡ, chi phí sửa chữa xe, xăng dầu) nhưng do thiếu hồ sơ chứng từ hợp pháp, hợp lệ nên bị cơ quan thuế loại bỏ.

Điều này cho thấy công tác đối chiếu, kiểm tra tính pháp lý của chứng từ đầu vào tại phòng kế toán chưa thực sự chặt chẽ.

❖ **Hạn chế 4:** Công tác kế toán công nợ chưa có công cụ cảnh báo sớm rủi ro, gây ứ đọng vốn trong bối cảnh doanh nghiệp đang thua lỗ

Quy trình quản lý công nợ phải thu khách hàng (TK 131) còn mang tính thụ động. Là đơn vị bán buôn cho hệ thống đại lý diện rộng, số dư phải thu cuối kỳ của công ty thường xuyên ở mức cao. Tuy nhiên, phòng kế toán chưa xây dựng bảng phân tích tuổi nợ định kỳ để đưa ra các mức cảnh báo sớm rủi ro.

Việc thiếu các chính sách chiết khấu thanh toán linh hoạt để khuyến khích khách hàng trả nợ sớm khiến dòng vốn của công ty bị chiếm dụng kéo dài, gây áp lực lên dòng tiền mặt để thanh toán cho các nhà cung cấp lớn.

3.2. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Minh Anh Đà Nẵng

Để khắc phục hạn chế trên, công ty cần:

❖ **Giải pháp 1:** Về công tác quản lý số hiệu chứng từ kế toán

- Xây dựng quy định thống nhất về đánh số chứng từ: Liên tục, không trùng lặp
- Quy định cách đánh số cụ thể cho từng loại chứng từ
- Thực hiện kiểm tra định kỳ việc sử dụng số chứng từ
- Sắp xếp, lưu trữ chứng từ theo số hiệu, kết hợp theo thời gian giúp dễ tra cứu và quản lý.

❖ **Giải pháp 2:** Mở rộng hệ thống tài khoản chi tiết bậc 3, bậc 4 cho TK 642 nhằm tối ưu hoá công tác kế toán quản trị chi phí

- Mục tiêu: Giúp phân tách rõ ràng các yếu tố chi phí cấu thành nên chi phí bán hàng (đặc biệt là chi phí đội xe vận tải giao hàng), phục vụ cho việc cắt giảm chi phí lãng phí.

- Nội dung thực hiện: Kế toán tận dụng thiết lập trên phần mềm MISA để khai báo bổ sung các tài khoản con thuộc Tài khoản 6421 (Chi phí bán hàng) và 6422 (Chi phí quản lý doanh nghiệp) như sau:

+ TK 64211 - Chi phí nhân viên bán hàng: Chi tiết lương, phụ cấp của tài xế và nhân viên thị trường

+ TK 64212 - Chi phí vật liệu, bao bì: Chi tiết chi phí xăng dầu phục vụ đội xe giao hàng.

- + TK 64213 - Chi phí dụng cụ đồ dùng: Thùng đá, pallet nhựa phục vụ bảo quản sữa, nước giải khát.
- + TK 64214 - Chi phí khấu hao TSCĐ: Khấu hao xe ô tô tải giao hàng.
- + TK 64217 - Chi phí dịch vụ mua ngoài: Chi phí bốc xếp thuê ngoài, sửa chữa xe tải.

Ví dụ minh họa cụ thể:

Ngày 15/12/2025, công ty phát sinh hóa đơn mua xăng dầu của Công ty Xăng dầu Petrolimex phục vụ riêng cho xe ô tô tải số hiệu 43C-XXXX đi giao hàng sữa cho các đại lý bán buôn, số tiền chưa thuế là 15.000.000 VNĐ, thuế GTGT 10% là 1.500.000 VNĐ, thanh toán bằng chuyển khoản ngân hàng.

- Trước khi hoàn thiện: Kế toán hạch toán chung chung vào tài khoản cấp 2:

Nợ TK 6421: 15.000.000 VNĐ

Nợ TK 133: 1.500.000 VNĐ

Có TK 112: 16.500.000 VNĐ

- Sau khi hoàn thiện: Kế toán hạch toán chi tiết rõ ràng mã yếu tố chi phí trên phần mềm MISA:

Nợ TK 64212 (Chi phí vật liệu - Xăng dầu xe Đội 1): 15.000.000 VNĐ

Nợ TK 1331 (Thuế GTGT được khấu trừ): 1.500.000 VNĐ

Có TK 1121 (Tiền Việt Nam gửi ngân hàng): 16.500.000 VNĐ

Cuối tháng, khi xuất báo cáo chi phí từ MISA, Ban giám đốc có thể nhìn thấy ngay tổng chi phí xăng dầu chiếm bao nhiêu % trên tổng doanh thu thuần, từ đó đưa ra định mức khoán xăng dầu hợp lý cho từng tài xế.

❖ **Giải pháp 3:** Hoàn thiện quy trình kiểm soát chứng từ chi phí đầu vào nhằm giảm thiểu rủi ro xuất hiện chi phí không được trừ khi quyết toán thuế

- Mục tiêu: Khắc phục triệt để lỗ hổng quản lý chứng từ khiến doanh nghiệp bị loại hơn 433 triệu đồng chi phí hợp lý năm 2025, bảo vệ dòng lợi nhuận cho công ty.

- Nội dung thực hiện: Phòng kế toán cần ban hành một "Quy chế kiểm soát chứng từ nội bộ" quy định chặt chẽ điều kiện nghiệm thu chi phí:

+ Đối với chi phí xe vận tải (Xăng dầu, sửa chữa): Mỗi chuyến đi giao hàng cho đại lý phải kèm theo Lệnh điều xe (ghi rõ Km xuất phát, Km đến, cung đường) có chữ ký xác nhận của thủ kho và đại lý mua hàng. Hóa đơn xăng dầu cuối tháng phải khớp với định mức tiêu hao nhiên liệu đã ban hành (Ví dụ: 12 lít/100km). Phần vượt định mức mà không có lý do chính đáng sẽ hạch toán riêng để loại bỏ, tránh tình trạng gom hoá đơn không hợp lệ.

+ Đối với chi phí nhân công bốc xếp thời vụ: Phải bổ sung đầy đủ: Hợp đồng lao động thời vụ (dưới 3 tháng), Bảng chấm công, Bản sao CCCD, và Cam kết 08/CK-

TNCN (để không bị khấu trừ 10% thuế TNCN). Có như vậy, cơ quan thuế mới chấp nhận hạch toán vào chi phí được trừ.

Ví dụ minh hoạ cụ thể:

Trong năm 2025, công ty chi trả tiền thuê ngoài bốc xếp sữa từ xe container vào kho tổng cho một nhóm lao động thời vụ tự do với số tiền 40.000.000 VNĐ bằng Phiếu chi tiền mặt. Do chỉ lập phiếu chi mà không lập hợp đồng và không thu thập CCCD, khoản chi này đã bị loại toàn bộ ở chỉ tiêu B4 khi quyết toán thuế.

- Giải pháp khắc phục cho kỳ kế toán tới: Khi phát sinh nghiệp vụ tương tự, kế toán công nợ và nhân sự phải lập bộ hồ sơ gồm:

+ Hợp đồng giao khoán công việc bốc dỡ hàng hoá.

+ Danh sách kèm CCCD và chữ ký nhận tiền của từng người lao động trong nhóm.

+ Biên bản nghiệm thu khối lượng bốc dỡ hàng hoá (Số lượng thùng sữa/nước giải khát nhập kho)

Định khoản kế toán:

Nợ TK 64217 (Chi phí dịch vụ mua ngoài - Chi tiết: Bốc xếp hàng hoá): 40.000.000 VNĐ

Có TK 1111 (Tiền mặt tại quỹ): 40.000.000 VNĐ

Bộ hồ sơ đầy đủ này đảm bảo khoản chi 40 triệu đồng hoàn toàn hợp pháp, không bao giờ bị loại khi quyết toán thuế TNDN, giúp kéo giảm số chi phí không được trừ ở các năm tiếp theo.

❖ **Giải pháp 4:** Ứng dụng Bảng phân tích tuổi nợ và áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán để giải toả áp lực dòng tiền

- Mục tiêu: Thu hồi nhanh các khoản công nợ tồn đọng từ các đại lý mua buôn, tạo dòng tiền mặt quay vòng vốn, giảm áp lực lỗ tài chính.

Nội dung thực hiện:

- Kế toán công nợ định kỳ vào ngày 25 hàng tháng phải xuất Bảng phân tích tuổi nợ trên phần mềm MISA để phân loại khách hàng thành các nhóm: Nợ trong hạn (dưới 30 ngày), Nợ quá hạn nhóm 1 (31 - 60 ngày), Nợ quá hạn nhóm 2 (61 - 90 ngày) để gửi văn bản đôn đốc thu hồi nợ.

- Đề xuất cho Ban giám đốc áp dụng chính sách Chiết khấu thanh toán (Hạch toán vào TK 635): Đối với các đại lý mua buôn sữa, nếu thanh toán tiền hàng trong vòng 5 ngày kể từ ngày giao hàng sẽ được hưởng tỷ lệ chiết khấu thanh toán là 1% trên tổng giá trị thanh toán của hoá đơn.

Ví dụ minh hoạ cụ thể:

Ngày 20/12/2025, Công ty Minh Anh xuất hoá đơn bán buôn cho Đại lý Anh Phước một lô hàng nước giải khát trị giá chưa thuế là 100.000.000 VNĐ, thuế GTGT 8% là 8.000.000 VNĐ, tổng giá thanh toán là 108.000.000 VNĐ, điều khoản thanh toán thông thường là 30 ngày. Tuy nhiên, công ty áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán 1% nếu đại lý trả tiền trong 5 ngày. Ngày 23/12/2025 (sau 3 ngày), Đại lý Anh Phước chuyển khoản thanh toán sớm.

- Kế toán hạch toán nghiệp vụ bán hàng ngày 20/12/2025:

Nợ TK 131 (Phải thu khách hàng - Đại lý Anh Phước): 108.000.000 VNĐ

Có TK 5111 (Doanh thu bán hàng hoá): 100.000.000 VNĐ

Có TK 3331 (Thuế GTGT đầu ra): 8.000.000 VNĐ

- Kế toán hạch toán nghiệp vụ thu tiền và chiết khấu thanh toán ngày 23/12/2025:

Số tiền chiết khấu đại lý được hưởng: $108.000.000 \times 1\% = 1.080.000$ VNĐ.

Số tiền thực tế công ty thu về qua ngân hàng: $108.000.000 - 1.080.000 = 106.920.000$ VNĐ.

Bút toán định khoản hoàn thiện:

Nợ TK 1121 (Tiền gửi ngân hàng): 106.920.000 VNĐ

Nợ TK 635 (Chi phí tài chính - Chi tiết: Chiết khấu thanh toán cho khách hàng): 1.080.000 VNĐ

Có TK 131 (Phải thu khách hàng - Đại lý Anh Phước): 108.000.000 VNĐ

Hiệu quả thực tế mang lại: Mặc dù doanh nghiệp phải chịu một khoản chi phí tài chính nhỏ (1.080.000 VNĐ hạch toán vào TK 635), nhưng đổi lại doanh nghiệp ngay lập tức thu hồi về khoản tiền mặt gần 107 triệu đồng để tái quay vòng mua hàng hoá, không phải đi vay ngân hàng, giải quyết triệt để bài toán thâm hụt dòng tiền trong bối cảnh công ty đang gặp khó khăn do thua lỗ kế toán.

KẾT LUẬN

Trong bối cảnh nền kinh tế thị trường ngày càng phát triển và cạnh tranh gay gắt, các doanh nghiệp muốn tồn tại và phát triển bền vững cần phải không ngừng đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh. Điều này đòi hỏi doanh nghiệp phải chủ động nghiên cứu thị trường, đánh giá đúng năng lực nội tại, cải tiến công tác quản lý, ứng dụng công nghệ hiện đại, đồng thời khai thác tối đa các nguồn lực sẵn có nhằm nâng cao năng suất lao động và hiệu quả kinh doanh.

Qua thời gian thực tập tại Công ty TNHH Minh Anh Đà Nẵng, mặc dù thời gian không dài nhưng em đã có cơ hội tiếp cận thực tế công tác kế toán tại doanh nghiệp, từ đó hiểu rõ hơn vai trò quan trọng của kế toán tổng việc cung cấp thông tin tài chính phục vụ cho công tác quản lý và ra quyết định của lãnh đạo. Công tác kế toán không chỉ phản ánh trung thực tình hình sản xuất kinh doanh mà còn là công cụ hỗ trợ đắc lực giúp nhà quản trị kiểm soát chi phí, đánh giá hiệu quả hoạt động và định hướng phát triển phù hợp.

Bên cạnh đó, quá trình thực tập đã giúp em vận dụng những kiến thức lý thuyết đã được học tại trường vào thực tiễn, từng bước làm quen với môi trường làm việc chuyên nghiệp, nâng cao kỹ năng nghiệp vụ và tích lũy kinh nghiệm cho công việc trong tương lai. Đây thực sự là một cơ hội quý báu giúp em hoàn thiện bản thân cả về kiến thức lẫn kỹ năng.

Do thời gian thực tập có hạn và kiến thức thực tế còn hạn chế, bài khoá luận không thể tránh khỏi những thiếu sót nhất định. Em rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến quý báu từ thầy cô để bài khoá luận được hoàn thiện hơn.

Cuối cùng em xin chân thành cảm ơn các thầy, cô giáo trong khoa kế toán cùng toàn thể anh chị trong Công ty TNHH Minh Anh Đà Nẵng, đặc biệt là các chị trong phòng kế toán công ty và sự giúp đỡ tận tình của cô giáo ThS Nguyễn Thị Hồng Hạnh đã giúp em hoàn thành bài khoá luận này.

Em xin chân thành cảm ơn!

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Theo Thông tư 133/2016/TT-BTC ban hành ngày 26/08/2016 của Bộ Tài Chính
2. Kế toán Thiên Ưng đào tạo kế toán thực hành
3. Tài liệu sổ sách liên quan đến phần hành doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Minh Anh Đà Nẵng
4. Các bài khoá luận tốt nghiệp trên thư viện trường

Đà Nẵng, ngày tháng năm 2026

MẪU ĐƠN KHAI BÁO SỬ DỤNG AI

Khai báo của Sinh viên về việc Sử dụng Trí tuệ Nhân tạo Tạo sinh có Trách nhiệm

Tôi, Lê Thị Thúy Hằng, cam đoan rằng tôi đã sử dụng có trách nhiệm các công cụ Trí tuệ Nhân tạo Tạo sinh (GenAI) trong quá trình chuẩn bị Khoá luận này.

Bằng việc ký vào đơn này, tôi xác nhận các nội dung sau:

1. Khai báo sử dụng AI

Vui lòng cho biết bạn có sử dụng bất kỳ công cụ AI tạo sinh nào (ví dụ: ChatGPT, Gemini, v.v.) trong việc tạo ra bài làm này hay không:

- ☐ **Có**, tôi có sử dụng các công cụ AI trong bài đánh giá này.
- ☐ **Không**, tôi không sử dụng bất kỳ công cụ AI nào.

2. Chi tiết về việc sử dụng AI (Nếu bạn chọn "Có" ở trên)

- Các công cụ AI đã sử dụng:**

.....

.....

.....

- Mục đích sử dụng AI** (ví dụ: tìm ý tưởng, soạn thảo, tóm tắt, chỉnh sửa):

.....

.....

- Các phần cụ thể có sự hỗ trợ của AI:**

.....
.....
.....

- Tôi xác nhận rằng tôi đã xem xét kỹ lưỡng và xác thực tất cả nội dung do AI tạo ra về tính chính xác, tính nguyên bản và sự phù hợp.

- ☐ Có

3. Liêm chính, Trách nhiệm Học thuật và Tuân thủ Đạo đức và Pháp luật

- Tôi chịu trách nhiệm hoàn toàn về nội dung của bài nộp này và xác nhận rằng AI chỉ được sử dụng như một công cụ hỗ trợ, không phải là tác giả chính cho bài làm của tôi.
- Tôi xác nhận rằng AI không được sử dụng để ngụy tạo, làm giả hoặc thao túng dữ liệu.
- Tôi đã đảm bảo rằng không có dữ liệu bí mật hoặc riêng tư nào được chia sẻ với các công cụ AI mà không có sự cho phép thích hợp.
- Tôi đã tuân thủ tất cả các yêu cầu pháp lý liên quan đến bảo vệ dữ liệu và sở hữu trí tuệ, đồng thời đã trích dẫn nguồn một cách thích hợp.
- Bài đánh giá này phản ánh nỗ lực trí tuệ cá nhân của tôi, và trách nhiệm đối với bài làm này hoàn toàn thuộc về cá nhân tôi.

Cam kết

- Tôi hiểu rằng bất kỳ sự thiếu tuân thủ nào đối với việc sử dụng AI có trách nhiệm, bao gồm việc không khai báo sử dụng AI hoặc trình bày sai sự thật, có thể dẫn đến việc Khóa luận tốt nghiệp của tôi bị từ chối mà không cần xem xét thêm.
- Bằng việc ký vào đơn này, tôi khẳng định rằng bài nộp này phản ánh trung thực bài làm của tôi và tôi đã tuân thủ các nguyên tắc sử dụng AI có trách nhiệm.

Chữ ký: _____ Ngày: _____